



Như giữa đống rác nhớp, Quăng bỏ trên đường lớn, Chỗ ấy hoa sen nở, Thơm sạch, đẹp ý người.



(Kinh Pháp Cú 58)



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập HT.TS. Thích Hải Ấn

Phó Tổng Biên tập TT

kiểm Thư ký Tòa soạn TT.TS. Thích Minh Nhẫn

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền TT. Thích Phước Nghiêm**

Trị sự Tòa soạn ĐĐ. Thích Minh Ân

Mỹ thuật & Thiết kế Anna Huỳnh Trần

Mai Phương Nam Châu Quốc Hùng Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**

0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**

Liên hệ 0886 424 842



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969 Email: toasoanvhpg@gmail.com Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo Số tài khoản: 0071001053555 Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của Bộ Thông tin và Truyền thông Số 1878/GP. BTTTT Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang Q. Tân Phú, TP. HCM



CHỦ ĐỀ: THẮP LÊN ÁNH SÁNG

- 6 Cây cao bóng cả của đời con (SC. Thích Nữ Thanh Phát)
- 12 Cái "Tâm" của người làm thầy (Ths. Trần Quốc Giang)
- 16 Qua một số từ ngữ tiếng Việt, tìm hiểu kinh nghiệm học tập bao đời của người Việt (Nguyễn Quốc Dũng)
- 20 Tình thương của Đức Phật (Diệu Hương)

PHÂT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 26 Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, phát triển và hội nhập (kỳ 2) (TT.TS. Thích Đức Thiện)
- 38 Khái quát quản trị hành chánh trong tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam (kỳ 2) (HT. Thích Huệ Thông)
- 46 Tính tất yếu và giá trị lịch sử sự ra đời Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 (TS. Vũ Trọng Hùng)
- 56 Chùa Quảng Công ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (TS. Đinh Văn Viễn)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

- 64 Vài nét về chùa Diệu Hỷ và Hoằng Hóa Quận vương Miên Triện: Một ông Hoàng mến mộ Phật pháp (Nguyễn Văn Cương)
- 72 Danh tướng Trần Nhân Trứ và di tích văn hóa lịch sử Đình Chùa chùa Đô Quan (Đỗ Minh Nghĩa)

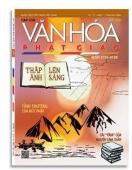
PHÂT GIÁO - KHOA HOC VÀ TRIẾT LÝ

- 78 Chiếc bè qua sông (ĐĐ. Thích Tịnh Nghiêm)
- 82 Tìm hiểu một số đặc sắc tinh thần Thiền học của Tuệ Trung Thượng Sĩ qua Tuê Trung Thương Sĩ Ngữ Luc (SC. Thích Nữ Viên Giác)

GIỚI THIỀU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiến Giang





Ý tưởng Bìa: Anna Huỳnh Trần Thiết kế: Phương Nam

THOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIỆU BIỂU TRONG THÁNG





ĐẠI LỄ KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT





2 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021





Kính thưa quý độc giả!

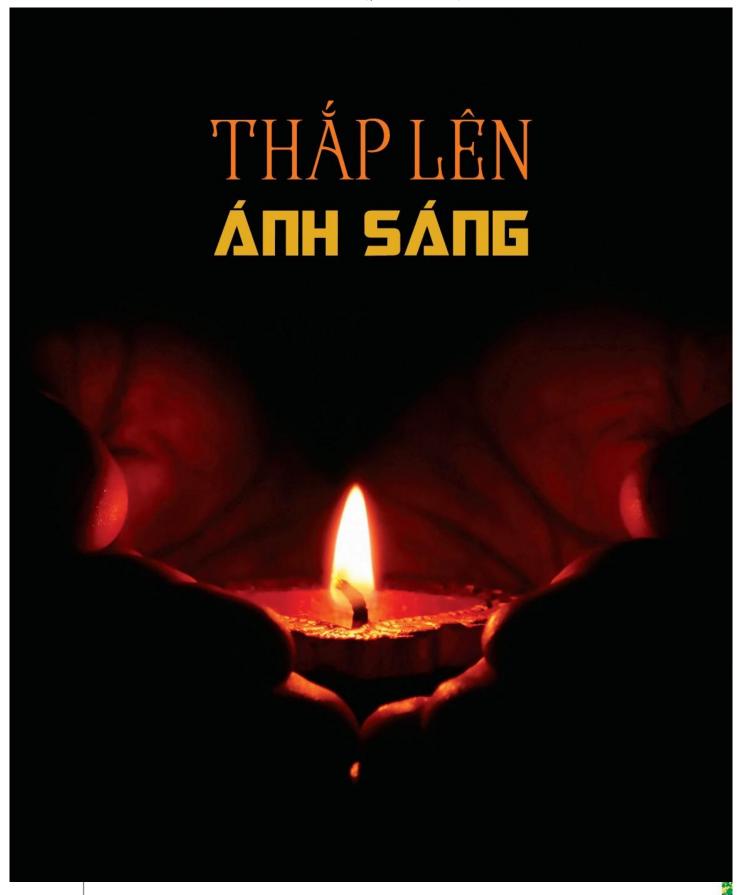
Với những câu tục ngữ như: "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư", "Không thầy đổ mày làm nên", "Tôn sư trọng đạo" từ lâu đã trở thành truyền thống đạo lý mang đậm giá trị nhân văn của dân tộc Việt. Trải qua bao thăng trầm thời gian, dù xã hội có phát triển và đổi thay, truyền thống ấy vẫn là nét đẹp trong văn hóa Việt Nam.

Dù là một tôn giáo nhưng Đạo Phật cũng không nằm ngoài truyền thống tốt đẹp ấy. Đối với những người con Phật, bên cạnh tình thầy trò ở thế gian, còn có ân nghĩa của thầy dạy đạo - Người dìu dắt, hướng dẫn phương pháp tu học để thoát khổ, thoát ly sanh tử, trao cho Giới thân - Huệ mạng bất sanh bất diệt. Với tâm nguyện "Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức", những bậc Ân sư còn cho ta con đường hướng thượng không chỉ trong đời này mà cả đời sau đều được hạnh phúc, an vui.

Có thể nói, dù xã hội phát triển như thế nào đi nữa, người thầy vẫn luôn là biểu tượng cho nhân cách, chuẩn mực đạo đức và là người truyền vào tâm hồn học trò những điều tốt đẹp, gieo mầm thiện để nhân lên những điều thiện trong tâm căn chúng đệ tử. Nhằm tôn vinh những người thầy nhân dịp đón chào ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 378 với chủ đề "Thắp lên ánh sáng" như lời tri ân sâu sắc.

Nghề giáo tạo ra những con người tri thức, có đạo đức và tài năng cống hiến cho xã hội. Dù thời nào, người thầy vẫn giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội, như nhà giáo Chu Văn An - Người thầy đạo cao đức trọng đã nói: "Ta chưa từng thấy nước nào coi nhẹ sự học mà khá lên được". Vì thế "Tôn sư" không chỉ là tôn trọng người thầy mà còn là biểu hiện của tình yêu tri thức, của văn minh và tiến bộ.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



THẮP LÊN ÁNH SÁNG





SC. Thích Nữ Thanh Phát

rong cuộc đời, ai cũng sẽ trải qua những năm tháng vui vẻ, lưu dấu những kỉ niệm đẹp và còn may mắn gặp được những người có duyên với mình, những người chỉ dạy cho ta kiến thức, những người nâng đỡ ta vượt qua mọi chông chênh, bão tổ cuộc đời. Sư phụ - Người thầy cũng là người cha thứ hai đã mang đến cho tôi một đời sống mới, mở ra một chân trời mới. Người đã dìu dắt, dạy dỗ và cho tôi cơ hội để phát triển bản thân từ ngày còn thơ.

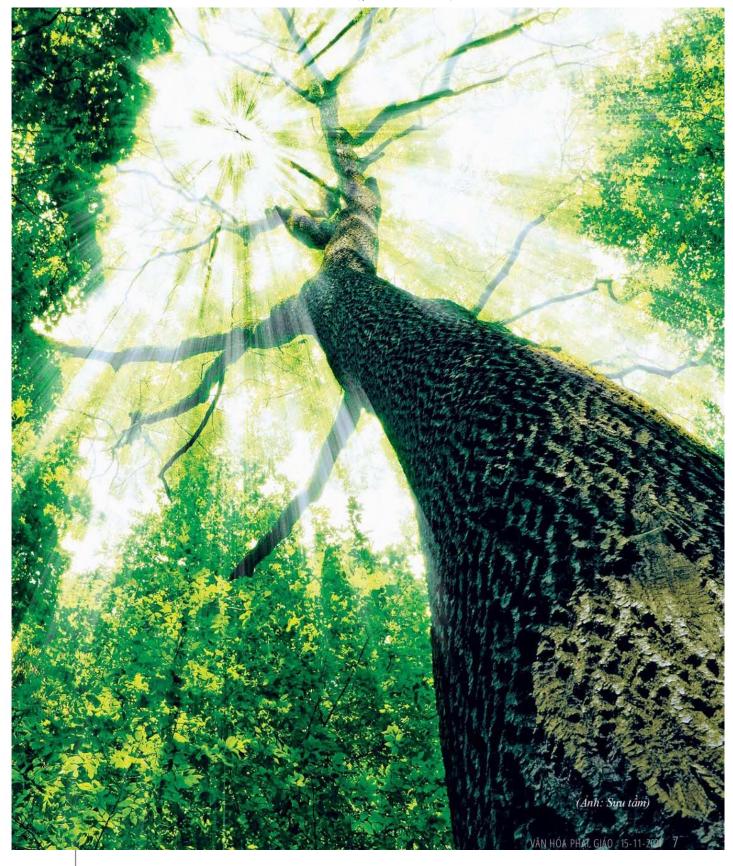
Khi còn để chỏm, những lúc được Sư phụ dẫn đi, đến nơi nào Người cũng chỉ cái này hay, cái kia đẹp, con nhớ học hỏi để về làm đẹp cho chùa mình. Nhìn lên những dòng Hán tự tại các ngôi chùa cổ, tôi không biết chữ nên không biết là gì, Sư phụ đọc từng câu, giải thích từng chữ cho tôi hiểu, rồi bảo: "Hôm nay, con không biết, thầy đọc cho con nghe nhưng ngày sau, con phải là người đọc lại cho thầy nghe. Sau này, con học gì cũng được nhưng

chữ Hán nhất định phải học để biết Kinh, biết Luật của Phật mà hành trì".

Có lẽ thời của Sư phu không được đầy đủ như cuộc sống chúng tôi bây giờ nên Người sống rất cần kiệm. Những bộ quần áo Sư phụ mặc đâu còn được nguyên ven, không vá chỗ này thì vá chỗ khác, màu áo phai bạc, đâu còn đẹp như ngày nào, trong khi có người phát tâm cúng vải may đồ thì Người lại đem cúng dường các chùa khác. Nhìn hình ảnh Sư phụ nhặt lên những chiếc nón, những đôi dép còn dùng được, khi không có người nhận, để về dùng mà lòng tôi thấy hổ then vì bản thân còn quá phung phí với những vật dụng xung quanh. Sư phụ tiết kiệm từng bao nilon, từng hộp nhựa hay từng cái áo cũ... Cái gì Sư phụ cũng nhặt về cất để lần sau dùng. Những hành động, cử chỉ của Người đã day cho chúng tôi biết quý trọng và giữ gìn vật dụng thường ngày, không tiêu xài hoang phí và biết sống đời Thiểu dục tri túc của một vi Tu sĩ xuất trần.







THẮP LÊN ÁNH SÁNG



(Anh: sưu tầm)

Nhiều hôm phụ Người, khi tôi làm thì đâu biết Sư phụ ở phía sau quan sát. Có những lúc chỉ vì muốn cho xong việc mà tôi bất cẩn hoặc làm không đúng ý Sư phụ, Người ở sau nhưng không nói một lời, chỉ im lặng đến gõ vào tay tôi một cái rõ đau, không cho tôi làm nữa, rồi tự tay mình làm lấy. Những điều dạy không lời của Người khiến tôi phải tự mình học cách để ý, tự mình học cách quan sát. Người tạo cho tôi những cơ hội, những nguồn động lực để tự khám phá tiềm năng bên trong mình. Sư phụ hay nói: "Đánh trống không

được bỏ dùi, làm việc đến nơi đến chốn, lấy ở đâu thì đặt lại chỗ đó, khi con đi ra ngoài người khác sẽ nhìn con làm mà chẳng có ai cầm tay chỉ cho con phải làm như thế nào...".

Tôi ham chơi, suy nghĩ chưa thấu đáo nên đâu biết được ý nghĩa trong hành động của Người. Sinh con ra, ai cũng mong muốn con nên người, thành tài. Sư phụ cũng vậy, Người thay song thân, nuôi dưỡng tôi lớn lên từng ngày, mong tôi nên người, sợ tôi học theo những điều không tốt rồi đánh mất bản thân.

3 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

di vao nha sư chị khác chơi mà không xin phép Sư phụ. Hai chị em âm thầm đi rồi canh giờ về kịp tụng kinh, mong không bị Sư phụ phát hiện... Về đến chùa, xong thời chú Đại Bi, bắt đầu vào tụng kinh thì Sư phu nhe nhàng đến chỗ tôi xếp cuốn kinh lại, không nói một lời, tay Người nắm tay dẫn tôi về phòng. Lúc này, tôi chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra cả, nhìn Sư phụ im lặng nên tôi cũng không dám hé một lời, cứ đứng đấy rồi mắt nhìn xuống chân. Một lúc sau, Sư phụ bảo tôi xả y, lên đơn nằm úp xuống, rồi Người đi ra. Chờ đến một lúc Sư phụ vào lại nhưng trên tay lại cầm theo một cây roi rồi bắt đầu đánh lên mông tôi, hỏi hôm nay đi đâu, đi với ai, sao không xin phép ai mà đi... Người là vậy đó, lo lắng có, thương yêu có. Người sợ chúng tôi ỷ lại, dựa dẫm vào tình thương Người dành cho rồi phát sinh những thói hư tật xấu.

Có những ngày đi làm từ thiện về, dù mệt là vì say xe nhưng chỉ cần nhìn đồng hồ vẫn còn kip giờ chúng tung kinh, Sư phu bỏ lai sau lưng những mệt nhọc, thay y áo, lên chùa để tu tập cùng đại chúng. Dù đã có tuổi nhưng chưa một lần Người than vãn mệt mỏi, tận dụng mọi khoảng thời gian để tụng niệm. Nhìn sự tinh tấn của Sư phụ, chị em chúng tôi cũng không dám giải đãi, chị trước em sau, nối gót Người lên chùa tung kinh.

Thế giới ngoài kia rộng lớn, mà tri thức chúng tôi còn quá nông cạn, chưa hiểu sự đời ra sao. Từ giã Sư phụ, chúng tôi lại lên đường tiếp tục hành trình học vấn của mình... Rồi đến ngày xa Người vào Sài Gòn học, Sư phụ chỉ dạy: "Mấy chị em lo học hành đến nơi đến chốn, học xong về phụ Thầy lo việc chùa chiền". Hôm ấy chào Sư phụ, ba chi em đi ra đến cổng vừa bước chân lên xe thì nghe tiếng Sư phụ vọng ra: "Mấy con đi đó à". Trưa nắng, dưới mái hiện chùa, nhìn bóng Sư phu một tay cầm nón, tay còn lai quet trên mặt, mắt dõi theo chúng tôi. Dù không đứng gần nhưng tôi biết lúc này Người đang khóc rồi chúng tôi cũng khóc theo, có lẽ đó là lần đầu tiên tôi thấy Sư phụ để lộ tình cảm cho chúng tôi thấy. Xe lăn bánh đưa chúng tôi đi, bóng Người khuất dần sau cánh công chùa, còn chúng tôi lại lên đường tiếp tục cuộc hành trình dang đở của mình...

cung la luc chung con phai tự minh trương thanh. Sư phụ a, con không hiểu chuyện như mấy sư chị, không phải là người giỏi giang như Người mong đợi, nhưng con tự hứa với lòng sẽ cổ gắng tu học thật tốt. Con nhớ ngày đầu tiên vào chùa, Người gặp con, bảo: "Nhìn con không biết có tu được không?". Tuy nói vậy, nhưng Sư phụ vẫn nhận rồi thế phát xuất gia cho con. Giờ ngẫm lại, con mới thấy lời Sư phụ chứa đưng bao hàm ý. Tương lai, không ai nói trước được điều gì, chỉ đến khi nhắm mắt xuôi tay, con mới biết mình có tu trọn kiếp hay không mà thôi!

Không tình cảm đong đầy, không thiên vị phân biệt, không một lời giải thích, cũng không màng đến việc đệ tử có thấu hiểu, thương yêu hay ghét bỏ. Sư phụ đã dạy cho chúng tôi biết trách nhiệm của một người Thầy ra sao, cách dạy đệ tử thế nào và những phẩm hạnh mà một người xuất gia cần có. Bất chợt nghe được bài hát Hoài niệm Ân sư, tôi thấy hình ảnh của chính mình, hình ảnh của Sư phụ trong đó: "Ngày xưa chơ vơ, thời còn ấu nhi tuổi xanh thơ dại. Thầy thay song thân, Thầy thay Thế Tôn dưỡng nuôi thâm tình. Thẩm lặng vượt bao khó khăn. Tình Thầy ngời như ánh dương. Thầy thấu suốt, nội tâm con, buồn vui ra sao. Thời gian trôi qua, đời con lớn lên, tấn tu đạo nghiệp, Thầy khai cho con, từng trang sách Kinh, áo y chu toàn. Trường đời Thầy lo đến nơi, trường đạo Thầy ban Pháp âm, nghĩa ân lớn lao cao rông Thầy ơi...".

Cả một đời, Người luôn âm thầm hy sinh, lặng lẽ chăm lo, nuôi dưỡng chúng con lớn lên từng ngày. Hình ảnh của Người là tấm gương sáng, soi đường dẫn lỗi cho chúng con vượt qua mọi chông chênh trên bước đường tu đạo. Chúng con biết phải làm sao mới báo đáp được ơn sâu của Người? Hôm nay, con không còn ở canh Sư phụ như trước nữa, nhưng những kỉ niệm cùng Người mãi lưu dấu trong tâm. Những điều day không lời của Sư phụ sẽ theo con suốt cả quãng đời còn lại trên bước đường tu tập của mình. Mỗi một hành động của Người đều cho con những bài học quý giá. Một người Thầy đặc biệt mà có lẽ là duy nhất con gặp trong đời. Thời gian không chờ đợi một ai, cảm nhận được lẽ nhân sinh vô thường, ở phương xa, con chỉ cầu mong Người nơi quê nhà,

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 9

THẮP LÊN ÁNH SÁNG

tại, kiếp này bình an - Sư phụ của con!

trải qua những ngày vô ưu, vô lo, thong dong, tự thương được. Có khi xa lánh, ghét bỏ, không tiếp xúc với họ. Những lúc như vậy, tôi lại nghĩ về Con đường mà tôi đang đi, nêp sông mà tôi đã chọn không suôn sẻ mà trải qua bao khó khăn, thử thách. Tu hành là một điều không hề dễ dàng chút nào, khi hằng ngày tôi phải thực tập quan sát thân tâm trong từng giờ, từng phút, từng giây, không để tâm ý buông lung, ngăn ngừa những tâm bất thiện sinh khởi. Khi bước chân trên con đường đạo đồng nghĩa với việc bản thân không phải sống một đời cho riêng mình, cho người thân của mình nữa mà phải sống cả cho người, cho tha nhân. Mỗi một người xuất gia đều mang trên mình sứ mệnh Hoằng pháp lợi sanh nên tôi tự ý thức, muốn làm được điều cao cả đó, bản thân phải thanh tịnh, an lạc thì mới đem chất liệu ây đến với cuộc đời, mới giúp cho người vơi bớt những nỗi khổ niềm đau.

Tôi của hôm nay không chỉ là con gái của riêng cha, riêng me mà còn là con gái Đức Như Lai -Người Cha lành mà tôi tin theo và học hỏi suốt quãng đời còn lại, nhưng Như Lai hóa hiện ở cả mười phương thế giới. Mỗi một Đức Như Lai là mỗi một vị Phật với đời sống khác nhau, với những lời thệ nguyện độ thoát chúng sanh, là những người cha lành, những người thấy dẫn dắt tâm linh cho những đứa con của mình, là những người thầy thuốc trị những thứ bệnh khổ của chúng sanh, loại bỏ những điển đảo vọng tưởng do tham, sân, si, chấp ngã phiền não gây ra bao khổ đau trong cuộc đời. Mỗi một vi Phật, mỗi một vị Bồ tát đều là những tấm gương sáng, làm thức tỉnh con người bên trong chính tôi. Khi gặp những điều nghịch ý, bất đồng quan điểm với mọi người xung quanh, cũng có lúc khởi lên tâm sân giận vì những hiểu lầm, tranh chấp không đáng có. Rồi sinh ra những tâm niệm chán nản, không màng đến những thời khóa tụng niệm, tôi lại nhớ đến Đức Phật Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni với hạnh kham nhẫn, tinh tấn tu học mà tự thực tập sửa mình, không để những tâm bất thiện khởi lên, quay về an trú nơi ông Phật trong tự thân không dám buông lung.

Trong cuộc sống, có những người có duyên và cũng có những người không có duyên, có những người dễ thương, tôi thương họ nhiều nhưng cũng có một số người chưa dễ thương, tôi không

Đức Phạt A Di Đa với tam nguyện binh đăng luôn hướng về tất cả chúng sanh, theo dõi và thương yêu chúng sanh chẳng khác nào Mẹ hiền thương con thảo. Ngài Quán Thế Âm Bồ tát với lòng từ bi bao la rộng lớn, với một trái tim không biên giới, yêu thương hết thảy chúng sanh, tùy duyên ứng hóa thân mà cứu vớt chúng sanh thoát khỏi những đau khổ, trầm luân. Từ đó, lòng tôi thay đổi cách nhìn nhận, cách đối nhân xử thế, tập quán chiếu mọi người bình đẳng như nhau, thương người này được thì thương người khác được, giúp đỡ người này được thì giúp đỡ người khác được, không bỏ ai lại sau lưng. Thực tập cùng người vượt qua mọi khó khăn cuộc sống.

Những lúc vì sân giận, tâm đố ky, lòng ích kỷ trong tôi trỗi dậy quá mạnh, khiến tôi giải quyết vấn đề theo những dòng cảm xúc bất ổn, sai xử mà làm tổn thương đến người, khiến họ phải trải qua bao đau khô, chịu đưng bao nhiều phiền não, tôi lại nhớ đến Đức Phật Dược Sư Lưu Ly mang trong mình ánh sáng của ngọc lưu ly, ánh sáng đó chiếu đến đâu thì phá hết những tăm tối vô minh của chúng sanh, đem lợi lạc và diệt trừ tất cả những bệnh khổ về thân và tâm, khiến chúng sanh xa lìa mê vọng mà hướng đến giác ngộ, giải thoát. Một đấng giác ngộ với lòng bi mẫn vô lượng thương yêu hết thảy chúng sanh. Với mười hai lời đại nguyện của mình, Ngài giúp chúng sanh tránh khỏi những đau đớn về thể xác và tinh thần, thoát khỏi những hiểm nguy, chướng ngại, giúp họ diệt trừ tam độc Tham - Sân - Si, cội nguồn của mọi bệnh tật và khổ đau. Nhờ vậy, tôi học sửa mình, đã không đem được niềm vui, hạnh phúc và sự bình an đến cho người khác thì không để ai phải vì mình mà chiu đau khô, không để ai phải vì mình mà chiu tổn thương.

Trong cuộc sống, có những người tôi không có duyên với họ, họ làm tổn thương đến tôi, họ nhìn nhận tôi không trọn vẹn và chính xác, làm nước mắt tôi rơi thì tôi lại nhớ đến ngài Di Lặc Bồ tát với tấm lòng bao dung và hoan hỷ, ngài Đại Thế Chí Bồ tát với lòng đại từ hỉ xả. Học theo hạnh nguyện của các Ngài khiến lòng tôi hoan hỷ, bình thân đón nhận những điều bất như ý đến với mình. Thực tập hạnh bao dung, bỏ qua và tha thứ

10 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021





cho người, không ghét bỏ họ, cũng không ôm ấp những tâm niệm thù hằn trong tâm trí.

Mỗi khi làm việc gì mà chỉ nghĩ đến lọi ích và tổn thất của bản thân, không quan tâm đến người khác, có tâm niệm bất thiện khởi lên là họ có ra sao, đó là việc của họ, không liên quan đến mình thì tôi lại nhớ đến ngài Địa Tạng Vương Bồ tát với lời thệ nguyện vào trong địa ngục - Nơi chứa đựng những quả báo đau khổ tận cùng, để cứu độ chúng sanh thoát khỏi cảnh giới đó. Từ đó, tôi thực tập thay đổi bản thân, phát Bồ đề tâm dũng mãnh, cố gắng tu tập, thực hành Bồ tát đạo, rèn luyện tâm chân thành, không vị kỉ, không tự tư tự lợi, gieo trồng nhiều thiện căn để đem lại lợi lạc cho mình, cho người, khiến ai cũng được bình an, hạnh phúc.

Có những lúc tôi ham chơi, không chịu học hỏi, ai hỏi đến gì cũng không biết thì tôi lại nhớ đến ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát với một trí tuệ tối thắng không ai sánh kịp. Tôi tự biết quý trọng thời gian, nỗ lực tìm tòi và học hỏi kiến thức, bù đắp lại những tháng ngày bị lãng quên. Bên cạnh đó cũng không thiếu những thói hư tật xấu, chỉ chuyên nhìn thấy lỗi của người mà chê bai, trách mắng, tạo không biết bao nhiêu nghiệp thì tôi nhớ đến ngài Phổ Hiền với mười lời đại nguyện. Từ đó, học theo hạnh nguyện của Ngài, xem tất cả mọi người đều là Phật, Bồ tát

mà tôn trọng, cung kính, khen ngợi những điều hay ở họ, không thấy lỗi nơi người mà phản quang tự kỷ, soi xét chính mình, giữ gìn các nghiệp thanh tịnh, thực tập tạo phước điền, bố thí cúng dường.

Những khi tôi làm điều gì bất chính, sai sự thật, tôi lại nhớ đến lời Sư phụ từng dạy. Có những hôm kết thúc thời kinh, Sư phụ hay dẫn tôi đi quan sát, sửa sang từng bàn thờ, đến chỗ ngài Hộ Pháp thì Sư phụ bảo: "Hộ Pháp chùa mình linh lắm, con làm gì cũng phải ngay thẳng, đoan chính, con mà làm sai cho dù không có ai biết, nhưng Ngài Hộ Pháp biết hết, ở đâu Ngài cũng có mặt hết con à. Con mà không ngay thẳng, Ngài sẽ đuổi con, không cho con ở chùa nữa". Từ đó, tôi cố gắng thực tập, sửa chữa những thói hư tật xấu của chính mình, tập sống Chánh niệm hơn.

Cuộc đời xuất gia của tôi trải qua những năm tháng an bình và hạnh phúc, khi may mắn được sống chung trong một Tăng chúng đông đảo và hòa hợp, được Sư phụ nuôi nấng, dưỡng dục, bao bọc và che chở tôi lớn lên từng ngày. Được sống trong sự tỉnh thức dưới ánh hào quang của mười phương chư Phật và được sự gia trì của chư vị Hộ Pháp Thiện thần mà tôi cố gắng thực tập sửa mình để mỗi ngày mỗi hoàn thiện hơn, tốt hơn hôm qua dù chỉ là một chút thôi. Được như vậy cũng là niềm vui lớn nhất trong tôi lúc này.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 11

THẮP LÊN ÁNH SÁNG





Gia người làm thấy

ThS. Trần Quốc Giang

ân tộc ta vốn có truyền thống "tôn sư, trọng đạo", nên thời kỳ nào "nghề giáo" cũng luôn được coi trọng. Bởi người làm nghề giáo ngoài "Tài" và "Đức" còn đòi hỏi phải có cái "Tâm" sáng với trái tim đầy nhiệt huyết, hết lòng vì tiền đồ đất nước thì mới có thể làm được. Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, xin có đôi lời về cái "Tâm" của người làm thầy để góp phần tôn vinh những người làm "nghề giáo"...

Ở Việt Nam, "nghề giáo" luôn được coi là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý. Hình ảnh người thầy luôn được mọi người yêu quý, tôn trọng vì rất nhiều lý do, nhưng có lẽ lý do quan trọng nhất chính là lòng kiên nhẫn, khả năng truyền đạt cho các thế hệ con người, bởi người làm nghề giáo là những người dìu dất thế hệ trẻ của đất nước. Để làm được như thế, chỉ có thể là những người thật sự có cái "Tâm" sáng trong trái tim đầy nhiệt huyết, với

tấm lòng vì mọi người, vì tiền đồ của đất nước thì mới có thể làm được. Theo đó, trong mỗi thời kỳ cách mạng, "nghề giáo" vẫn luôn nhận được sự quan tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội, vì hình ảnh người thầy không chỉ đơn thuần là những người dạy học mà còn là những người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận giáo dục nước nhà.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước, dân tộc. Đồng thời, Người đánh giá cao vai trò của người làm nghề giáo trong việc mở mang dân trí, chăm lo sư nghiệp giáo dục. Người cũng đặt ra những yêu cầu đối với người làm nghề giáo: "Nhiêm vu của các cô giáo, thầy giáo rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó thì phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lập trường chính trị; phải ra sức đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ" [1] và muốn làm được như thế thì người làm thầy phải thật sự có cái "Tâm"...

THỂ NÀO LÀ CÁI "TÂM"CỦA NGHỀ GIÁO?

Trong lịch sử nước ta, không thể kể hết những tấm gương nhà giáo có cái "Tâm" sáng. Từ buổi bình minh của nền giáo dục phong kiến Việt Nam, Chu Văn An nổi danh là người thầy mẫu mực, đức đô, tâm huyết với nghề day học và được các vua Trần trong dung, suốt đời luôn là người thầy lỗi lạc. Nhiều thế hệ học trò của ông dù đã đỗ đạt, có chức tước cao, có địa vị nhưng vẫn kính nể, cúi mình trước ông. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên đã nhận định: "Cụ rất đáng là ông tổ của nhà Nho Việt" [2], ông là bậc "van thế sư biểu" - như theo cách gọi của các sử gia Việt Nam. Trang Trình Nguyễn Binh Khiêm được biết đến nhiều vì tư cách đạo đức và trình đô phân tích tình hình chính trị xuất chúng thời Nam – Bắc triều. Nhà bác học Lê Quý Đôn là một nhà Nho, nhà giáo

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021



VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 13

THẮP LÊN ÁNH SÁNG



VÌ SAO NGƯỜI THẦY CẦN PHẢI CÓ CÁI "TÂM"?

Cái "Tâm" đối với nghề giáo là yêu cầu quan trọng không thể thiếu. Không phải ngẫu nhiên mà dân tộc ta có truyền thống "Tôn



(Nguồn: baogialai.com.vn)

nổi tiếng cuối thời Lê Trung Hưng, biên soan nhiều công trình có giá trị văn hiến sâu sắc. Thầy giáo Cao Bá Quát cũng là người thầy nổi tiếng, yêu nước, thương dân. Cụ Đồ Chiếu - Nguyễn Đình Chiếu, là tấm gương sáng về sư hiểu thảo, hiếu học, có cái "Tâm" nhà giáo và thầy thuốc... Chúng ta còn biết đến người thầy Nguyễn Tất Thành Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, là người luôn hết lòng truyền đạt tri thức và tư tưởng tiến bộ, gieo vào tâm trí thế hệ tương lai nỗi niềm trăn trở về vận mệnh đất nước, là người thầy tân tình chỉ bảo, đào tao nên những chiến sĩ cộng sản xuất sắc. Người từng dạy: "Chữ là mắt. Người không có chữ coi như bị mù. Không có chữ con người ta bé nhỏ trước tất cả và mãi mãi sẽ là vật sai khiến, vật hi sinh của bọn thống trị. Cho nên các trò phải học, học chữ để nên người, để giúp dân cứu nước" [3]... Còn như nhà giáo Lê Thước, Giáo sư Đặng Thai Mai, thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký, nhà giáo Văn Như Cương... là những người thầy lớn đã công hiến trọn đời cho sự nghiệp giáo dục và được nhiều thế hệ học sinh kính trong.

Qua hình ảnh của những người thầy, có thể thấy, dù ở chế độ xã hội nào, hoàn cảnh đất nước ra sao, luôn luôn có những nhà giáo với cái "Tâm" sáng. Ho đều có những điểm chung, là tấm gương sáng về lòng nhân ái, sư mẫu mực, đức độ, tâm huyết với nghề; là những người tân tình chỉ bảo, đào tạo học trò, cương nghị và nghiêm khắc trong việc day - học, lấy lòng bao dung, nhân hậu, vị tha mà đối đãi học trò,... Tất cả những điều đó chính là cái "Tâm" của người thầy và không hề cao xa đối với người thầy thời nay. Những đức tính ấy, người giáo viên nào cũng có thể noi theo!

sư trọng đạo". Vi thê, ở bắt kỳ thời điểm lịch sử nào, nhà giáo và nghề dạy học cũng luôn được xã hôi tôn vinh.

Ai cũng biết, muốn có những học sinh giỏi thì phải có người thầy tốt. Người thầy tốt, theo chúng tôi, phải hội tụ đủ các yếu tố "Tâm", "Tài" và "Đức". Tuy nhiên, vì có "Tâm" nên mới yêu nghề, yêu các thế hệ học trò của mình, từ đó làm động lực để chuyên tâm bồi dưỡng, tôi luyện "Tài", "Đức". Cái "Tâm" sẽ là điều kiện, là chất xúc tác duy trì và phát triển "Tài", "Đức" của người thầy. Mặt khác, sự nghiệp trồng người không chỉ là truyền bá kiến thức, cung cấp lý thuyết khô khan, mà còn là cả quá trình quan sát và truyền đạt kinh nghiệm về mọi mặt của đời sống xã hội, sao cho vừa là người thầy đáng kính, vừa có thể trở thành một người ban đáng tin cậy của học trò. Hình ảnh người thầy tốt sẽ góp phần hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Thông qua việc day học bằng cái "Tâm", người thầy đã gieo mầm để phát triển những phẩm chất tốt đep trong học sinh, tạo dựng cho người học thái độ và năng lực nghề nghiệp cần thiết, hình thành nhân cách tốt để trở nên người có ích cho xã hôi.

Nghề giáo - người chèo đò tốt là người không chỉ là biết chèo là đủ, mà còn phải là người tận tâm, tận tình chỉ bảo cho học trò của mình, để các em có thể tự thân vận động giữa biển cả cuộc đời,

14 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

kể cả khi không có người chèo đò bên cạnh. Vậy nên, người thầy rất cần phải có cái "Tâm".

LÀM GÌ ĐỂ NGƯỜI THẦY LUÔN GIỮ ĐƯỢC CÁI "TÂM"?



Đạo làm người đã khô, đạo làm thầy còn khó hơn. Chọn nghề giáo tức là đã chọn cho mình con đường đi đến chân lý, đi đến sự hoàn thiện. Con đường này không dễ dàng cho những ai không xem trọng cái "Tâm" làm thầy, không vững vàng trước nghịch cảnh, không chịu đựng được gian khổ, mềm lòng trước vật chất, tiền tài của xã hội phù hoa,... Để giữ được cái "Tâm", người thầy phải không ngừng rèn luyên, hoàn thiên lối sống, nhân cách của mình, có tấm lòng nhân ái, làm việc có trách nhiệm với danh dự, nghề nghiệp.

Dù trong thời đại nào, những người thật sự yêu quý nghề giáo đều luôn trong tâm thế cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, mang trong mình khát vọng lớn lao đào tạo, gọt giữa và hoàn thiện phẩm cách người học trò để đáp ứng sự kỳ vọng của gia đình và xã hội. Muốn được như thế, người thầy càng phải không ngừng trau dồi, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức, học tập, cập nhật tri thức, sáng tạo trong phương pháp giảng dạy để đem lại hiệu quả cao nhất cho người học; góp phần làm phát triển nền giáo dục, xây dựng con người mới và đất nước để xứng đáng với sứ mệnh cao quý của người thầy trong sự nghiệp giáo dục nước nhà. Trong sâu thẳm của tình yêu nghề, thông qua hoạt động day học, người thầy giáo bao giờ cũng là "kim chỉ nam" giúp học sinh tiến xa hơn trong mọi mặt của đời sống xã hội. Thế nên, người



(Nguồn: sưu tầm)

thầy còn phải tích cực đồng hành với học trò, thắp lên khát vọng hùng cường của dân tộc để sánh vai với các cường quốc năm châu.

Việc "trồng người" xưa nay vốn đã khó, nay lại có phần khó hơn. Trước sư hội nhập quốc tế ngày càng sâu rông, khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, xã hội biến chuyển nhanh chóng, đối tượng người học cũng khác xưa, tác động từ các nhân tố ngoài nhà trường đến học sinh ngày càng lớn, đòi hỏi nghề giáo cũng phải biến đổi thì mới có thể đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao, mục tiêu ngày càng lớn, áp lực ngày càng nhiều do muôn mặt cuộc sống mang lại. Cho nên, đứng trước những thay đối nhanh chóng của xã hội, cái "Tâm" người thầy giáo cần phải vững vàng, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của mình, không vì những khó khăn bản thân, không vì những tác động của cái tiêu cực mà lung lay cái "Tâm"... Xã hội càng phát triển, đòi hỏi người thầy phải nâng cao phẩm chất và năng lực của mình, giữ vững cái "Tâm" để thực hiện đạo làm thầy.

Hiểu rõ trách nhiệm của mình trong dòng chảy phát triển của lịch sử dân tộc, người thầy cũng phải thường xuyên rèn giữa để củng cố tấm lòng nhiệt huyết với nghề, cùng với cái "Tâm" chân thành, niềm khát khao cống hiến và dẫn dắt thế hệ trẻ để tạo ra các thế hệ tương lai của đất nước vừa hồng vừa chuyên, vừa có kiến thức tốt vừa có nhân cách tốt,... Tâm có sáng thì đạo mới sáng; đạo sáng thì hình tượng người thầy mới tỏa hào quang, xứng đáng với sứ mệnh cao cả được Đảng, Bác Hồ và nhân dân tôn vinh, tin tưởng giao phó!

Chú thích:

[1] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 14*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, tr. 747. [2] Theo Nguyễn Hữu (12/2014), "Vạn thế sư biểu Chu Văn An – Người thầy của muôn đời", *Bảo tàng Lịch sử Quốc gia*, Truy cập 11/2021, từ www. baotanglichsu.vn.

[3] Đoàn Hồng Thái (11/2007), "Thầy giáo Nguyễn Tất Thành", *Báo Tuổi trẻ Online*, Truy cập 11/2021, từ https://tuoitre.yn.

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Bất Khuất (2018), Nhà giáo Văn Như Cương và những điều còn mãi, Nxb. Thông tin và Truyền thông.
- 2. Nguyễn Ngọc Ký (2016), *Tôi học đại học*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- 3. Trần Hữu Tá (2018), *Từ bục giảng đến văn đàn Chân dụng 25 người thầy*, Nxb. Trẻ.
- Đoàn Hồng Thái (2007), Thẩy giáo Nguyễn Tất Thành, Truy cập 10/2021. từ https://tuoitre.vn.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 15

THẮP LÊN ÁNH SÁNG







Nguyễn Quốc Dũng*

ói đến vấn đề học tập, một điều thú vị là tiếng Việt có khá nhiều từ ngữ phản ánh những kinh nghiệm, cách thức, thái độ học tập khác nhau, như: Học hành, học tập, học hỏi, học vet, học gạo, học lóm (học lỏm), học mót, học vấn, học thức, học đại, học đòi... Xét về từ loại, chỉ có hai từ học vấn và học thức thuộc lớp danh từ; còn lại là các động từ chỉ quá trình học tập, rèn luyện tri thức. Xét về cấu tạo, các từ này đều có chung thành tố "Học" nhưng lại thuộc hai kiểu cấu tạo khác nhau: Từ ghép đẳng lập (học hành, học tập, học hỏi, học vấn, học thức) và từ ghép chính phu (học vet, học gạo, học lóm/học lỏm, học mót, học đại, học đời...). Tìm hiểu, phân tích cấu tạo ngữ nghĩa các từ này, nhìn chung, có thể nêu mấy nhận xét về cách thức, kinh nghiệm học tập của người Việt Nam ta.

ĐÚC KẾT KINH NGHIỆM HỌC TẬP

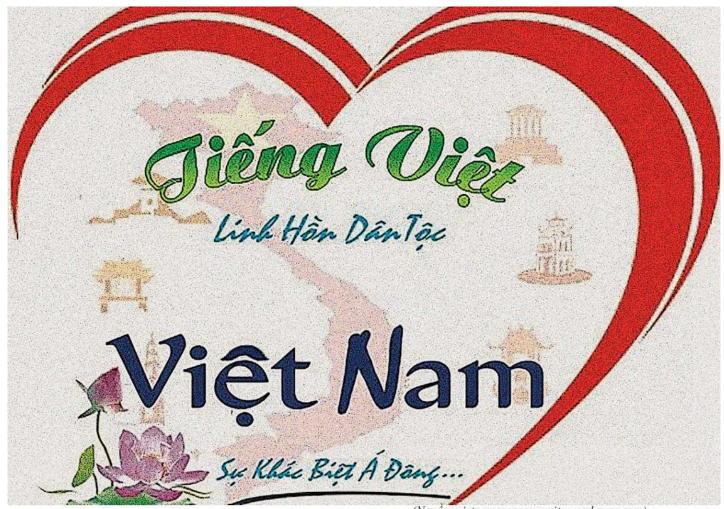
Trước tiên, trong phạm vi các từ ghép đẳng lập, ngoài hai danh từ *học vấn, học thức* biểu thị ý nghĩa "Tri thức, hiểu biết" do kết quả học tập đem lại, các từ khác là động từ biểu thị quá trình học tập theo một cách thức nhất định. Trong cấu tạo của các từ *học*

tập, học hành và học hỏi, các yếu tố cấu thành chúng (học, tập, hành, hỏi) cho thấy học trong quan niệm chính thống của người Việt không phải là một quá trình tiếp thu thụ động mà là một hoạt động tích cực của người học. Để có được kiến thức vững vàng, người học cần phải thực hành, luyện tập những hiểu biết đã học; tìm tòi, hỏi han, trao đổi với thầy cô, bạn bè trong quá trình học. Nói đơn giản, muốn đạt được thành quả tốt đẹp thì học phải đi đôi với hành, với tập (học hành, học tập), không nên chỉ dùng lai ở lý thuyết suông. Không những thế, có học phải có hỏi (học hỏi). Học phải biết hoài nghi, nghi vấn thì mới tìm tòi, nghiên cứu để thỏa mãn những điều còn mơ hồ. Không phải ngẫu nhiên mà tiếng Việt lại có được cách diễn đạt sâu sắc như các từ trên. Ất hẳn là cả một quá trình đúc kết kinh nghiệm học tập của cha ông ta.

HỌC VỆT, HỌC GẠO, HỌC LÓM...

Đối lập với cách học tích cực nói trên, các từ ghép chính phụ (học vẹt, học gao, học lóm, học mót...) lại biểu thị những cách học tạm bợ, nhất thời, không mang tính hệ thống. Học vẹt là học thuộc lòng một cách máy móc mà không hiểu gì, giống như con vẹt;

VĂN HỐA PHẬT GIÁO 15-11-2021



(Nguồn: vietnamesecommunity.wordpress.com)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 17

THẮP LÊN ÁNH SÁNG

học gạo là học cắm cúi, cốt thuộc bài để ứng phó với các kỳ thi trước mắt; học mót là học bằng cách lượm lặt ở người này người kia, chỗ này chỗ nọ một ít, không theo trường lớp hệ thống nào; còn học lớm hay học lỏm là học bằng cách nghe, nhìn người khác mà làm theo, không cần đến người chỉ dẫn... Trong nhóm từ này, học đời thực ra không phải là học; đó chỉ là hành động bắt chước [1]. Các thành tố phụ vẹt, gạo, mót trong các từ ghép chính phụ trên cho thấy những cách thức học khác nhau. Những cách học như

hành. Như vậy, trong tiếng Việt hiện nay, học hành có thể được dùng theo hai kiểu cấu tạo khác nhau (từ láy hay từ ghép) tuỳ theo ngữ cảnh.

Những dẫn giải ở trên cho thấy, trong quá trình phát triển của tiếng Việt, do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có những nguyên nhân xã hội chủ quan (như sự phát triển của giáo dục, nhu cầu học tập của quần chúng,...) mà trong xã hội gần đây đã xuất hiện một số từ mới, ghi nhận những cách học khác nhau, chủ

thể mang tính tạm bợ, đối phó mà kết quả là những yếu là những cách học không chính thông. mớ hiểu biết thiếu chín chắn (học gạo), nông cạn, vụn vặt, không đến nơi đến chốn (học lớm, học mớt), thậm

HỌC TẬP HIỆU QUẢ

mớ hiểu biết thiếu chín chắn (học gạo), nông cạn, vụn vặt, không đến nơi đến chốn (học lóm, học mót), thậm chí mơ hồ (học vẹt). Giá trị ngữ nghĩa của các thành tố phụ ấy cho thấy thái độ phê phán những lối học vô bổ, tiêu cực, thiếu khoa học mà không ít bộ phận người học trong xã hội ta còn mắc phải.

CHỮ HỌC TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ

Với cái nhìn lịch sử, từ đầu thế XIX trở về trước, để chỉ quá trình học tập, từ những sử liệu để lai chỉ ghi nhận trong tiếng Việt hai từ học và học hành [2], đều được phiên dịch ra tiếng Latinh là "studere", nghĩa là "Học, nghiên cứu" (Từ điển Taberd, 1838). Đến cuối thế kỷ XIX, tư liệu ghi nhận xuất hiện thêm hai từ học lóm, học mót (xem Từ điển Huỳnh Tịnh Của, 1895), là những cách học vặt vãnh, chưa phải học theo đúng nghĩa của nó. Sau đó, tiếng Việt đã nảy sinh những từ mới thể hiện các cách học khác nhau, đa dang hơn nhiều. Cũng chính trong thời đai hiện nay, chúng ta mới dùng và hiểu từ học hành theo nghĩa của từ ghép đẳng lập "Có học phải có hành". Nghĩa ban đầu của từ này là một từ láy [3]: "học tập nói chung" (xem Taberd). Thực ra, đây mới là nghĩa chính của từ, bởi các tự điển tiếng Việt hiện đại nhìn chung đều định nghĩa từ học hành theo nghĩa này. Chẳng hạn, theo Từ điển Văn Tân (1997, tr.521) thì "Học hành là học nói chung"; còn theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học (1992, tr.454) thì "Học hành là học văn hoá, có thầy, có chương trình, có hướng dẫn (nói khái quát)". Hoặc đơn giản như Từ điển giáo khoa tiếng Việt tiểu học của Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1995) chỉ giải thích gọn nhẹ: "Học hành: Học" (tr.171). Ý nghĩa hiểu theo cấu tạo từ ghép đẳng lập của từ này là cách vân dung linh hoạt do sư liên tưởng trên cơ sở từ tố phái sinh hành (mang nghĩa hư) của từ láy sang từ tố hành gốc Hán Việt (mang nghĩa thực) của từ ghép. Từ điển Văn Tân (1997) ghi nhân nghĩa này với vi trí là nghĩa thứ hai của từ học

Muc đích của việc học nhằm có đầy đủ tri thức, nắm vững những hiểu biết chuyên môn ngành nghề (có cơ hội nâng cao tri thức) để làm việc thuận lợi, nhanh chóng, có hiệu quả. Vấn đề đặt ra cho việc học, để tạo lập hành trang hữu ích vào đời, là "Học thế nào có hiệu quả?". Đó là một vấn đề hết sức bình thường nhưng không phải lúc nào cũng được mọi người quan tâm và nhân thức đầy đủ, đúng đắn về nó. Trong một xã hội chuộng bằng cấp mà giáo dục trở thành một món hàng hoá thì vấn đề ấy lại càng được ít người quan tâm. Việc học tưu trung được nhìn nhận chỉ cốt kiếm lấy tấm bằng làm "Giấy thông hành" vào đời, hơn là chiếm lĩnh kiến thức thực sự. Đó là một nhận thức sai lầm và vô cùng tai hại cho nền giáo dục nước nhà nói riêng và tiền đồ đất nước nói chung.

Thực ra, về kiến thức, học thực sự bao giờ vẫn hơn, như dân gian thường nói, có học thì "không nẩy bề dọc cũng nây bề ngang"! Trong xã hội xưa, người có học thức luôn được kính nể, tôn trọng. Ngày nay cũng vậy. Tuy nhiên, dầu xưa hay nay, sự kính trọng ấy chỉ thực sự có được với những người trí thức chân chính. Để đạt được những kiến thức hữu ích, người học phải thực sự cầu thị ở việc học của mình: Học thế nào cho hiệu quả. Học có hiệu quả đòi hỏi phải có phương pháp. Ngoài những phương pháp chung qua thầy cô, môn học... Người học còn phải tự tìm cho mình những phương pháp học tập riêng phù hợp với hoàn cảnh, môi trường, điều kiện cuộc sống đặc thù của mình. Phương pháp học tập truyền thống của người Việt Nam đã được đúc kết thành kinh nghiệm trong mấy chữ giản dị: "học hành, học tập, học hỏi". Học phải có hành, tức phải có luyện tập thì kiến thức mới bền vững; và học còn phải biết hỏi han, truy vấn, suy nghĩ, tìm tòi, nghiên

18 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

cứu cho đến cùng thì kiến thức mới thâm sâu, uyên bác. Phương pháp "Học gắn liền với hành, tập và hỏi" còn bao hàm ý nghĩa người học phải luôn luôn có ý thức chủ động, tích cực học tập, rèn luyện kiến thức của mình. Điều này quả không xa lạ với chủ trương, phương pháp dạy học của chúng ta ngày nay. Nhờ có kinh nghiệm, phương pháp học



tập chủ động, tích cực như trên mà trong xã hội ta thời phong kiến đã xuất hiện biết bao trí thức, hiền tài đóng góp trí lực cho đất nước. Ngoại trừ số ít là con cháu quan lại, vua chúa được theo học trường lớp chính quy (Quốc Tử Giám), còn lại chủ yếu là những người xuất thân từ quần chúng nông dân, chỉ được thụ giáo ở các Thầy đồ, hay may hơn là ở các quan Nghè, ông Cống về hưu tự mở lớp ở làng quê và cơ bản



(Nguồn: hail.to)

là tự học. Lịch sử cho thấy thành công của việc học phần lớn là do nỗ lực tự thân của người học. Dĩ nhiên "Không thầy đố mày làm nên", nhưng người học nếu không nỗ lực, chủ động thì dù người dạy có giỏi đến mấy e cũng khó thành công được!

Tóm lại, qua mấy từ ghép biểu thị quá trình học tập của người Việt trong tiếng Việt, chúng ta thấy kinh nghiệm học tập của dân ta đã được phản ánh sâu sắc, không những về phương pháp mà còn cả về thái độ. Quả thực, về phương pháp học tập, cha ông ta đã để lại một kinh nghiệm quý báu trong từ ngữ tiếng Việt: "Học hành, học tập, học hỏi". Học thực sự thì không nên chỉ học lóm, học mót; lại càng chẳng bao giờ nên học vẹt, học gạo. Học thực sự là học gắn liền với hành, tập và hỏi", trong đó "Học hỏi" là quá trình tiêu biểu nhất. Bởi học mà không hỏi, tức không biết nghi vấn thì sẽ không có nhu cầu giải tỏa thắc mắc, chẳng cần phải suy nghĩ tìm tòi sâu xa hơn nữa. Nhà văn L.Tolstoi đã nói một câu chí lý mà mỗi người học cần suy nghiệm: "Tri thức là kết quả của sự suy nghĩ tìm tòi, chứ không phải là trí nhớ". Trần Mạnh Hảo trong một bài viết về nhà văn Nguyễn Khải, cũng phát biểu một ý tương tự khá sâu sắc: "Một người trí thức không biết hoài nghi chỉ là một con vẹt. Không có sự hoài nghi đi kèm, niềm tin chỉ còn là ngụy tín". Ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, kinh nghiệm học tập ấy được thể hiện khéo léo thành phương châm dạy-học thiết thực và vô cùng đơn giản trong ba từ "Văn - Tư - Tu" (Nghe - Suy nghĩ - Thực hành).

Chú thích:

- * Nguyễn Quốc Dũng, Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.
- [1] Tử điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học (Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, 1992) định nghĩa:
- Học tập: Học và luyện tập để hiểu biết, để có kỹ năng (tr.454).
- Học hỏi: Tìm tòi hỏi han để học tập (tr.454).
- Học đòi: Bắt chước làm theo những việc không hay gì một cách thiếu suy nghĩ. Ví dụ: Học đòi ăn diện (tr.453).
- [2] Trong Từ điển Taberd, bên cạnh hai từ học và học hành, còn có từ học đòi, nhưng nghĩa của nó không cùng hệ thống với học. Học đòi tương đương tiếng Latinh là imitari (tr.204) có nghĩa là "Bắt chước".
- [3] Học hành, trong trường hợp này có thể hiểu là một từ láy, bởi nó có cùng cơ cấu nghĩa khái quát như các từ láy: Tập tành (tập nói chung), dỗ dành (dỗ nói chung), nhặt nhạnh (nhặt nói chung), vui vẻ (vui nói chung), buồn bã (buồn nói chung), sạch sẽ (sạch nói chung), nói năng (nói nói chung), làm lụng (làm nói chung)...

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 19

THẮP LÊN ÁNH SÁNG







Cia Dic Plat

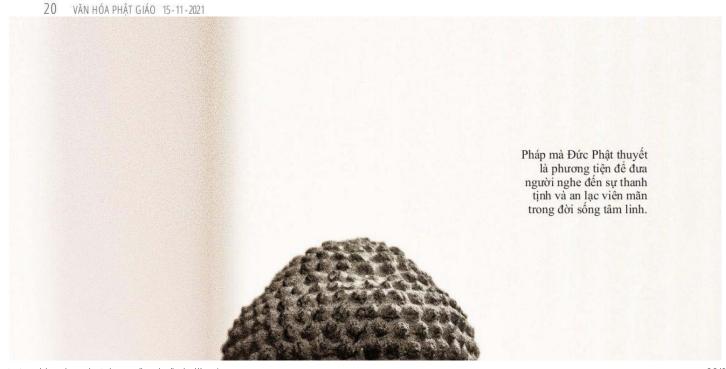
Diệu Hương

rong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy: "Vì lòng thương tưởng chúng sanh, vì lợi ích cho chư Thiên và loài người mà ta xuất hiện nơi đời". Thật vậy, bốn mươi chín năm du hóa của Ngài đã chứng minh được điều đó.

Sau khi thành đạo bên cội Bồ-đề, Đức Phật phân vân giữa việc nên sống thanh tịnh ở chốn thanh vắng hay ra ngoài tuyên thuyết chánh pháp mà Ngài vừa chứng ngộ. Khi Ngài nghĩ đến một quốc độ đang thịnh hành bởi ngũ trược và sáu mươi hai tà kiến, con người đang bị chi phối bởi tham,

sân, si và khi các ác trược đang ngư trị trên quốc độ này, Ngài chấp nhận lời thinh cầu của Phạm Thiên tuyên thuyết chánh pháp. Ngài lại nhận thấy sự hiểu biết của thính chúng không thể lãnh thọ được giáo lý thâm sâu, cao thượng mà Ngài vừa chứng ngộ, có thể thính chúng sẽ mắc vào lỗi hủy báng. Do đó, trước tiên, Ngài đi đến Ba-la-nại độ cho năm anh em ông Kiều Trần Như đang tu khổ hạnh về giáo lý tịnh lạc.

Đức Phật đã siêu xuất khỏi Tam giới, Ngài xuất hiện ở đời vì lòng thương tưởng chúng sanh như con đỏ. Ngài thấy chúng sanh bị luân hồi trong sanh tử không biết phương tiện để thoát ly nên dùng mọi phương tiện để tế độ. Với trí tuệ thâm sâu của mình, Ngài nhân thấy có chúng sanh nhẹ về lòng sân nhưng nặng về lòng tham, lại có chúng sanh nhẹ về lòng tham nhưng nặng về lòng sân, có chúng sanh sáng suốt, có chúng sanh si mê, thanh tịnh hay tà kiến. Cho nên, Ngài thuyết pháp bằng nhiều phương tiện khác nhau để thích ứng sự sai biệt của tâm tánh từng người. Như thế, sau khi tìm hiểu tâm tánh và khả năng của chúng sanh mà Ngài muốn độ, Ngài lựa chọn những phương tiện và lời dạy





VÃN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 21

THẮP LÊN ÁNH SÁNG





thích hợp với tâm tánh của họ, từ từ đưa họ vào chánh pháp.

Đối với người cư sĩ, trước hết Đức Phật giảng về bố thí, giới, sanh thiên, những nguy hiểm, tệ hại, nhiễm ô của dục vọng và lợi ích của giải thoát. Ngài sửa soạn cho tâm trí của các đệ tử thuộc đẳng cấp Bà-la-môn bằng những cuộc đàm thoại về các vấn đề tế tự, về giai cấp, rồi giới thiệu chánh pháp một cách thích hợp. Đối với nông phu, Ngài giảng dạy những vấn đề liên quan đến cày ruộng... Sau khi nhận thấy tâm trí của người nghe sẵn sàng, Ngài mới day những giáo lý cao hơn, về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Hoài bão của Đức Phật là "Khai thị chúng sanh, ngô nhập Phật tri kiến", giúp cho chúng sanh tỏ ngô trí tuệ và giải thoát khỏi chấp thủ. Tất cả các pháp mà Ngài nói ra đều vì lợi ích con người nói riêng và chúng sanh nói chung. Trong Saddharma Pundarīka Sūtra trích dẫn lời của Đức Phật: "Ta là vị Đại ẩn sĩ, là Cha của tất cả chúng sanh trong Tam giới đang bị dục vọng chi phối. Tam giới rất đáng sợ, đầy rẫy nhiều khổ đau. Chúng sanh bị đốt cháy trong Tam giới này bởi ngọn lửa sanh tử, già nua và bệnh tật. Ta đã thoát ly ra ngoài Tam giới, nhưng vì ngọn hra ấy đốt cháy con cháu của Ta, vì vậy Ta cần phải dùng phương tiện chỉ cho chúng biết con đường giải thoát khỏi những sự đau khổ trong Tam giới".

Đức Phật có thể thị hiện vào một trong sáu đường, đến với các hội chúng của Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, chư Thiên... trong hình ảnh, cung cách và ngôn ngữ giống họ. Ngài nói chuyện, khích lệ, khiến họ được lợi ích an lạc. Kinh nói: "Khi Ta ẩn mình, họ không biết Ta là ai, người hay phi nhân" (Trung A-hàm Kinh, bài Kinh Địa Động, phẩm Vị Tằng Hữu, số 36).

Sau khi bằng vô lượng phương tiện để khuyến phát, khát ngưỡng thành tựu cho người nghe hoan hỷ, tức là sau khi Ngài nói về

22 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021





thí, về giới, về pháp sanh Thiên, nói dục là tai hoạn, sanh tử là cấu uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, là đạo phẩm thanh tịnh rồi, Ngài biết người nghe có tâm nhu nhuyến, tâm hoan hỷ, tâm chuyên nhất, tâm sáng suốt, biết có khả năng kham thọ được Chánh Pháp rồi, Ngài nói về pháp yếu chơn chánh, về khổ, tập, diệt, đạo để người nghe được pháp nhãn tịnh (Trung Bộ Kinh, số 38).

Đức Phật thường được mọi người gọi là Bậc đạo sư, là Đấng cha lành hay Vị lương y có thể chữa trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Ngài có thể bằng mọi phương tiện đưa chúng sanh từ luân hồi

đau khổ đến tịch tịnh an vui. Khi nhận thấy tâm trí của các đệ tử đã khai mở, tiến thêm một bước nữa, Ngài lại dùng phương tiện để đưa người trí đến giải thoát tối hậu giống như Ngài. Ngài dạy các vị Thanh văn: "Các vị là Phật sẽ thành" (Kinh Pháp Hoa).

Tình thương của Đức Phật là tình thương bằng trí tuệ, tình thương bằng tuệ giác. Vì thương tất cả chúng sanh trôi lăn biển khổ sanh tử, xoay vần qua lại không có ngày ra, nên Đức Phật mới xuất hiện ở đời, dùng phương tiện đưa chúng sanh vào trí Phật. Khi mới thành đạo, Đức Phật quán chúng sanh thấy căn cơ của họ còn thấp

kém, nên Ngài mới từ từ dẫn chúng sanh vào Nhất thừa. Bởi vì chúng sanh trong sáu nẻo lên xuống không đồng, nhưng vào đường hiểm sanh tử thì lại đồng. Vì chúng sanh không ngộ được diệu tính mà mình sẵn có đầy đủ, lại vọng chấp ngã kiến, từ nơi khổ vào nơi khổ, từ nơi tối tăm vào nơi tối tăm, hoàn toàn không có ngày tinh ngộ. Do đó, Đức Phật khởi tâm đại từ bi dùng nhiều nhân duyên thí dụ để khai mở chánh nhãn cho đệ tử của Ngài.

Các hình ảnh sống động trong Kinh Pháp Hoa như: Ngôi nhà lửa Tam giới, cùng tử, được thảo dụ,... tuy khác nhau nhưng tất

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 23

THẮP LÊN ÁNH SÁNG

cả đều là diệu lý, rất tâm lý, rất khoa học. Ở hội Pháp Hoa, khi năm nghìn người rời khỏi hội là những người đó bước vào hàng tăng thượng mạn, còn năm trăm người được tho ký đều tôn kính dấu vết của mật hóa. Cho nên, Phật phóng quang hiện điểm lành, mở ra nguồn giáo để cho đệ tử phát nguồn thưa thỉnh, nhân đó Đức Phật xuất định, dương đức diễn rộng về Phật tuê. Thí du vào nhà cũ mục là phép tắc chung để dẫn vào Đại thừa; dụ hóa thành thì ý dẫn duyên xưa không mất; dụ buộc châu nói về lý thường



trụ; dụ đào giêng hiên bày nhiêu cách khai ngộ. Ngôn từ nghĩa lý rõ ràng, thí dụ trình bày sâu xa, đó chẳng phải Đức Phật có lòng từ rộng lớn vớt những kẻ đắm chìm, tâm bi cùng tột cứu những kẻ mất tính hôn mê hay sao?

Suốt bốn mươi chín năm giáo hóa, ánh sáng giác ngộ của Ngài đã lan tỏa khắp mọi nơi. Ngài đã giáo hóa đủ mọi thành phần xã hội, từ giai cấp Bà-la-môn đến Sát-đế-lợi, Phê-xá, Thủ-đà-la; từ vua quan đến thứ dân; từ nam đến nữ; từ già đến trẻ; và có cả tướng cướp sát nhân khét tiếng hay cả dâm nữ... Hàng vạn người dân trong mọi tầng lớp xã hội Ấn Đô được thừa hưởng kết quả giác ngộ của Ngài. Đến cuối đời, chánh pháp của Ngài đã có mặt rất nhiều nơi ở Ấn Đô và lan tỏa đến các quốc gia láng giềng. Sự ảnh hưởng giáo lý Phật-đà đã giúp người dân nhiều nơi sống trong hòa bình, hạnh phúc và an lạc. Đến thời đại của hoàng để Asoka thuộc vương triều Maurya (thế kỷ III TCN), Phật giáo bắt đầu được truyền bá sang các vùng biên giới của tiểu lục địa Ấn Độ, phía Đông tới Miến Điên, phía Nam tới Tích

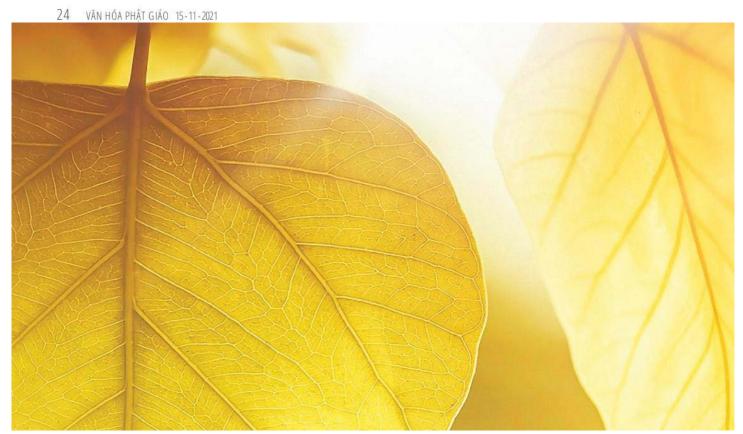


Lan, phía Tây tới Syria và Phật giáo đã nhanh chóng trở thành một tôn giáo rộng khắp thế giới.

Với cương vị của một vị Đạo sư, một Đấng giác ngộ, Đức Phật đã trao truyền những kinh nghiệm sống, tu tập và sự thể nghiệm hương vị giải thoát cho hàng đệ tử tại gia và xuất gia của Ngài. Pháp mà Đức Phật thuyết là phương tiện để đưa người nghe đến sự thanh tịnh và an lạc viên mãn trong đời sống tâm linh. Đức Phật đã dạy cho chúng ta con đường chuyển hóa khổ đau. Tất cả chúng ta có thể bị chi phối

bởi những cảm xúc tiêu cực cùng những tâm bất thiện quấy nhiễu. Nếu biết ứng dụng những lời Phật dạy vào đời sống hàng ngày, chúng ta sẽ được hạnh phúc, an lac ngay trong hiện tai.

Hạnh phúc và an lạc sẽ mim cười với những ai biết lắng nghe, biết suy tư và tu tập theo lời Phật dạy. Dù cho cuộc đời có chịu sự chi phối của con lốc vô thường, mong rằng nội tâm chúng ta vẫn vững vàng để bước đi trên con đường giác ngộ giải thoát mà Như Lai đã dạy. Kính chúc mọi hành giả đạt được sự an lạc mà mình mong muốn!





PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Ra đơi, phát triển (Kỳ 2)



hật giáo là tôn giáo giàu tính bao dung và vô cùng năng động trong tiếp biến. Vì vậy, khi tiếp xúc với bất kỳ nền văn hóa nào, Phật giáo đã rất nhanh chóng được đón nhận và hòa quyện vào trong mình những nét văn hóa bản địa làm nên những bản sắc riêng có của từng nền văn hóa Phật giáo ở mỗi quốc gia. Với lịch sử hơn 2.000 năm du nhập, Phật giáo đã thấm sâu vào trong đời sống văn hoá của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Trong quá trình phát triển, Phật giáo với tư cách là một tôn giáo, đã có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Phật giáo càng phát triển và bén rễ sâu trong đời sống xã hội thì sự gắn bó dân tộc càng sâu sắc hơn. Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) năm 1981 chính là thành quả kết tinh hàng nghìn năm Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc và là kết quả tất yếu trong dòng chảy lịch sử Việt Nam.

VĂN HÓA PHÂT GIÁO 15-11-2021





TT. THÍCH ĐỨC THIỆN*

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 27

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

THÀNH TỰU TO LỚN CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG 40 NĂM TRƯỞNG THÀNH VÀ HỘI NHẬP CÙNG ĐẤT NƯỚC

Kể từ khi được thành lập đến nay, trải qua 40 năm, với 8 nhiệm kỳ Đại hội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có những bước phát triển toàn diện, vượt bậc, phù hợp với vị thế và tiềm lực sẵn có, hòa nhập với xu thế phát triển chung của đất nước, hội nhập sâu rộng và có tầm ảnh hưởng với cộng đồng quốc tế.

Về phát triển tổ chức Giáo hội, đào tạo Tăng tài, hoằng dương chính pháp, phục vụ đồng bào Phật tử

dục Phật giáo Trung ương, Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, Ban Hoằng pháp Trung ương, Ban Nghi lễ Trung ương, Ban Văn hóa Trung ương, Ban Kinh tế Tài chính Trung ương, Ban Phật giáo Quốc tế Trung ương, Ban Pháp chế Trung ương, Ban Kiểm soát Trung ương, Ban Thông tin Truyền thông Trung ương và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Hoạt động của các Ban, Viên Trung ương nhằm thực hiện phương châm của GHPGVN là "Đao pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội" và phấn đấu cho mục tiêu phát triển sự nghiệp hoằng dương Phật pháp, phát triển Phật giáo Việt Nam trong nước và ở nước ngoài;

Hoằng pháp là nghĩa vụ, đồng thời là sứ mệnh thiêng liêng, là sự nghiệp hàng đầu của GHPGVN. Với phương châm: "hoằng pháp vi gia vu, lợi sinh vi bản hoài" hoạt đông hoằng pháp những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong các hoạt động Phật sự của GHPGVN trong hơn 08 nhiệm kỳ trưởng thành và phát triển. Sư nghiệp hoằng pháp của GHPGVN thực sự phản ánh tính kế thừa, tiếp nổi, phát huy những tinh hoa 2.000 năm Phật giáo Việt Nam mà chư vi lịch đại Tổ sư đã lưu truyền mạng mạch Phật pháp trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Công tác hoằng pháp, hướng dẫn Phật tử đã có nhiều sáng tạo từ hình thức sinh hoạt đến nội dung phong phú.

GHPGVN đã hoàn thành việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đây là cơ sở thuận lợi để các hoạt động Phật sự ích đạo, lợi đời của Giáo hội được triển khai đồng bộ, thông suốt. Sự nghiệp hoằng dương chính pháp, phục vụ đồng bào Phật tử và nhân dân được rộng khắp không chỉ ở khu vực thành thị, nông thôn, mà còn bao phủ khắp cả vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tôc thiểu số miền núi góp, phần cùng với Đảng, Nhà nước, Chính phủ triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia đạt hiệu quả cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng khó khăn. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân.

Hội đồng Trị sự GHPGVN không ngừng kiện toàn và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các hoạt động Phật sự thông qua 13 Ban, Viện chuyên môn: Ban Tăng sự Trung ương, Ban Giáo tham gia xây dựng, bảo vệ Tô quốc, phục vụ dân tộc, phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới.

Sự nghiệp phát triển giáo dục Phật giáo, hệ thống các trường đào tạo của GHPGVN đóng góp vào sư nghiệp phát triển giáo dục chung của nước nhà. Hiện nay, Giáo hội có 04 Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ; 35 trường Trung cấp Phật học tại các tính, thành phố; 08 lớp Cao đẳng Phật học, hàng trăm lớp Sơ cấp Phật học tại các cơ sở tự viện Phật giáo. Hệ thống giáo dục Phật giáo đã đào tao ra hàng trăm Tiến sĩ, Thạc sĩ Phật học, hàng chục nghìn Cử nhân Phật học là nguồn lực phát triển Giáo hội, phục vụ công tác hoằng pháp, hướng dẫn Phật tử, giảng day tại các trường đào tạo Phật giáo, các trường mầm non và các cơ sở từ thiện xã hội nuôi trẻ mồ côi, góp phần phục vụ đất nước (Hội đồng Tri sự 2012 - 2020).

Phương thức hoặng pháp và hướng dẫn Phật tử đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, linh hoạt trong moi hoàn cảnh, chuyển hình thức sinh hoạt từ các pháp hội, khóa tu, trại hè tập trung đông người kết hợp với hình thức thuyết giảng, tụng kinh, chia sẻ Phật pháp trực tuyển online qua các phương tiện truyền thông, hệ sinh thái số như: Facebook, Youtube, Zalo, mang xã hội Phật giáo Butta, trang Phật Sự Online, Giác Ngộ Online... Có thể khẳng định đây cũng là xu thế phát triển của thời gian tới mà trong chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII tại điểm thứ 08 đã đinh hướng. Thực tế đã chỉ ra, đại dịch COVID-19 làm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số quốc gia và các ứng dụng số trong xã hội. GHPGVN đã ứng dụng rất nhanh, kịp thời lĩnh vực này vào công tác hoằng pháp và hướng dẫn Phật tử. Nhiều buổi tụng kinh, thuyết pháp trực tuyến thu hút hàng chục nghìn người theo dõi và tham dư trên không gian mạng, lan tỏa muôn nơi, vượt qua mọi biên giới.

VĂN HÓA PHÂT GIÁO 15-11-2021

28



Năm 2019, nguyên Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đến thăm chư Tăng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại TP. Cần Thơ - một trong bốn Học viện của Phật giáo Việt Nam hiện nay. (Ánh: tuoitrethudo.com.vn)

Trong xu thế chung của thời đại khoa học công nghệ, thực hiện chủ trương, chính sách chủ động ứng dung các thành tưu cuốc Cách mang công nghiệp 4.0, GHPGVN đã thành lập 02 Trung tâm điều hành điện tử tại 02 Văn phòng Trung ương Giáo hội tại Hà Nội và TP. HCM. Kết nối trực tuyến với các Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố. Đồng thời, Giáo hội đã chỉ đạo Ban Thông tin Truyền thông đẩy manh ứng dụng khoa học công nghệ trong hệ thống các báo, Tạp chí, các trang tin điện tử và kênh truyền hình Phật giáo nhằm phục vụ công tác điều hành Phật sự của Giáo hội hiệu quả, nhanh và kip thời. Qua đó, cùng với các cơ quan hữu quan tăng cường sự tương tác đồng bộ góp phần vào công cuộc chuyển đổi số quốc gia.

Thành tích trong công tác từ thiện, an sinh xã hội

Từ thiện xã hội và công tác an sinh xã hôi là một trong những công tác Phật sự trọng tâm của GHPGVN. Công tác từ thiện và sự nghiệp chăm lo an sinh xã hôi đã được Giáo hôi chỉ đạo Tăng Ni, Phật tử và các chùa, tự viên, các thành viên thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời. Công tác từ thiện tập trung vào các hoat đông của các trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người già neo đơn, người tàn tật với 50 cơ sở. Giáo hội hiện có trên 150 Tuệ Tĩnh đường, hơn 655 phòng chấn trị Y học cổ truyền, 01 trung tâm khám đa khoa Tây y hoạt động có hiệu quả. Hàng năm, khám và phát thuốc miễn phí cho hàng chục vạn lượt bệnh nhân. Ban Tri sư các tỉnh đang tổ chức 12 lớp học tình thương; 49 cơ sở trường nuôi dạy trẻ mỗ côi, khuyết tật, phục hồi chức năng, nuôi trẻ em ảnh hưởng chất độc màu da cam; 15 trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn; 02 trường dạy nghề đào tạo các nghề phổ thông cho hàng nghìn học viên mỗi năm; Trung tâm tư vấn người nhiễm HIV/AIDS;... trong hệ thống GHPGVN đều hoạt động ổn định và có kết quả (Hôi đồng Tri sư 2021).

Giáo hội luôn có mặt đúng lúc, kịp thời cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt và tham gia tích cực ủng hộ phong trào xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các đối tượng người có công với đất nước. Phát quà từ thiện, xây cầu, làm đường, phát xe lăn, hiến máu nhân đạo, quỹ khuyến học, ủng hộ các chiến

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 29

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI



Bằng tinh thần dấn thân phụng sự, trong đợt dịch COVID-19 lần thứ tư, nhiều Tăng Ni "Cởi áo cà sa khoác áo blouse trắng" vào vùng tâm dịch tham gia lực lượng tuyến đầu. GHPGVN cũng đóng góp nhiều nguồn lực, vật trị v tế ủng hộ công tác phòng chống dịch. (Ảnh: Nguyên Chính)

hỗ trợ mổ mắt miễn phí cho bệnh nhân nghèo bị đục thủy tinh thể, bệnh tim nhi, phát quả tết, quả trung thu cho các cháu thiếu nhi, nồi cháo tình thương, bữa ăn từ thiện cho bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện, phòng khám đa khoa... đều được các thành viên Ban Từ thiện Xã hội Trung ương, các tỉnh, các cơ sở tư viện, Tăng Ni, Phật tử tích cực tham gia. Vào dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ hàng năm có nhiều hoạt động thiết thực trợ giúp thương binh, gia đình liệt sĩ, cưu thanh niên xung phong và người có công với cách mạng; tổ chức các chương trình tri ân các anh hùng liệt sĩ, hoạt động về nguồn, giúp đỡ đồng đội,...

Giáo hội tích cực tổ chức các

vat tu y te ung no cong tae phong, enong ujen. (Ann. tvguyen Chun)

sĩ biển đảo bám biển Hoàng Sa, Trường Sa của Tổ quốc... Đặc biệt, GHPGVN đã tập trung nguồn lực ủng hộ trong cuộc chống dịch bệnh COVID-19 trong năm 2020 và đầu năm 2021. Tổng kết công tác từ thiện xã hội trong 10 năm qua (2011 - 2021) của GHPGVN ước đạt khoảng 20.500 tỷ đồng.

Hơn nữa, GHPGVN còn thực hiện công tác cứu trợ quốc tế như cứu trợ nhân dân các nước Đông Nam Á bị sóng thần, đồng bào vùng Đông Bắc Nhật Bản bị thiệt hại tài sản và nhân mạng do động đất và sóng thần, trận động đất tại Nepal. Bên cạnh đó, Trung ương Giáo hội đã gửi thư chia buồn sâu sắc đến Chính phủ và lãnh đạo Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản, Myanmar, Campuchia, Nepal về những thảm họa do thiên tai và sự cố tai nạn tại Lễ hội Té nước của nhân dân Campuchia tại đảo Kim

Cương,... Ủng hộ Chính phủ và nhân dân Lào, Campuchia, Nhật Bản, Ấn Độ, Nepal trang thiết bị, vật tư y tế trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19 vừa xảy ra.

Ngoài những công tác từ thiện nêu trên, những công tác phúc lợi xã hội khác như: xây dựng các trường mầm non, trường nuôi day trẻ em, trường nuôi day trẻ em bất hạnh, khuyết tật, trẻ em bị ảnh hưởng chất độc màu da cam cũng được nhân rông và phát triển đúng hướng, góp phần làm giảm bớt gánh nặng cho gia đình các em và cho xã hội. Xây cầu bê tông, đắp đường giao thông nông thôn, đóng giếng nước sach, hiến máu nhân đạo, đóng góp các quỹ từ thiên vì người nghèo, học sinh hiếu học, giúp phụ nữ nghèo vượt khó, tặng xe đạp cho học sinh, xe lăn, xe lắc cho bênh nhân nghèo, tăng xuồng ghe, hỗ trơ áo quan, hoạt động thiện nguyện, quyên góp, ủng hộ để chia sẻ, giúp đỡ đồng bào chịu thiệt hại do bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn gây ra và các trường hợp gặp sự cố nghiêm trọng, đặc biệt là ở các tinh miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, Tây Nam bộ. GHPGVN cử đoàn công tác đến thăm hỏi, động viên và trao tặng quà với giá trị hàng trăm tỷ đồng (Hội đồng Tri sự 2012 - 2020).

Với tinh hoa của Phật giáo nhập thế, truyền thống đồng hành cùng dân tộc, GHPGVN, Tăng Ni, Phật tử đã luôn xác định bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu được coi như là một nhân tố quan trọng đảm bảo an sinh xã hội và sự phát triển bền vững. GHPGVN đã phát động phong trào: "người người trồng cây, nhà nhà trồng cây, thế giới trồng cây" để đem lại màu xanh cho trái đất, góp phần bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường, giảm thiểu thiên tai

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

30

lũ lụt, hạn hán. Phát động phong trào trồng cây: "Hành động xanh cho thế giới xanh", chương trình "Chung tay trồng rừng Việt Nam" do GHPGVN tổ chức đã trồng hàng triệu cây xanh, phủ xanh hàng ngàn hecta đồi trọc, phủ xanh rừng hoang hóa.

Thành tích nghiên cứu Phật học, phát huy giá trị văn hóa Phật giáo trong sự nghiệp gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc

Kể từ sau khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, bên cạnh thành tựu phát triển kinh tế xã hội, sự nghiệp gìn giữ phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc đã được GHPGVN đóng góp rất tích cực. GHPGVN có

Hiện GHPGVN đang triển khai thực hiện và đã nghiệm thu một số hạng mục trong 4 đề án: Pháp phục Phật giáo Việt Nam, Kiến trúc Phật giáo Việt Nam, Ngôn ngữ Phật giáo Việt Nam và Di sản Văn hóa Phật giáo Việt Nam. Các đề án này nhằm hiện thực hóa Nghi quyết Đại hội XII và triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về chiến lược phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc (Hội đồng Trị sự 2021).

Trong 40 năm qua, Viện và Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam in ấn, dịch thuật hoàn tất

của Tăng Ni, Phật tử, các nhà học giả trong và ngoài nước. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã in xong và ra mắt Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Nhiều đầu sách được in ấn và phát hành trong năm 2020.

Thành tích trong hoạt động đối ngoại nhân dân và giao lưu, hợp tác Phật giáo quốc tế

Kế thừa tinh hoa, truyền thống lịch sử của các vị Thiền sư, Quốc sư Phật giáo thời Lý - Trần đi sứ giúp nước, GHPGVN đã có nhiều đóng góp thiết thực vào thành tựu chung của sự nghiệp đối ngoại nhân dân, ngoại giao văn hóa góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

GHPGVN đã tham gia làm thành

khoảng 18.000 chùa, cơ sở tự viện, trong số đó có hàng nghìn di tích Phật giáo được xếp hạng từ Di tích Quốc gia Đặc biệt, Di tích Quốc gia, đến Di tích cấp tỉnh, thành phố. Trong nhiều năm qua, GHPGVN đã tập trung, huy động hàng nghìn tỷ đồng cho việc tôn tạo, trùng tu, xây dựng các chùa, cơ sở tự viện di tích Phật giáo. Đây là những tài sản vô giá của nền văn hóa dân tộc góp phần tạo nên sức mạnh của đất nước. Các di tích Phật giáo đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nhiều chùa đã trở thành các danh lam, thắng cảnh thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế góp phần thay đổi diện mao của các địa phương, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế của các tỉnh, thành phố. Đem lai nhiều công ăn việc làm cho người lao động góp phần ổn định và phát triển đất nước.

05 bộ Nikāya, 04 bộ A-hàm và một số Kinh thuộc Tiểu bộ. Tổng cộng 33 tập, trên dưới khoảng 200 nghìn trang và đang hiệu đính các bộ Đại thừa thuộc Hán Tạng. Phát hành hàng trăm đầu sách thuộc các thể loại như Kinh, Luật, Luận, Sử Phật giáo Việt Nam và Sử Phật giáo thế giới.

Các trung tâm của Viện Nghiên cứu Phật học: Trung tâm Phật học Hán truyền, Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Thiền Phật giáo Nam tông, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Thiền học Bắc truyền, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Phật học, Trung tâm Nghiên cứu Pāli học, Ban Phiên dịch Anh ngữ đã và đang phiên dịch, ấn hành các bản Kinh, các tác phẩm nghiên cứu Phât học, sưu tập, biên soan đề cương để tài nghiên cứu... đáp ứng nhu cầu đọc, tụng, tìm hiểu viên sáng lập của Uy ban Phật giáo châu Á vì hòa bình (Asian Buddhist Conference for Peace - ABCP) có tru sở tai Ulanbator, Mông Cổ. Đây là tổ chức Phật giáo được ra đời vào thời kỳ Chiến tranh lanh và do sáng kiến, sư ủng hộ và đỡ đầu của khối các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô. GHPGVN đã tham gia tích cực tại các hoạt động của ABCP và đã đề xuất nhiều hoạt động thiết thực vào các chương trình nghi sự nhằm tranh thủ sự ủng hộ của các nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, chống cấm vận Việt Nam và lên án cuộc chiến tranh biên giới năm 1978 ở Việt Nam (Hội đồng Tri sự 2012b).

GHPGVN cũng là thành viên sáng lập của Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (World Fellowship of Buddhist - WFB) có trụ sở đầu tiên tại Colombo, Sri Lanka

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 31

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI

và bây giờ đặt tại thủ đô Băng Cốc, Thái Lan. Tham gia WFB, GHPGVN đã tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân và bạn bè các nước trong phong trào không liên kết, nhất là Sri Lanka và Ấn Độ, cũng như các nước Đông Nam Á, Nhật Bản,... (Hội đồng Trị sự 2012b).

GHPGVN còn làm thành viên sáng lập Hội Phật giáo Thế giới Truyền bá Chánh pháp; Thành viên Hội Đệ tử Như Lai Tối thượng (Sri Lanka); Thành viên Ủy ban Quốc tế Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc (IOC); Thành viên Ủy ban Đại học và Cao đẳng Phật giáo Thế giới tại Thái Lan; Thành viên Hội Sakyadhita Thế giới; thành viên tổ chức Liên minh Phật giáo Thế giới (IBC) tại Ấn Độ... Có thể khẳng định trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng,

Cổ, Phât giáo Nhât Bản, Phât giáo Triều Tiên, Phật giáo Hàn Quốc, Phât giáo vùng lãnh thổ Đài Loan,... Với các nước Nam Á: Phật giáo Ấn Đô, Sri Lanka; với các Giáo hội, các tổ chức Phật giáo Nga và cộng đồng Phật giáo ở châu Âu, Bắc Mỹ, châu Phi: Angola, Mozambique... Các hoat đông giao lưu, hợp tác quốc tế của GHPGVN làm tăng cường các hoạt động giao lưu giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trên thế giới đóng góp vào thành tích chung trong ngoại giao nhân dân đã được Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO) đánh giá cao (Hội đồng Trị sự 2012 - 2020).

Hàng năm, Giáo hội đã cử các thành viên tham dự hàng trăm hội thảo, hội nghị Quốc tế. Thực hiện trao đổi đoàn thăm và giao ương GHPGVN tại TP Hồ Chí Minh trong nhiều năm qua đã tiếp đón hàng trăm phái đoàn Phật giáo Quốc tế, các tổ chức Phật giáo Quốc tế, đặc biệt trong đó tiếp đón phái đoàn Vua sãi Tép Vong, phái đoàn Hòa thượng Chủ tịch Liên minh Phật giáo Lào, phái đoàn Hiệp hội Phât giáo Trung Quốc, Tăng già Thái Lan, phái đoàn Nữ giới Hội Sakyadhita,... Phái đoàn của Liên Hợp Quốc, các Phái đoàn Viên Nghiên cứu tôn giáo toàn cầu Hoa Kỳ, Ủy ban Nhân quyền thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, đón tiếp Đại sứ quán các nước đến làm việc với GHPGVN (Hội đồng Trị sự 2012 - 2020).

Hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế nổi bật nhất của GHPGVN là sự kiện tổ chức thành công 3 kỳ Đại lễ Vesak Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong các hoạt động giao lưu quốc tế. Qua đó, góp phần tích cực nâng cao vai trò, vị thế của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế (Hôi đồng Tri sư 2012 - 2020).

GHPGVN có quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp với Phật giáo các nước anh em truyền thống của Việt Nam như: Liên minh Phật giáo Lào, Giáo hội Tăng già Phật giáo Campuchia, Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc. Trong bối cảnh Việt Nam là thành viên tích cực của Công đồng ASEAN, GHPGVN trong nhiều thập kỷ qua đã có mối quan hệ khắng khít với Phật giáo Thái Lan, Phật giáo Myanmar, Phật giáo Singapore, Phật giáo Malaysia, Phật giáo Indonesia, Phât giáo Philippine...; với các nước Đông Á: Phật giáo Mông

lưu với cộng đông Phật giáo các nước. Giáo hội đã tổ chức đoàn Đại biểu cấp cao GHPGVN thăm hữu nghị Phật giáo Campuchia, Phât giáo Lào, Phât giáo Ân Đô, Phật giáo Myanmar, Hiệp hội Phât giáo Trung Quốc và một số nước Phật giáo trong vùng Đông Nam Á và Tây Âu, châu Âu. Tổ chức nhiều đoàn Hoằng pháp GHPGVN thăm viếng, thuyết giảng Phật pháp và tổ chức lễ cầu an Tết cổ truyền dân tộc Việt Nam, lễ Phât Đản, Vu Lan tai các trung tâm Văn hóa Phật giáo Việt Nam tại châu Âu, Hội Phật tử Việt Nam yêu mến Đạo Phật tại Ba Lan, Công hòa Séc, Ucraina, Liên bang Nga, Hungary, Đức, Nhật Bản... (Hội đồng Tri sự 2012 - 2020).

Đồng thời, tại Văn phòng Trung ương GHPGVN tại Hà Nội và Văn phòng Thường trực Trung Liên Hợp Quốc tại Việt Nam vào các năm 2008, 2014 và 2019. Vesak là sư kiên trong đai được Liên Hợp Quốc ra nghị quyết là ngày lễ hôi tôn giáo vì hòa bình trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc và các thành viên đều tổ chức hàng năm. Sự kiện GHPGVN tổ chức thành công Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc đã khẳng định vai trò, vị thế của GHPGVN trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam, cũng như sư chủ động, năng lực hôi nhập quốc tế của Giáo hội. Qua đó, góp phần khẳng định Việt Nam luôn là thành viên tích cực của Liên Hợp Quốc, giới thiệu về truyền thống văn hóa, hình ảnh tốt đẹp về đất nước và con người Việt Nam với ban bè thế giới.

Năm 2008, sự kiện Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc được tổ chức từ 11-17/5/2008 tại Trung tâm Hội

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

37

nghị Quốc gia Mỹ Đình, thủ đô Hà Nội với sự tham dự của 3.500 Đại biểu đến từ 74 quốc gia, vùng lãnh thổ, với chủ đề: "Sự đóng góp của Phật giáo trong việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh". Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã tham dự khai mạc và có bài phát biểu quan trọng nêu bật lịch sử Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, về đóng góp Phật giáo để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh (Hội đồng Tri sự 2008).

Năm 2014, GHPGVN đăng cai tổ chức Vesak Liên Hợp Quốc từ 07-11/5/2014 tại chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình có sự tham dự của 4.500 Đại biểu đến từ 95 quốc gia, vùng lãnh thổ, với chủ đề: "Phật giáo góp phần thực hiện thành

tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc". Đại lễ có sự tham dự của Thủ tướng Sri Lanka, các quan chức Liên Hợp Quốc. Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng đã tham dự khai mạc và có bài phát biểu sâu sắc về thành tựu của GHPGVN (Hội đồng Trị sự 2014).

Năm 2019, GHPGVN đăng cai tổ chức Vesak Liên Hợp Quốc từ 12-14/5/2019 tại chùa Tam Chúc, tinh Hà Nam có sự tham dự của 5.000 Đại biểu đến từ 112 quốc gia, vùng lãnh thổ, với chủ đề: "Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững". Đại lễ có sự tham dự của nhiều nguyên thủ quốc gia, Phó Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, nhiều bộ trưởng, quan

chức Liên Hợp Quốc. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã tham dự khai mạc và có bài phát biểu vô cùng ý nghĩa về lịch sử Phật giáo Việt Nam, ý nghĩa của Đại lễ Vesak và vai trò của GHPGVN trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước (Hội đồng Tri sư 2019).

Hoạt động đối ngoại, quan hệ quốc tế của GHPGVN còn được Đảng, Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao trong lĩnh vực đón tiếp các nguyên thủ quốc gia các nước khi đến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam đã thăm và làm việc với Giáo hội tại trụ sở GHPGVN, chùa Quán Sứ, Hà Nội và tại các chùa, cơ sở tự viện của GHPGVN. Cụ thể như năm 2010, đón tiếp Tổng thống Nga Dmitry Medvedev đến thăm chùa Trấn



Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong các hoạt động giao lưu quốc tế. Qua đó, góp phần tích cực nâng cao vai trò, vị thế của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Ânh: vietnamplus.vn

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Quốc, Hà Nôi (10/2010); đón tiếp Bộ trưởng ngoại giao Mỹ - bà Hilary Clinton thăm chùa Ngoc Lâm, Hà Nội thăm và giao lưu với các trẻ em HIV/AIDS đang được nuôi tại chùa. Năm 2012, long trọng đón tiếp Quốc vương Campuchia Norodom Sihamoni cùng đoàn Đại biểu cấp cao Quốc vương Campuchia thăm chùa Phât Tích, Bắc Ninh. Năm 2013, đón tiếp Phó Tổng thống Ấn Đô, ngài Mohammad Hamid Ansani và Phu nhân thăm chùa Trấn Quốc, Hà Nội. Năm 2014, đón tiếp Thủ tướng Sri Lanka thăm chính thức Giáo hôi tai chùa Bái Đính, Ninh Bình; đón tiếp Tổng thống Ấn Độ, ngài Pranab Mukherjee thăm và dâng hượng tại chùa Trấn Quốc tháng 9/2014. Năm 2015, đón tiếp Thủ tướng Anh David Cameron thăm chùa Vĩnh Nghiêm, TP. HCM. Năm 2016, tổ chức đón tiếp thành công, trọng thị Tổng thống Mỹ Barack Obama thăm

Thượng viện Ấn Độ, Chủ tịch Thượng viện Bhutan thăm chùa Bái Đính, Ninh Bình và chùa Tam Chúc, Hà Nam (Hội đồng Tri sư 2019).

Thành tích của GHPGVN trong công tác đối ngoại, quan hệ quốc tế còn được đánh dấu qua những đóng góp vào thành công trong các chuyển thăm hữu nghị cấp cao của lãnh đao Đảng, Nhà nước tới các nước mà chư Tôn đức lãnh đạo GHPGVN tham gia đoàn và tham dự các phiên làm việc. Đặc biệt nhất, phải kể đến sự kiện chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội tham gia đoàn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Hợp chủng quốc Hoa Kỳ năm 2015 và có phiên làm việc đối thoại tôn giáo thành công tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, góp phần nâng cao quan hệ hữu nghị toàn diện giữa Việt Nam và Hoa Kỳ (Hội đồng Trị sự 2012 - 2020).



Campuchia, Ân Độ, Nepal tiền và vật tư y tế giúp đỡ trong phòng, chống dịch COVID-19 trị giá hơn 20 tỷ đồng gồm: Tiền mặt, 200

chùa Ngọc Hoàng, TPHCM. Đặc biệt, GHPGVN đón tiếp Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi là khách mời chính thức đến thăm trụ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chùa Quán Sứ, Hà Nội và nói chuyện với hơn 1.000 Tăng Ni vào tháng 3/2016 đã làm nên dấu ấn thành công và nét đặc biệt trong quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam - Ấn Độ (Hội đồng Trị sự 2012-2020).

Năm 2018, GHPGVN đã trọng thị đón tiếp nồng nhiệt Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào, Boungnhang Vorachith và Phu nhân thăm chính thức Giáo hội tại chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình. Năm 2019, tổ chức thành công đón tiếp Tổng thống Myanmar, Thủ tướng Nepal, Phó Tổng thống kiêm Chủ tịch

Đoàn lãnh đạo GHPGVN tham gia đoàn Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm chính thức Vương quốc Campuchia năm 2014 và đoàn Chủ tịch nước Trần Đại Quang thăm chính thức Ấn Độ và thăm chính thức Nhật Bản năm 2018 (Hội đồng Trị sự 2012 - 2020).

GHPGVN cũng có nhiều hoạt động từ thiện quốc tế cứu trợ các nước bị thiệt hại do thiên tai, động đất, sóng thần, bị ảnh hưởng nặng nề mới đây do đại dịch COVID-19...Cụ thể như ủng hộ chính phủ và nhân dân Nhật Bản, Trung Quốc, Myanmar, Nepal, Indonesia, Angola, Mozambique... Mới đây, vào đầu năm 2021, GHPGVN đã ủng hộ Chính phủ và nhân dân Lào,

máy thở, 50 máy tạo oxy, 2.000 bộ test kits COVID-19. Những hoạt động đối ngoại nhân dân này đã được Bộ Ngoại giao Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Đại sử quán Việt Nam tại các nước đánh giá cao góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước trên thế giới (Hội đồng Trị sự 2021).

Thành tựu trong sự nghiệp chăm lo người Việt Nam ở nước ngoài

Đồng hành cùng với sự đổi mới của đất nước, tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện Nghị quyết 36/NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Từ năm 2005, GHPGVN đã đẩy mạnh công tác chăm lo Việt kiều ở các nước trên thế giới.

34 VĂN HÓA PHÂT GIÁO 15-11-2021



Gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam đảm bảo có sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại hội nhập quốc tế. (Ânh: baotintuc.vn)

GHPGVN đã sáng tạo trong phối bang Nga, Hungary, Đức, Nhật

sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, nơi giao lưu chia sẻ hiểu biết, giúp đỡ lẫn nhau của cộng đồng, giới thiệu quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với người dân bản địa. Giáo hội cũng đã mở các lớp day tiếng Việt cho các thế hệ thứ 2, thứ 3 của người Việt tại các nước. Hiện nay, GHPGVN thường xuyên quan tâm công tác Phật sư của các Hội Phật tử, Trung tâm văn hóa Phật giáo của cộng đồng người Việt Nam ở 33 quốc gia, vùng lãnh thổ. Năm 2019, GHPGVN đã phối hợp với Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài tổ chức gặp mặt đại diện cộng đồng và các Hội Phật tử, các trung tâm văn hóa Phật giáo trở về từ 33 quốc gia, vùng lãnh thổ họp mặt tại chùa Tam Chúc, Hà Nam.

Có thể khẳng định, công tác chăm lo cho người Việt Nam ở nước ngoài của GHPGVN trong nhiều năm qua đã thực sự thiết thực đáp hợp công tác với các Bộ, Ban ngành Trung ương trong công tác chăm lo người Việt Nam ở nước ngoài thông qua việc Giáo hội đã ký kết phối hợp công tác hàng năm với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài thuộc Bộ Ngoại giao để công tác chăm lo cho bà con người Việt ở nước ngoài đạt hiệu quả cao.

Hàng năm, GHPGVN đều tổ chức nhiều đoàn Hoằng pháp đi các nước thăm viếng, thuyết giảng Phật pháp và tổ chức lễ cấu an, Tết cổ truyền dân tộc Việt Nam, lễ Phật Đản, Vu Lan phục vụ bà con Việt Kiểu tại các trung tâm Văn hóa Phật giáo Việt Nam tại châu Âu, Hội Phật tử Việt Nam yêu mến Đạo Phật tại Ba Lan, Công hòa Séc, Ukraine, Liên

Bản... Qua đó, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, hướng lòng yêu nước, tình cảm quê hương về với Tổ quốc Việt Nam thân yêu (Hội đồng Trị sự 2012 - 2020).

Trong 20 năm qua (2000 - 2020), GHPGVN đã thành lập được các Hội Phật tử Việt Nam tại nước ngoài, trung tâm văn hóa Phật giáo ở các nước là tổ chức trực thuộc Giáo hôi Phât giáo Việt Nam như tai các nước châu Á: Lào, Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản; tại châu Âu: Pháp, CH Séc, Ba Lan, Ucraina, Hungary, Đức, Nga; tại châu Phi: Mozambique, Angola; châu Mỹ: Hoa Kỳ. Các Hội Phật tử, trung tâm văn hóa Phật giáo là trung tâm đoàn kết, giữ gìn bản ứng được nguyện vọng thiết tha của cộng đồng người Việt tai các nước sở tại. Thành tích này đã được các Đại sứ quán Việt Nam tại các nước ghi nhận và đánh giá cao trong các báo cáo tại Hội nghị ngoại giao hàng năm, cũng như báo cáo trong lễ hội Xuân Quê hương Tết cổ truyền xum họp hàng năm trước Chủ tịch nước.

GHPGVN đã phối hợp với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài tổ chức thành công những chuyển thăm lịch sử cho bà con Việt kiểu ra thăm quần đảo Trường Sa nhằm khơi dây niềm tư hào dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta trong mọi hoàn cảnh

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 35

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI

lịch sử và luôn luôn coi bà con Việt kiểu là một phần không thể thiếu của dân tộc Việt Nam.

ĐINH HƯỚNG TƯƠNG LAI PHÁT TRIỂN GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Phát huy truyền thống đoàn kết hòa hợp của Phật giáo Việt Nam, thành tưu 40 năm của GHPGVN, xây dựng và phát triển Giáo hội vững manh ở tất cả các cấp. Không ngừng tăng cường tinh thần hòa hợp trong các sơn môn, hệ phái dưới mái nhà chung GHPGVN kiên định phương châm: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội" vững mạnh trong lòng dân tộc và hội nhập quốc tế.

Đối mới, sáng tạo trong sự nghiệp hoằng dương chính pháp, trong phương thức hướng dẫn Phật tử. Đinh hướng pháp môn tu tập phù hợp với xã hội hiện đại, với mọi tầng lớp trong xã hội và xiển dương đạo đức học Phật giáo góp phân xây dựng và làm đẹp nên

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu Phật học và nâng cao chất lương học thuật Phật giáo. Tập trung nghiên cứu có định hướng, khẳng định và làm nổi bật tinh hoa, bản sắc của Phật giáo Việt Nam. Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo trở thành kênh hoằng pháp và chuyển tải các hoạt đông Phật sư vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị từ bi, trí tuê của Đao Phât, hình ảnh tốt đẹp của Tăng Ni, Phật tử, của tổ chức GHPGVN các cấp trong sự nghiệp phụng đạo, yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Phát huy tinh thần nhập thể của Phật giáo Việt Nam, đẩy mạnh và đổi mới công tác từ thiện xã hội, hưởng ứng các phong trào xóa đói giảm nghèo, chăm lo công tác an sinh xã hôi cho công đồng. Phát huy tinh thần từ bi, kêu gọi Tăng Ni, Phật tử tích cực trong công tác từ thiện xã hội. Bên cạnh việc cứu trợ đồng bào bị ảnh hưởng do thành lập nước. Những đúc kết thành tựu Phật sự trong chặng đường 40 năm GHPGVN mở ra con đường phát triển mới của Phật giáo Việt Nam phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Chú thích:

* TT.TS. Thích Đức Thiện: Tiến sĩ Phật học, Đại học Delhi, hiện là Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự; Trưởng ban Phật giáo Quốc tế TW GHPGVN.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Hội đồng Trị sự (2002), Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. TP. HCM: Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
- 2. Hội đồng Trị sự (2012), Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Từ Đại hội đến Đại hội (1981 - 2012). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
- 3. Hội đồng Trị sự (2012 2020), Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự GHPGVN. Hà Nội: VPTWGHPGVN.
- 4. Hội đồng Trị sự (2021), Sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2021. Hà Nội: VPTWGHPGVN.
- 5. Hội đồng Trị sự (2002), Kỷ yếu hội thảo Kỷ niệm 20 năm thành lập GHPGVN (07/11/1981 - 07/11/2001). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
- 6. Hội đồng Trị sự (2012), Kỷ yếu hội thảo

đạo đức xã hội. Nâng cao công tác quản lý chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và tu học tại các cơ sở giáo dục Phật giáo, đào tạo Tăng Ni của GHPGVN.

Gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam đảm bảo có sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại hội nhập quốc tế. Mở rộng hoạt động đối ngoại đa phương theo định hướng ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân. Chủ động, tích cực trong quan hệ đối ngoại với các tổ chức Phật giáo và tổ chức tôn giáo thế giới. Kết nối chặt chẽ với các Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài.

thiên tai, nghèo đói, công tác từ thiện xã hội tập trung xây dựng các công trình phúc lợi, nhà tình nghĩa, bảo hiểm y tế xã hội,... tập trung vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, văn hóa tham gia giao thông, giáo dục, y tế xây dựng các cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở giáo dục mầm non.

Đồng hành cùng sự phát triển và hội nhập của đất nước, GHPGVN luôn đẩy mạnh các hoạt động Phật sự ích đạo, lọi đời theo sát phương châm: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", đáp ứng yêu cầu mới đặt ra trong thời kỳ hội nhập quốc tế, công cuộc đổi mới của đất nước hướng đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm ngày

Kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN (07/11/1981 - 07/11/2011). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

 Hội đồng Trị sự (2012), Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Tứ: Đạo pháp và Dân tộc. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

8. Hội đồng Trị sự (2013), Kỷ yếu hội thảo khoa học: Hòa thượng Thích Đức Nhuận
Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN nhân kỷ niệm 20 năm ngày viên tịch (1993-2013).
Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

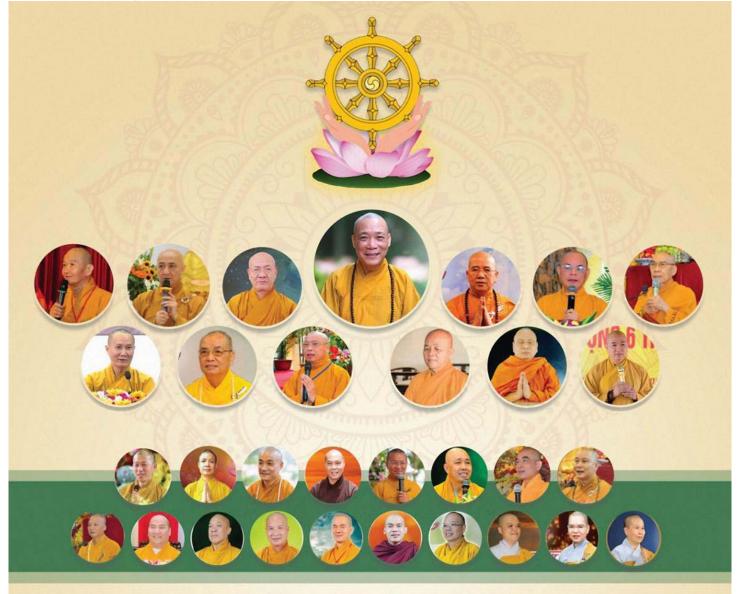
9. Hội đồng Trị sự (2012), Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII (2012 - 2012). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

10. Hội đồng Trị sự, 2017, Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII (2017-2022). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

11. Hội đồng Trị sự (2008), Văn kiện Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2008. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

12. Hội đồng Trị sự (2014), Văn kiện Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2014. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

36 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021





PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI





HT. Thích Huệ Thông *

38 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021



CHÚC NĂNG QUẢN TRỊ HÀNH CHÁNH TRONG TỔ CHÚC GIÁO HOI

Gồm bốn chức năng chính: hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát. Cả bốn chức năng này chi phối và tác động lên mọi hoạt động của toàn thể các thành viên Giáo hội, khái quát như sau:

Chức năng hoạch định

Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) từ khi ra đời đã rất chú trọng đến chức năng hoạch định và điều này đã được thể hiện bao quát trong Hiến chương (bản tu chỉnh lần

thứ 6), cụ thể trong chương II, điều 6 ghi rõ: "Muc đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là hoằng dương Phật pháp, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nước và ở nước ngoài, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới" và trong chương III ở điều 10: "Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc lấy Đạo pháp làm mục tiêu tối cao, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử làm trung tâm; các thành viên tham gia tư nguyện, đoàn kết, hòa hợp, kính ngưỡng, phụng hành Giáo pháp, Giới luật và tuân thủ Pháp luật Nhà nước". Qua

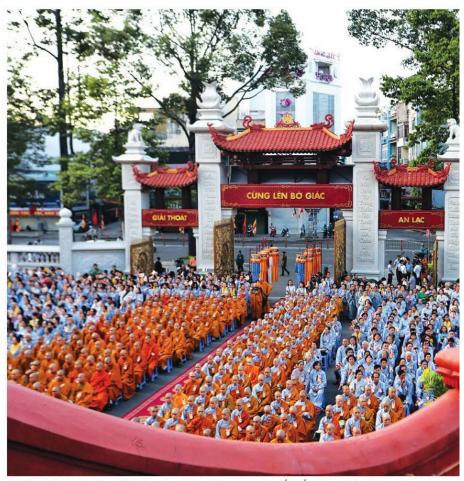
VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 39

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI

đó cho thấy, Hội đồng Trị sự rất xem trọng chức năng hoạch định vì nó đem lại cho Giáo hội bốn tác dụng: Có kế hoạch hóa giải các nguy cơ và khó khăn thách thức; nhận diện những điều kiện thuận lợi để hướng đến tương lai; chủ động triển khai các chương trình hành động một cách kịp thời; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra hoạt động của Giáo hội được dễ dàng, thuận lợi.

Để việc hướng đến mục tiêu một cách chuẩn xác, Hội đồng Trị sự đã chia mục tiêu của Giáo hội ra nhiều loại dựa trên những căn cứ khác nhau, tiêu biểu như:

* Căn cứ vào thời gian: Mục tiêu không giới hạn thời gian được thể hiện qua toàn bộ nội dung của Hiến chương; mục tiêu dài hạn có thời gian 5 năm được xác định bằng kế hoạch, chương trình hoạt động cho một nhiệm kỳ Phật sự kéo dài trong thời gian 5 năm và báo cáo những thành quả trước Đại hội Phật giáo toàn quốc. Mục tiêu ngắn hạn có thời gian 1 năm xác định bằng kế hoạch, chương trình hoạt



"Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc lấy Đạo pháp làm mục tiêu tối cao, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử làm trung tâm; các thành viên tham gia tự nguyện, đoàn kết, hòa hợp, kính ngưỡng, phụng hành Giáo pháp, Giới

40

động và báo cáo kết quả trước các kỳ họp tổng kết công tác Phật sự hằng năm của Hội đồng Trị sự GHPGVN và Ban Trị sự Giáo hội các cấp.

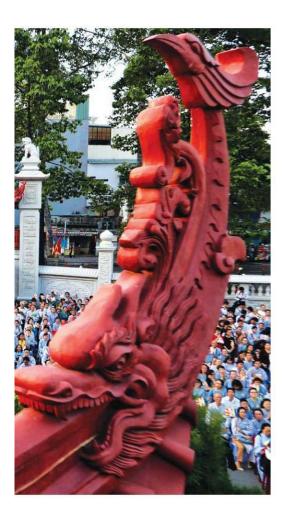
* Căn cứ vào tính chất của mục tiêu: Mục tiêu đào tạo nguồn nhân sự, mục tiêu phát triển môi trường giáo dục, mục tiêu giữ vững kỷ cương ổn định tổ chức, mục tiêu xây dựng và phát triển cơ sở của Giáo hội tại nước ngoài,... Từ việc căn cứ vào tính chất của từng mục tiêu mà Hội đồng Trị sự sẽ thiết lập nên những kế hoach tương xứng.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

luật và tuân thủ Pháp luật Nhà nước". (Chương III, Điều 10 Hiên chương GHPGVN). (Ảnh: thanhnien.vn)

- * Căn cứ theo cấp độ quản lý: Mục tiêu của Hội đồng Trị sự, mục tiêu của Ban Trị sự Giáo hội các cấp, mục tiêu của các Ban, Viện trực thuộc, mục tiêu của từng bộ phận chức năng và của các thành viên trong tổ chức Giáo hôi.
- * Căn cứ vào bản chất: Đó là căn cứ vào bản chất của từng mục tiêu như: mục tiêu giáo dục, mục tiêu xã hội hay các mục tiêu cho các lĩnh vực khác....

Về hoạch định chiến lược, Hội đồng Trị sự, ngay khi vừa ra đời đã hoạch định ngay một kế hoạch mang tính chiến lược lâu dài, đó chính là Hiến chương GHPGVN. Tiếp đó là kiện toàn tổ chức và ban hành các văn bản quy định, điều luật để Giáo hội các cấp y cứ thừa hành. Việc lập kế hoạch tổng thể, định hướng cho toàn bộ hoạt động của Giáo hội trong dài hạn được gọi là hoạch định chiến lược, liên quan chặt chẽ đến việc xác định những mục tiêu dài hạn,



bao quát toàn bộ tổ chức và chiến lược hành động để thực hiện mục tiêu chung của Giáo hôi.

- * Chiến lược ổn định: Chiến lược ổn định không có những thay đổi hoặc có thay đổi nhưng không đáng kể trong cơ cấu nhân sự của toàn bộ hệ thống Giáo hội, chẳng hạn duy trì nguồn nhân sự đã suy cử, giữ nguyên khung sườn cơ cấu tổ chức của Giáo hội, những nội dung trong các điều, khoản quan trọng cơ bản của Hiến chương Giáo hội và các nội dung cần thiết trong các quy chế, giữ nguyên hiệu lực của các quyết định đã ban hành trước đây,...
- * Chiến lược phát triển: Chiến lược phát triển là hướng đến sự phát triển trong tương lai gần, chẳng hạn như: đào tạo nguồn nhân sự kế thừa, cải cách các thủ tục hành chánh, cải cách phương thức làm việc khoa học hiện đại, cơ cấu nhân sự hợp với tình trạng sức khỏe, tuổi tác, năng lực, tâm huyết cống hiến cho sự

nghiệp phát triển Giáo hội, nâng cao chất lượng công việc và hiệu quả công tác Phật sự, tăng cường phối hợp với các cấp Giáo hội, các Ban, Viện để công tác Phật sự hanh thông và hiệu quả, ban hành các quy chế thích ứng với hoàn cảnh và xu hướng phát triển của Giáo hội,...

Chức năng tổ chức:

Trong Quản tri hành chánh, GHPGVN rất chú trong đến công tác tổ chức, thể hiện sinh động trong toàn bộ nội dung Hiến chương, cụ thể nhất là chương X (Tự viện và thành phần), điều 57: "Đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là Chùa, Tổ đình, Tịnh xá, Thiền viện, Tu viện, Tịnh viện, Tịnh thất, Niệm Phật đường (gọi chung là Tư viện) dưới sự quản lý của các cấp Giáo hội", hoặc Điều 57: "Thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm thành phần Giáo phẩm và đại chúng theo auv định Nội quy Tăng sự"; và điều 61: "Ban Thường trực Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ quy định cụ thể trong Nội quy Ban Tăng sư và Nôi quy Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương



để hướng dẫn chi tiết về quản lý tư viên, sinh hoạt của Tăng Ni và tín đồ Cư sĩ Phật tử",... Qua đó cho thấy, chức năng tổ chức đóng một vai trò then chốt trong toàn bộ quy trình Quản trị hành chánh Giáo hội, nên đòi hỏi cần phải tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản như sau: Nguyên tắc thống nhất chỉ huy (mỗi người thừa hành chỉ có một lãnh đạo cấp trên trực tiếp của mình và chỉ báo cáo, nhân lênh của người đó); nguyên tắc gắn liền với mục tiêu (bộ máy tổ chức chỉ được xây dựng khi có mục tiêu và nhiệm vụ); nguyên

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 41

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

tắc hiệu quả (bộ máy phải có kết quả hoạt động cao nhất); nguyên tắc cân đối (bộ phận xây dựng phải cân đối giữa quyền hành và trách nhiệm, đồng thời phải cân đối khối lượng công việc giữa các bộ phận và nhân sự trong tổ chức Giáo hội); nguyên tắc linh hoạt (tổ chức phải thích nghi, đáp ứng được những diễn biến nội bộ Giáo hội và những biến động của môi trường bên ngoài).

Chức năng điều hành:

Đây là quá trình chỉ huy con người và điều hành công việc của Hội đồng Trị sự để guồng máy Giáo hội vận hành theo quỹ đạo, nhằm hoàn thành tốt nhất các mục tiêu. Trong chương V (Hội đồng Trị sự), điều 19 Hiến chương (bản tu chỉnh lần thứ 6) ghi rõ: "Hội đồng Trị sự là cơ quan điều hành, quản lý hành chính cao nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mọi mặt hoạt động giữa hai nhiệm kỳ...".

Chức năng kiểm soát:

Trong Quản trị hành chánh Giáo hội, chức năng kiểm soát được thể hiện trong các điều, khoản của Hiến chương, như trong chương VI (GHPGVN cấp tỉnh,

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương. Đối với các vấn để không xử lý được, Ban Thường trực Ban Trị sự cấp tính đệ trình lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự hoặc các Ban, Viện Trung ương để được hướng dẫn giải quyết...", hay trong chương VII, điều 40: "Ban Tri sư cấp huyện có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hằng năm, chương trình chuyên biệt và những sư kiến trọng đại tại địa phương; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, quản lý, điều hành các mặt công tác Phật sự của các thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương. Đối với những vấn đề không xử lý được, Thường trực Ban Trị sự cấp huyện đệ trình lên Ban thường trực Ban Trị sự cấp tỉnh, các Ban chuyên ngành cấp tỉnh hoặc Ban, Viện Trung ương hướng dẫn giải quyết"...

Trong các chức năng của Quản trị hành chánh Giáo hội, chức năng kiểm soát vừa mang tính xác định mức độ thành công của công việc, vừa mang tính hệ thống thông tin phản hồi giúp cho quá trình Quản trị



thành), ở điều 32: "Ban Trị sự cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Tổ chức, triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hằng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại của Giáo hội tại địa phương. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, quản lý, điều hành các mặt công tác Phật sự của các Ban trực thuộc Ban Trị sự cấp tỉnh, Ban Trị sự cấp huyện và các thành viên của



Ban Trị sự GHPGVN TP. HCM tổ chức khóa tập huấn Hành chánh Văn phòng điện tử cho chư Tôn đức Tăng Ni phụ trách hành chánh trong thành phố. (Ánh: Đăng Huy)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

hành chánh trong tổ chức được hoàn thiện. Song, trong quá trình Quản trị hành chánh trong tổ chức GHPGVN, chức năng kiểm soát thiên về tinh thần đôn đốc, nhắc nhỡ và đánh giá hiệu quả công tác Phật sự. Đây là quá trình đánh giá, phân tích, xác định thành quả đạt được trên thực tế so với kế hoạch đã định, nhằm phát hiện những vấn đề chưa hoàn thiện và nguyên nhân gây nên.

* Quản trị hành chánh văn phòng: Quản trị hành chánh văn phòng và công tác của bộ phận văn phòng Giáo hội đóng một

KHÓA TẬP HUẨN

HÀNH CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỆN TỬ NĂM 2020
BIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TP. HÒ CHÍ MINH

VIỆT Nam Quốc Tự, ngày 26-27 tháng 11 năm 2020

vai trò rất quan trọng. Đây là cầu nối chuyển tải thông điệp và mệnh lệnh chỉ đạo của Hội đồng Trị sự thông qua các văn bản quy phạm của Hội đồng Trị sự đến Ban Trị sự Giáo hội các cấp và các Ban, Viện.

Cơ cấu nhân sự văn phòng Trung ương Giáo hội:

Cơ cấu này Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN bổ nhiệm và Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội phê chuẩn. Ở điều 6, Quy chế hoạt động của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội, nhiệm kỳ VIII (2017-2022) ghi rõ: "Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 02 văn phòng: Văn phòng Trung ương (gọi tắt là Văn phòng 1) đặt tại Trụ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chùa Quán Sứ, số 73 Phố Quán Sứ, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội; Văn phòng 1 có trách nhiệm điều hành hoạt động Phật sự của Giáo hội ở các tính khu vực phía Bắc (từ Quảng Bình trở ra)"; "Văn phòng Thường trực Trung ương tại TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Văn phòng 2) đặt tại Thiền viện Quảng Đức, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quân 3, TP. Hồ Chí Minh; Văn phòng 2 có

hành hoat động của Văn phòng Giáo hội; điều hành tổng quát các hoat động của 02 Văn phòng và các bô phân chuyên trách; theo dõi các hoạt động Phật sự chuyên ngành của Giáo hội cũng như một số công tác hành chánh có liên quan khi được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự phân công; tổ chức việc tiếp nhân, phân phối và lưu trữ công văn, quản lý con dấu, soạn thảo văn thư, chịu trách nhiêm về các tư liêu thuộc Văn phòng và đề xuất thành lập các tô chuyên trách hoặc nhân viên để phục vụ cho công tác hoạt động của Văn phòng,... Thành phần nhân sự chủ yếu của 02 Văn phòng Trung ương Giáo hội gồm: 02 vị Phó Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự giữ chức vụ Chánh Văn phòng và các nhân viên phụ trách các phần việc đều do Ban Thường trưc Hôi đồng Tri sư phân công bố trí hoặc do Chánh Văn phòng đề xuất thành phần nhân sự lên Ban Thường trực Hội đồng Tri sư phê chuẩn...

Chức năng văn phòng:

Ở điều 12, Quy chế hoạt động của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, nhiệm kỳ VIII (2017-2022) thì nhiệm vụ và chức năng của các Chánh Văn



trách nhiệm điều hành hoạt đông Phật sư của Giáo hội ở các tính khu vực phía Nam (từ Quảng Trị trở vào) ... ".

Theo Điều 12 của Ouv chế hoạt đông của Ban Thường trực Hôi đồng Tri sư GHPGVN, nhiệm kỳ VIII (2017 - 2022), cơ cấu nhân sự của Văn phòng Trung ương gồm: 02 Phó Tổng Thư ký Hôi đồng Trị sự kiệm Chánh Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có nhiệm vụ điều

phòng được ghi như sau: "... Điều hành hoạt động của Văn phòng Giáo hội; điều hành tổng quát các hoạt động của 02 Văn phòng và các bộ phận chuyển trách; theo dõi các hoat động Phật sự chuyên ngành của Giáo hội cũng như một số công tác hành chánh có liên quan khi được Ban Thường trực Hội đồng Tri sư phân công; tổ chức việc tiếp nhận, phân phối và lưu trữ công văn, quản lý con dấu, soạn thảo văn thư, chịu trách nhiệm

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 43

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI

về các tư liệu thuộc Văn phòng". Với những nhiệm vụ đã xác định như trên và những công việc đã phát sinh trong thực tế công tác thì văn phòng có một số chức năng như: chức năng tham mưu, chức năng tổng hợp, chức năng hậu cần và chức năng quản lý. Ngoài ra, công tác văn phòng còn bao gồm một số công việc theo chức năng và trách nhiệm của bộ phận văn phòng, chẳng hạn như: công tác hội họp, công tác văn thư, công tác quản lý hồ sơ, công tác nghi lễ tiếp tân,... Thật ra, nội hàm Quản trị hành chánh trong tổ chức Giáo hội vốn gồm các truyền thống của ngành Quản tri hành chánh nói chung và tính đặc thủ của Quản tri hành chánh Giáo hội nói riêng, do đó nó còn dung chứa nhiều yếu tố quan trọng khác cấu thành.

TAM KÉT

Nói đến Quản trị hành chánh trong tổ chức GHPGVN, tức là nói đến chiến lược phát triển bền vững được thực thi bởi bô máy điều hành trí tuệ của chư Tôn đức lãnh đạo Hội đồng Trị sự Trung ương trên nền tảng Hiến chương và hệ thống văn bản hành chánh quy pham cùng với vai trò và chức năng Quản trị hành chánh mang

Đạo Phật luôn hướng đến sự giác ngộ, giải thoát, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lấy từ bi làm hành trang phổ đô, cho nên mục tiêu chủ yếu vẫn là giúp cho mọi thành viên Giáo hội và quần chúng Phật tử thuận lợi tu hành, góp phần công sức trí tuệ phung sư nhân sinh.

chur đức Tôn lãnh đạo, nói lên sự không ngừng lớn mạnh của GHPGVN trong quá trình hội nhập vào dòng chảy thời đại.

Những thành tựu khả quan trên chặng đường lịch sử 40 năm ổn đinh, hình thành và phát triển của GHPGVN đã cho chúng ta niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo, tổ chức, điều hành của chư Tôn đức Hội đồng Tri sư, cũng nhờ tâm huyết và trí tuệ của chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội qua các thời kỳ. Giáo hội đã hoàn mãn các mục tiêu đề ra trong công tác Phật sự, đồng thời gặp nhiều thuận lợi trong quá trình tương tác, hòa nhập vào đời sống xã hội trên tinh thần thượng tôn pháp luật và thỏa mãn tốt các vêu

giác ngộ, giải thoát, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lấy từ bi làm hành trang phổ độ, cho nên mục tiêu chủ vếu vẫn là giúp cho mọi thành viên Giáo hội và quần chúng Phật tử thuận lợi tu hành, góp phần công sức trí tuệ phụng sự nhân sinh. Muốn đạt được mục tiêu cao cả này, vấn đề Giới luật luôn là nền tảng cho mọi hoạt động, như trong Lời nói đầu của Hiến chương đã khẳng định: "Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo phương châm: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", trên cơ sở kính ngưỡng, phụng hành Giáo pháp, Giới luật Phật chế..."; hay trong chương II (Muc đích - Thành phần), ở điều 7: "Giáo hôi Phât giáo Việt Nam hoạt động theo đúng Giáo pháp, Giáo luật Phật chế..." và chương III (Nguyên tắc hoạt động và hệ thống tổ chức) ở điều 10: "Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc lấy Đạo pháp làm mục tiêu tối cao, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử làm trung tâm; các thành viên tham gia tự nguyện, đoàn kết, hòa hợp, kính ngưỡng, phụng hành Giáo pháp, Giới luật và tuân thủ Pháp luật Nhà nước",... Qua đó, cho thấy tầm quan trong cực kỳ của Giới luật và khuôn phép tính đặc thù của GHPGVN. Hiến chương chính là cương lĩnh, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Giáo hội, là nền tảng căn cơ để hình thành nên khung pháp lý phục vụ hoạt động Quản trị hành chánh trong tổ chức GHPGVN, nhất là qua mỗi kỳ Đại hội Phật giáo toàn quốc, đã được tu chỉnh và bổ sung nhằm thích ứng hoàn cảnh, yêu cầu phát triển của Phật giáo nước nhà qua mỗi giai đoạn, phản ảnh sự nhạy bén trí tuệ của

cầu của xã hội trong thời đại mới. Đặc biệt, chiến lược hướng đến sự nghiệp phát triển bền vững, với phương châm: "Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển" được Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII đề ra, đã nói lên tầm nhìn trí tuệ, với một tư thế và định hướng mới. Đó là hội nhập trên nền tảng trí tuệ và kỷ cương để phát triển bền vững.

Đạo Phật luôn hướng đến sự

kỷ cương của Giáo hội luôn trở thành nguyên lý bất di bất dịch trong suốt quá trình vận hành guồng máy Quản trị hành chánh trong tổ chức GHPGVN. Đây cũng chính là nét đặc thù không lẫn lộn với bất kỳ hình thái Quản trị hành chánh nào trên đời sống thế gian.

Chú thích:

* HT. Thích Huệ Thông: Phó Tổng Thư ký HĐTS, Chánh Văn phòng II TW, Trưởng Ban Tri sự GHPGVN tinh Bình Dương.





PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Tinh tat yêu và giá trị tịch sử sự ra đời cháo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981





Kế từ khi thành lập, qua 40 năm (1981 - 2021), Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng lớn mạnh và khẳng định vai trò của mình ở nhiều phương diện, với những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: Tặng sự giáo dực hoằng VŨ TRỌN

pháp, văn hóa, từ thiện xã hội, hoạt động đối ngoại. Qua đó, vị thế của Phật giáo Việt Nam không ngừng nâng cao trong lòng dân tộc và trên trường quốc tế, góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

46 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021



Đáp ứng yêu cầu lịch sử, từ ngày 4 - 7/11/1981, Hội nghị Thống nhất Phật giáo (được coi như Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ I) diễn ra tại chùa Quán Sứ (Hà Nội)

(Ảnh: Tư liệu)

1. QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG THỐNG NHÁT CÁC TỔ CHỨC, HỆ PHÁI VÀ THÀNH LẬP GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Quá trình vận động thống nhất các giáo phái, hệ phái Phật giáo Việt Nam

Ngay từ đầu Công nguyên, Phật giáo Ấn Độ đã được truyền vào

chung. Vậy, cơ duyên nào đã tạo ra sự thống nhất đó?

Hòa bình, thống nhất đất nước sau năm 1975 đã tạo cơ hội để thực hiện nguyện ước thống nhất Phật giáo cả nước. Quá trình vận động thống nhất Phật giáo được gấp rút tiến hành và đạt nhiều kết quả, nhất là sau khi "Ban

Sau khi thành lập, Ban Vận động đã tổ chức nhiều cuộc họp lấy ý kiến và hiệp thương với 9 tổ chức Giáo hội. Tháng 8/1980, Ban Vận động họp thân mật với 140 đại biểu nhân sĩ, trí thức, tín đồ Phật tử các giáo phái tại chùa Vĩnh Nghiêm (TP. Hồ Chí Minh) để bàn về hệ thống, cơ cấu tổ chức của Phật giáo Việt Nam sau khi

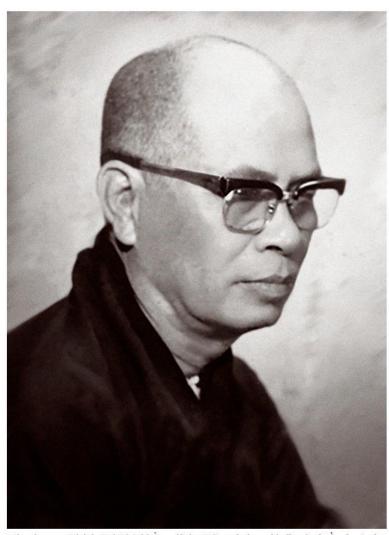
Luy Lâu (Bắc Ninh). Khoảng thế kỷ IV - V, Phật giáo Đại thừa từ Trung Hoa bắt đầu ảnh hưởng vào Việt Nam, được bản địa hóa và trở thành một tôn giáo lớn. Đến thời Lý - Trần thì Phật giáo đã trở thành "Quốc đạo". Trong quá trình phát triển, Phật giáo Việt Nam tồn tại nhiều hệ phái nhưng luôn khao khát thống nhất thành một tổ chức

Vận động thống nhất Phật giáo" (gọi tắt là Ban Vận động) ra đời (2/1980), do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban; các Phó Trưởng ban là: Hòa thượng Thích Mật Hiển, Hòa thượng Thích Bửu Ý, Hòa thượng Thích Giới Nghiêm, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Hòa thượng Thích Thế Long.

thống nhất... Ngày 16/1/1981, Ban Vận động họp kỳ thứ II ở Hà Nội đã nhất trí sẽ tiến hành Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam trong năm 1981. Để đẩy nhanh quá trình thống nhất Phật giáo Việt Nam, trong tháng 3/1981, Ban Vận động đã nhiều lần lấy ý kiến và hiệp thương với các tổ chức, tông phái, hệ phái,

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 47

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI



Hòa thượng Thích Trí Thủ khẳng định: "Con đường đó dù có nhiều thuận lợi vì có cùng một điểm chung, đó là nguyện vọng thống nhất Phật giáo trong bối cảnh đất nước thống nhất, độc lập, một sự thống nhất thực sự với trọn vẹn ý nghĩa của nó, nhưng cũng vấp phải một vài sự khó khăn. Song, việc thống nhất Phật giáo Việt Nam không chỉ là nguyện vọng của toàn thể Phật giáo đồ, mà hơn thể nữa, đó là chân lý tất yếu của Phật giáo Việt Nam. Có thống nhất Phật giáo mới đoàn kết được toàn thể Tăng, Ni và tín đồ Phật tử cả nước." (Ánh: Tư liệu)

lạc Phật giáo yêu nước TP. Hồ Chí Minh tại chùa Vĩnh Nghiêm (27/3/1981)... Các cuộc tiếp xúc giữa Ban Vận động và các hệ phái diễn ra cởi mở, chân tình, thẳng thắn và tỏ rõ mong muốn thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Ngày 5/8/1981, Ban Vận động họp kỳ thứ III tại chùa Xá Lợi (TP. Hồ Chí Minh), dưới sự chủ trì của Hòa thượng Thích Trí Thủ. Hội nghị tập trung thảo luận về phương thức, nội dung thống nhất, dự thảo văn kiện Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam và đã thành công viên mãn trong tình đoàn kết với niềm tin mãnh liệt về tiền đồ rạng rỡ của Phât giáo Việt Nam.

Ngày 09/10/1981, Ban Vận động hop với trên 1.000 Tăng, Ni và tín đồ Phật tử tiêu biểu của chín hệ phái tại chùa Xá Lợi để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam sẽ tổ chức vào ngày 04/11/1981 ở Hà Nội. Hòa thương Thích Trí Thủ ra thông bạch triệu tập Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam gửi chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni và tín đồ Phật tử cả nước. Thông bạch khẳng định: Đến nay, công việc chuẩn bị có thể gọi là hoàn tất, Ban Vận động chúng tôi, sau khi được sư chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng, quyết định triệu tập Đại hội đại như: Hiệp thương với Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam tại tịnh xá Trung Tâm (15/3/1981); với Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam tại chùa Giác Lâm (17/3/1981); với Ban Chỉ đạo Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại chùa Ấn Quang (18/3/1981); với Hội Phật học Nam Việt tại chùa Xá Lợi (21/3/1981); với Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam tại chùa Kỳ Viên (24/3/1981); với Giáo hội Thiên Thai Giáo Quán Việt Nam tại chùa Pháp Hôi (26/3/1981); với Ban Liên

biểu các tổ chức, giáo hội, hệ phái Phật giáo cả nước tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), từ ngày 04 đến ngày 07/11/1981 [1].

Hòa thượng Thích Trí Thủ khẳng định: Con đường đó dù có nhiều thuận lợi vì có cùng một điểm chung, đó là nguyên vọng thống

VĂN HÓA PHÂT GIÁO 15-11-2021

nhất Phật giáo trong bối cảnh đất nước thống nhất, độc lập, một sự thống nhất thực sự với trọn vẹn ý nghĩa của nó, nhưng cũng vấp phải một vài sự khó khăn. Song, việc thống nhất Phật giáo Việt Nam không chỉ là nguyện vọng của toàn thể Phật giáo đồ, mà hơn thế nữa, đó là chân lý tất yếu của Phật giáo Việt Nam. Có thống nhất Phật giáo mới đoàn kết được toàn thể Tăng, Ni và tín đồ Phật tử cả nước [2].

Sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Đáp ứng yêu cầu lịch sử, từ ngày 04 - 07/11/1981, Hội nghị Thống nhất Phật giáo (được coi như Đai hội Đai biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ I) diễn ra tại chùa Quán Sứ (Hà Nội) với sự tham dự của 165 vị đại diện [3] cho chín tổ chức, giáo phái, hệ phái Phật giáo cả nước [4]. Các đại biểu đều thành tâm thiện chí mong muốn thống nhất các hệ phái thành một tổ chức thống nhất, nên hội nghi diễn ra trong tinh thần đồng đạo, thắm tình ruột thịt và đạt kết quả viên mãn với sự thành lập "Giáo hội Phật giáo Việt Nam", thông qua Hiến chương, chương trình hoạt động của Giáo hội; suy tôn Hội đồng Chứng minh gồm 50 vi Hòa thượng, do Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ; suy cử Hội đồng Trị sự gồm 49 vị [5], do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Chủ tịch. Thành

ương Giáo hội như bộ phận Tài chính, Thủ quỹ, Kiểm soát...

Từ năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt đông theo Hiển chương (gồm Lời nói đầu, 11 Chương, 46 Điều) đã được Đại hội thống nhất thông qua và được Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) phê chuẩn tại Quyết định số 83/BT ngày 29/12/1981: "Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và ngoài nước" (Điều 1). Hiến chương trở thành cơ sở pháp lý, là kim chỉ nam giúp cho hoạt động Giáo hội vượt qua mọi khó khăn và đạt những thành tưu viên mãn.

Như vậy, Phật giáo Việt Nam sau một thời gian dài có nhiều tổ chức giáo phái, tông phái, hệ phái cùng tồn tại và hoạt động độc lập, đến năm 1981, đã thành lập một tổ chức Giáo hội thống nhất và duy nhất, có hiến chương, chương trình hành động riêng. Đây là lần thống nhất Phật giáo lớn nhất từ trước đến nay, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí "thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức" của một tổ chức Giáo hội duy nhất đại diện cho trí tuệ và nguyện vọng của Tăng, Ni và tín đồ Phật tử Việt Nam.

2. TÍNH TẮT YẾU SỰ RA ĐỜI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Sự thành lập Giáo hội Phật giáo

có từ rất sớm; các hệ phái luôn khao khát xây dựng ngôi nhà chung của Phật giáo Việt Nam trên toàn quốc

Từ khi du nhập vào Việt Nam, Đạo Phật tồn tại nhiều sơn môn sinh hoạt độc lập, ít liên hệ và chi phối lẫn nhau. Để phù hợp với xu thế thời đại, phục vụ tốt hơn việc đạo, việc đời, vấn đề thống nhất Phật giáo được đặt ra từ rất sớm và trở thành sơi chỉ đỏ xuyên suốt kết nối các hệ phái. Ngay từ thời Phât hoàng Trần Nhân Tông, Phật giáo Việt Nam đã thống nhất các dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Thảo Đường, Vô Ngôn Thông để lập nên Giáo hội Trúc Lâm năm 1299. Nhưng do điều kiện lịch sử nên Giáo hôi Trúc Lâm chỉ đóng khung trong nội bộ thiền phái Trúc Lâm, mà không mở rộng hoạt động trên nhiều phương diện như Phật giáo hiện nay.

Trong thời Pháp thuộc, khi thực dân Pháp thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, muc tiêu thành lập Phật giáo Việt Nam thống nhất gặp nhiều khó khăn. Tuy bị "cái địa dư phân cách Trung, Nam, Bắc", song Tăng, Ni và tín đồ Phật tử cả nước luôn ước nguyện xây dựng một Phật giáo thống nhất. Nguyên vọng này đã có từ lâu và là nguyện vọng duy nhất, tha thiết của Phật giáo Việt Nam [6]. Do đó, trong "Chương trình nghị sự" của Phật giáo mỗi miền đều đưa ra ý tưởng thống nhất Phật

lập sáu ban chuyên ngành của Trung ương Giáo hội nhiệm kỳ I (1981-1987) gồm: Ban Tăng sự; Ban Giáo dục Tăng Ni; Ban Hướng dẫn nam nữ cư sĩ, Phật tử; Ban Hoằng pháp; Ban Nghi lễ; Ban Văn hóa. Ngoài ra, còn có các bộ phân trực thuộc Trung

Việt Nam là kết quả của quá trình vận động lâu dài, bền bi và hợp quy luật khách quan, đáp ứng yêu cầu lịch sử đặt ra. Tính tất yếu này thể hiện ở một số mặt chủ yếu sau:

Mục tiêu thống nhất Phật giáo

giáo Việt Nam. Đáng chú ý là ý kiến của Thiền sư Tâm Lai về việc thành lập "Hội Việt Nam Phật giáo" năm 1927 [7].

Những năm 30 - 40 của thế kỷ XX, phong trào Chấn hưng Phật giáo [8] phát triển mạnh mẽ, dẫn

VĂN HÓA PHÂT GIÁO 15-11-2021 49

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

đến sư ra đời các hội Phật giáo, như: Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học năm 1930 tại Sài Gòn, do Hòa thượng Lê Khánh Hòa làm Hội trưởng; Hội An Nam Phật học năm 1932, tại Huế (đến ngày 22/12/1945, đổi tên thành Hội Việt Nam Phật học), do cư sĩ Lê Đình Thám làm Hội trưởng [9]; Hôi Phât giáo Bắc Kỳ [10] năm 1934 (đến ngày 19/5/1945, đổi tên thành Hội Việt Nam Phật giáo), tại Hà Nội, do Nguyễn Năng Quốc làm Hội trưởng. Hội Phật học Đà Thành [11] năm 1935 tại chùa Phổ Thiên (Đà Nẵng); đến năm 1937, Hội Phật học Đà Thành chủ trương thành lập "Việt Nam Phật giáo Liên hiệp hôi"; năm 1938, Hội Phật học Đà Thành chủ trương sáp nhập vào Hội An Nam Phật học... Ngoài ra, ở miền Bắc còn có các tổ chức Phật giáo như: Bắc Kỳ Cổ Sơn Môn [12] (1935), sau đó sáp nhập vào Hội Phật giáo Bắc Kỳ; Hội Thanh niên Phật tử Việt Nam (1943), do bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết làm Hội trưởng; Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bô năm 1945, do Hòa thượng Thích Thanh Thao làm Hôi trưởng... Đến năm 1945, nhiều hội Phật giáo được hình thành và đều hướng tới việc cải tổ đường lối tu tập, cách thức sinh hoat của Tăng già, đổi mới phương thức giáo dục, đào tạo Tăng Ni sinh... nhằm chuẩn bị cho công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Bước vào cuộc kháng chiến chống

Ở miền Bắc: Ngày 20/8/1949, Hội Phật giáo Bắc Kỳ đổi thành Hội Tăng Ni Chinh lý Bắc Việt, do Thiền sư Tố Liên làm Hội trưởng. Đến ngày 09/9/1950, đổi thành Hội Phật giáo Tăng già Bắc Việt và tôn Thiền sư Thích Mật Ứng làm Thiền gia Pháp chủ. Tháng 5/1949, Hội Việt Nam Phật giáo được thành lập tại chùa Quán Sứ, do cư sĩ Bùi Thiện Cơ làm Hội trưởng. Tháng 9/1949, Hội Phật tử Việt Nam được thành lập tại Hà Nội.

Ở miền Trung: Năm 1949, Hội Sơn Môn Tăng già Trung Việt được thành lập tại chùa Thừa Thiên, do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Tùng lâm Pháp chủ. Hội An Nam Phật học đổi thành Hội Việt Nam Phật học, do cư sĩ Lê Văn Định làm Hội trưởng.

Ở miền Nam: Năm 1946, Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ ra đời. Năm 1951, Giáo hội Tăng già Nam Việt được thành lập, do Hòa thượng Đạt Thanh làm Pháp chủ và Hòa thượng Đạt Từ làm Trị sự trưởng. Năm 1951, Hội Phật học Nam Việt được thành lập, do cư sĩ Nguyễn Văn Khỏe làm Hội trưởng.

Ngoài ra, còn có Phật học đường Báo Quốc, do Hòa thượng Thích Trí Thủ đứng đầu; Phật học đường Nam Việt... Như vậy, đến năm 1951, cả nước đã xuất hiện nhiều hội Phật học, Phật thành lập "Tổng hội Phật giáo Việt Nam", do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội trưởng, ra tuyên ngôn nêu rõ: "Đề xướng việc lập Phật học này, chúng tôi có cái thâm ý đến chỗ Bắc, Trung, Nam sẽ bắt tay nhau thành một khối Phật tử quảng đại và thống nhất trên nguyên tắc cũng như trong hành động" [13]. Tổng hội Phật giáo Việt Nam ra đời, đánh dấu sự đồng thuận đầu tiên cho quá trình chấn hưng Phật giáo Việt Nam, đặt nền tảng cho sự phát triển Phât giáo sau này [14].

Để thể hiện rõ ý chí, khát vọng thống nhất Phật giáo, ngày 10/4/1951, Pháp chủ Thích Mật Ứng - đại diện Phật giáo miền Bắc, Hội trưởng Thích Tinh Khiết - đại diện Phật giáo miền Trung và Hòa thượng Thích Đạt Thanh - đại diện Phật giáo miền Nam, cùng ký tên vào "Lời hiệu triệu thống nhất Phật giáo" gửi các tổ chức Phật giáo. "Phải bước tới thống nhất Phật giáo toàn quốc, thống nhất Phật giáo, đấy là nguyện vọng từ lâu, nguyên vong duy nhất của toàn thể Phật tử xuất gia cũng như tại gia" [15].

Từ ngày 06 - 09/5/1951, Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc được tổ chức tại chùa Từ Đàm (Huế) với sự tham dự của 51 đại biểu Tăng già và cư sĩ 3 miền Bắc - Trung - Nam. Hội nghị nhất trí thành lập "Tổng liên hội Phật giáo Việt Nam", suy tôn Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội

Pháp (1945 - 1954), Ủy ban Phật giáo Cứu quốc được thành lập ở các tỉnh, thành phố. Nhiều tổ chức được chuyển đổi, thành lập, trong đó có 6 tổ chức lớn nhất tại ba miền, mỗi miền một tổ chức của Tăng sĩ, một tổ chức của cư sĩ.

giáo kể cả Tăng già và cư sĩ; vấn đề thống nhất Phật giáo từng miền ở những mức độ khác nhau cũng được đặt ra.

Ngày 25/2/1951, 6 tổ chức ba miền họp tại Huế và nhất trí chủ, Thượng tọa Thích Trí Hải làm Phó Hội chủ. Với sự ra đời của Tổng hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Tăng giả Việt Nam, Phật giáo nước ta bước đầu được tập hợp thành một khối thống nhất trong cả nước. Song, do

50 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

điều kiện chiến tranh, chư Tăng và cơ quan Giáo hội bị phân tán thành hai vùng tạm chiếm và giải phóng, nên Tổng hội chỉ là một tổ chức hình thức, không có quyền điều hành, kiểm soát; các hội vẫn hoạt động riêng biệt nhưng cũng đặt nền tảng cho sự phát triển Phật giáo sau này.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), Việt Nam bị chia cắt thành hai miền, nên Tổng hội Phật giáo Việt Nam cũng bi chia cắt. Nhưng khát vọng thống nhất đất nước, thống nhất Phật giáo Việt Nam không bao giờ tắt trong lòng Tăng, Ni và tín đồ Phật tử. Từ ngày 16-18/3/1958, các tổ chức của Tổng hôi tai miền Bắc, như Hôi Việt Nam Phật giáo, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội Phật giáo Cứu quốc và Hôi Phật tử Việt Nam tiến hành Đại hội thành lập "Hội Phât giáo Thống nhất Việt Nam", suy tôn Hòa thượng Thích Trí Độ làm Hội trưởng; Hòa thượng Tuệ Tạng, Thượng tọa Thích Đức Nhuân, Thượng tọa Phạm Đức Chính, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám làm Phó Hội trưởng. Sau khi Hôi Phât giáo Thống nhất Việt Nam ra đời, các tổ chức Phật giáo trước đây như Hội Việt Nam Phật giáo, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội Phật giáo Cứu quốc và Hội Phật tử Việt Nam đều giải thể. Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam trở thành thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Từ ngày 31/12/1963 đến ngày

và Nam truyền ở miền Nam thành một tổ chức duy nhất "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất". Từ đây, những tập đoàn trong Tổng hội Phật giáo Việt Nam thực sự được xóa bỏ [16]. Sư thống nhất này một lần nữa khẳng định khát vọng thống nhất các hệ phái thành một ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam luôn cháy bỏng trong cả Phật giáo Bắc tông lẫn Nam tông. Điều đó góp phần tao điều kiện thuận lợi giúp cho Phật giáo miền Nam có thêm thế và lực để cùng nhân dân cả nước tiếp tục đấu tranh chống Mỹ.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất đã tạo cơ duyên thuận lợi để các hệ phái thực hiện hoài bão xây dựng ngôi nhà chung cho Phật giáo Việt Nam. Tháng 02/1980, Ban vân động Thống nhất Phật giáo được thành lập, do Hòa thương Thích Trí Thủ đứng đầu, đã có những hành động thiết thực thúc đẩy quá trình hợp nhất các hệ phái, dẫn đến sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981. Đến đây, công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam đã thành công viên mãn trên nguyên tắc đoàn kết hòa hợp, thống nhất ý chí trong mọi tư tưởng và hành đông của cả ba hệ phái Bắc tông. Nam tông và Khất sĩ trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Như vậy, mục tiêu thống nhất Phật giáo đã có từ rất sớm và thành công viên mãn vào năm Tổ quốc thống nhất đã tạo ra cơ duyên thuận lợi tất yếu cho sự thống nhất của các hệ phái Phật giáo Việt Nam

Từ khi du nhập và phát triển ở Việt Nam hơn 2.000 năm, Phật giáo đã luôn đồng hành cùng dân tộc: "Hai ngàn năm Phật giáo Việt Nam là hai ngàn năm Phật giáo nhập thân với dân tộc" [17]. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn manh: "Phât giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một" [18]. Sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam và sư nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ và tác động qua lai. Chỉ khi đất nước không bi chia cắt thì công cuộc thống nhất Phât giáo mới trở nên bền vững. Đó là cơ duyên thuận lợi cho sư thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Đầu những năm 30 của thế kỷ XX, phong trào cách mang Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Đảng Công sản Việt Nam ra đời tháng 2/1930. Đây là cơ duyên tốt cho toàn thể Tăng, Ni và tín đồ Phật tử cả nước vân đông thống nhất Phât giáo Việt Nam. Năm 1937, Hội Phật học Đà Thành ở miễn Trung chủ trương thành lập "Việt Nam Phật giáo Liên hiệp hội"... Trong những năm 1941-1945, nhiều tổ chức Phật giáo ra đời như đã nêu trên. Ngày 25/2/1951, Hội Phật học Nam Việt ra tuyên cáo nêu rõ nguyện vọng thống nhất Phật giáo cả nước: "Đề xướng việc lập Phật học này, chúng tôi có cái thâm ý đến chỗ Bắc, Trung, Nam sẽ bắt

4/1/1964, các hệ phái Phật giáo Bắc tông và Nam tông ở miền Nam Việt Nam họp Đại hội tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn), nhất trí thông qua việc thống nhất hai tông phái Phật giáo Bắc truyền

1981. Đó là cả quá trình nỗ lực rất lớn, dưới sư đồng tâm, đồng sức của chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội và Tăng, Ni, tín đồ Phật tử các hệ phái; sự trợ duyên của Đảng và Nhà nước.

tay nhau thành một khối Phật tử quảng đại và thống nhất trên nguyên tắc cũng như trong hành động" [19]. Theo đó, Phật giáo Việt Nam cũng hình thành nên những tổ chức thống nhất cao hơn,

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 51

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI

Muc tiêu thống nhất Phât giáo đã có từ rất sớm và đã thành công viên mãn vào năm 1981. Đó là cả quá trình nỗ lực rất lớn, dưới sự đồng tâm, đồng sức của chư tôn giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội và Tăng, Ni, tín đồ Phật tử các hệ phái; sự trợ duyên của Đảng và Nhà nước.



như: Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1951), Giáo hôi Phật giáo Việt Nam Thống nhất (1964)...

Sau khi thống nhất đất nước, trong điều kiện mới, Tăng, Ni và tín đồ Phật tử cùng hòa nhập tâm nguyện, hòa chung tiếng nói, đồng tâm hiệp lực thực hiện khát vọng xây dựng tổ chức Phật giáo thống nhất. Trong bài diễn văn góp ý về cuộc vận động thống nhất Phật giáo, thay mặt Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Luc Hòa Tăng và Luc hòa Phật tử, Hòa thượng Bửu Ý, nêu rõ: "Tôi quan niệm Phật giáo chỉ có một, nhưng từ lâu phân ra nhiều hệ phái, vì thời cuộc, vì chế độ thực dân cũ và với âm mưu chia rẽ để lợi dụng bằng cách này cách nọ nhằm phục vụ ý đồ thống trị của chúng. Nay đất nước hoàn toàn giải phóng và thống nhất là một cơ duyên thuận lợi rất tốt để thống nhất Phật

Phật giáo Việt Nam (11/1981), cụ Hoàng Quốc Việt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, khẳng định: "Ngày nay, nhân dân ta đã đuổi hết quân xâm lược, giang sơn gấm vóc của ta đã quy về một mối, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập và thống nhất. Đó là điều kiện thuận lợi đề cho Tăng Ni và đồng bào Phật tử thực hiện trọn vẹn nguyện vọng thống nhất Phật giáo cả nước của mình..." [21]. Hiến chương Giáo hôi nêu rõ: "Nguyên vong thống nhất Phật giáo đã thực hiện từ lâu, nhưng chưa được trọn vẹn, nay trong bối cảnh dân tộc đã độc lập, Tổ quốc đã thống nhất, cả nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, Phật giáo Việt Nam có đủ cơ duyên thống nhất thật sự để duy trì chánh pháp, góp phần tích cực cùng toàn dân đem lai vinh quang cho Tổ quốc, hòa bình an lạc cho dân tôc và nhân loại..." [22].

Sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã mở ra dòng chảy hợp nhất của Phật giáo nước ta, lưu thông đến mọi miền đất nước, mang tính ưu việt của truyền thống đoàn kết hòa hợp và gia tăng thêm sức manh đến bôi phần để thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát huy các giá tri văn hóa dân tộc, trong đó, văn hóa Phật giáo chiếm vị trí quan trọng.

Việc thành lập Giáo hội với Hiển chương được Nhà nước công nhận đã tạo cơ sở pháp lý cho Phật giáo Việt Nam thiết lập, phát triển quan hệ ngoại giao với các nước Phật giáo trên thế giới. Đây là điều mà các nước trên thế giới không làm được [23], đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia tổ chức Giáo hội chung, duy nhất trên thế giới. Sư thống nhất các hệ phái đã chấm dứt thời kỳ các tổ chức Phật giáo hoạt

giáo thành một mối trên tinh thần hòa hợp Tăng già, chung sức chung lòng vì đạo pháp và dân tộc" [20] ... Phát biểu tại lễ khai mạc Đại hội Đại biểu Thống nhất

Thống nhất để bảo tồn, phát huy giá trị của Phật giáo Việt Nam và hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới động manh mún, tranh giành ảnh hưởng. Từ nay, Phật giáo Việt Nam luôn đoàn kết, thống nhất thực hiện phương châm hành đao: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ

52 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

nghĩa xã hội", góp phần không ngừng nâng cao vị thế Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc và cộng đồng tín ngưỡng Phật giáo trên thế giới [24].

3. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ SỰ RA ĐỜI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Mở ra Kỷ nguyên Phật giáo thống nhất trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, đáp ứng nguyên vọng thiết tha của Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam:

Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên cơ sở thống nhất 9 hệ phái là một sự kiện trọng đại trong trang sử vàng của Giáo hội. So với các lần thống nhất trước, công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981 được coi là thành công nhất. Lần đầu tiên trong lịch sử, Phât giáo Việt Nam đã quy tụ được các tổ chức, hệ phái vào một tổ chức thống nhất cả về ý chí lẫn hành động, lãnh đạo và tổ chức, có Hiến chương, suy tôn ngôi Pháp chủ, tấn phong hàng giáo phẩm. Từ đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam trở thành tổ chức Giáo hội Phật giáo duy nhất sau nhiều thế kỷ phân tán và hoạt động rời rac. Kể từ ngày ra đời, qua 40 năm (1981-2021), tính ưu việt của công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị.

Đánh giá ý nghĩa to lớn của việc thống nhất này, báo cáo Đại hội Thống nhất Phật giáo đã khẳng định: "Đây là lần đầu tiên sau hơn trăm năm bị nô lệ hóa bởi phong kiến thực dân và đế quốc,

vàng son cho cho Đạo Phật Việt Nam mà chúng ta chỉ tìm thấy trong thời đại nhà Trần với Trúc Lâm Tam tổ. Nay thời đại vàng son đó đã đến và đang nằm trong tay chư vị đại biểu của chín tổ chức hệ phái Phật giáo Việt Nam. Từ nay, chúng ta không còn phân biệt Phật tử miền Nam, Phật tử miền Trung, Phật tử miền Bắc. Chúng ta chỉ gọi bằng một danh từ quý báu nhất, thiêng liêng nhất là Phật tử Việt Nam" [25].

Hòa thượng Thích Trí Thủ nhấn mạnh, sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã "mở ra một hướng phát triển mới trong lịch sử Phật giáo nước nhà, làm lợi ích cho Tổ quốc và nhân dân, làm sáng chói tinh thần Phật giáo trong thời đại nước Việt Nam xây dựng Chủ nghĩa xã hội, phát huy cao hơn nữa truyền thống gắn bó hài hòa giữa Đạo Phật với dân tộc, đảm bảo truyền thống tín ngưỡng và phương pháp tu hành của Tăng, Ni và đồng bào Phật tử theo lời Phật dạy" [26].

Có thể khẳng định, sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 là cuộc thống nhất Phật giáo trọn vẹn, mỹ mãn nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Lần đầu tiên, cụm từ "Phật giáo thống nhất một cách trọn vẹn" trở nên đúng nghĩa, bởi Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tập hợp đầy đủ các tổ chức Giáo hội, tổ chức hội cả ba hệ phái Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ. Thời nhà Trần, Phật giáo chỉ thống nhất trong nội bộ thiền phái Trúc Lâm; năm 1951, Tổng hội Phật giáo Việt

Phật giáo Việt Nam Thống nhất năm 1964, cũng chỉ diễn ra trong phạm vi ở miền Nam hay ở miền Bắc, chứ không thể nói là thống nhất Phật giáo trong cả nước; hơn nữa, còn nhiều tổ chức Giáo hội lúc bấy giờ không tham gia. Do đó, sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 thực sự là công trình vĩ đại của Phật giáo khi đã tổng hợp toàn bộ trí tuệ, công sức Tăng, Ni và tín đồ Phât tử cả nước thành một khối thống nhất, mở ra thời kỳ phát triển mới của Phât giáo Việt Nam. Sư thống nhất ấy chính là "cây bút thần" mầu nhiệm, thể hiện qua hình ảnh chư vi Bồ tát với "nghìn tay nghìn mắt" đã viết lên trang sử vàng sáng chói cho nền Phật giáo nước nhà.

Khẳng định tinh thần đoàn kết, thống nhất cao và tạo ra cơ duyên để các chức sắc Phật giáo người Việt, các hội Phật tử người Việt Nam ở nước ngoài chung tay xây dựng đất nước

Sự thống nhất các tổ chức, hệ phái vào ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam, trước hết nhờ tinh thần đoàn kết, hòa hợp trên dưới một lòng và tinh thần trách nhiệm cao với đạo pháp, dân tộc của chư Tôn đức cùng toàn thể Tăng, Ni và tín đồ Phật tử 9 hệ phái.

Việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đưa Việt Nam trở thành một trong số ít các quốc gia có hình thức tổ chức Giáo hội chung và duy nhất, trên nguyên tắc thống nhất ý chí lẫn hành động, lãnh đạo và tổ chức. Song, các truyền thống hệ phái cũng

Phật giáo Việt Nam chúng ta nay được nêu cao ngọn cờ độc lập và tự do trong cộng đồng Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, một thời Nam chỉ thống nhất trong nôi bô hệ phái Bắc tông; việc thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam năm 1958 hay Giáo hội như các pháp môn, phương tiện tu hành đúng chính pháp đều được tôn trọng và duy trì [27]. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Pham Văn

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 53

PHÂT GIÁO & THỜI ĐAI

Đồng đánh giá: "Đây là một sự kiện lịch sử của Đạo Phật nước ta, cả từ trong quá khứ cũng như trong hiện tại và tương lai... Lịch sử đã xác nhận Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo từ bản chất, bản sắc, từ trong thực tiễn hoạt động của mình, biểu hiện truyền thống yêu nước, gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với Tổ quốc. Trong sự nghiệp cách mạng cao cả của dân tộc ngày nay, Phật giáo Việt Nam đã góp phần xứng đáng..." [28].

Việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn mạng một ý nghĩa to lớn trong việc kết nối các chức sắc Phât giáo người Việt với các hội Phật tử người Việt ở nước ngoài đoàn kết một lòng, chung tay xây dựng đất nước. Đồng thời, góp phần làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch muốn lợi dụng tôn giáo để chống phá, chia rẽ nội bộ Phật giáo và Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trước xu thế hội nhập của đất nước, Phật giáo Việt Nam đã tích cực mở rộng các hoạt động giao lưu quốc tế để vun đắp tình đồng đạo hữu nghị với Phật giáo các nước, tạo sư giao lưu về tư tưởng văn hóa Phật giáo Việt Nam với tư tưởng văn hóa Phật giáo thế giới. Qua đó, góp phần tăng cường tinh thần hữu nghị, đoàn kết quốc tế trong Phật giáo giữa các quốc gia và đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng nền hòa bình thế giới.

Tạo ra luồng sinh khí mới trong đời sống sinh hoạt của Tăng, Ni và tín đồ Phật tử

Sư thành lập Giáo hội Phật giáo



Kể từ khi thành lập, qua 40 năm (1981-2021), Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng lớn mạnh và khẳng định vai trò của mình ở nhiều phương diện, với những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: Tăng sự, giáo dục, hoằng pháp, văn hóa, từ thiện xã hội, hoạt động đối ngoại. (Anh: Tư liệu)

phương hoat đông đồng bô, nhịp nhàng, xuyên suốt, nhất quán, đã tạo nên luồng sinh khí trong đời sống sinh hoạt của Tăng, Ni và tín đồ Phật tử cả nước. Giáo hội trở thành trung tâm tập hợp nguồn lực lớn lao của Phật giáo Việt Nam, thu hút nhân dân đến với Đạo Phật, khơi nguồn cảm hứng vô biên cho sự nghiệp phát triển Phât giáo Việt Nam trong thời đại mới, tạo sự hưng phần cho Tăng, Ni và tín đồ Phật tử trong quá trình dấn thân phụng sự đất nước trên bước đường đồng hành cùng dân tộc.

Sư ra đời của Giáo hội đã hình thành tiếng nói chung cho tất cả các tổ chức thuộc ba hệ phái lớn: Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ của Phật giáo Việt Nam. Đó là "đoàn kết hòa hợp, trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội" và "phục vụ chúng sinh là cúng giáo thành một khối thống nhất, tạo sự liên thông Phật giáo giữa các vùng miền. Giáo hội Phật giáo Việt Nam với phương châm: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", trở thành động lực giúp Tăng, Ni và tín đồ Phật tử Việt Nam ý thức được trách nhiệm cao cả của mình với vận mệnh đất nước, luôn mong muốn đóng góp công sức, trí tuê cho sư hưng thinh đạo pháp và sư trường tồn của dân tộc.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng

Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tao sự thống nhất trong công tác lãnh đạo của Trung ương Giáo hội, công tác hành chính của hệ thống Giáo hội các cấp, công tác hướng dẫn Tăng,

Việt Nam với các Ban chuyên môn, Viện thuộc Trung ương Giáo hội, từ trung ương đến địa dường chư Phật". Điều đó không chỉ xóa đi khoảng cách mà còn gắn kết chặt chẽ các hệ phái Phật Ni, tín đô Phật tử trong và ngoài nước. Đồng thời, tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho việc

54 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

thực hiện tốt chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo. Từ đó, tạo cơ sở cho việc thực hiện hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo và đảm bảo tự do tín ngưỡng tôn giáo cho nhân dân. Giáo hôi còn luôn cổ vũ Tăng, Ni và tín đồ Phât tử tích cực hưởng ứng, tham gia các công tác ở địa phương, các phong trào hành động cách mạng do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, nhất là các phong trào từ thiện xã hội, góp phần hiệu quả vào sư nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [29].... Phát huy truyền thống gắn bó với dân tộc để "hộ trì hoằng dương Phật pháp, phục vụ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần đem lai hòa bình, an lac cho thể giới"; lại được đảm bảo chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã không ngừng trưởng thành và khẳng định vị trí của mình trong lòng dân tộc.

THAY LÒI KẾT

Tóm lại, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập trên cơ sở thống nhất các tông phái, hệ phái, giáo phái năm 1981 là kết quả của quá trình hoat đông bền bỉ, kiên trì của Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Điều đó kịp thời phản ánh xu thế tất yếu của lịch sử và nguyên vọng thiết tha của bao thể hệ Tăng, Ni và tín đô Phật tử Việt Nam. Việc thành lập Giáo hội thống nhất trên toàn quốc có giá trị lịch sử to lớn, quyết định đến sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong những năm tiếp theo. Kể từ khi thành lập, qua 40 năm (1981 - 2021), Giáo hội Phật giáo

ở nhiều phương diện, với những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: Tăng sự, giáo dục, hoằng pháp, văn hóa, từ thiện xã hội, hoạt động đối ngoại. Qua đó, vị thế của Phật giáo Việt Nam không ngừng nâng cao trong lòng dân tộc và trên trường quốc tế, góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

Chú thích:

- * Tiến sĩ Vũ Trọng Hùng, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (Hà Nôi).
- [1] Bồ Đề Tân Thanh, Nguyễn Đại Đồng (2012), *Phật giáo Việt Nam (từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, tr 450
- [2] Thích Huệ Thông, "Kỳ 3: Sự ra đời của Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam", *Tạp chi Văn Hóa Phật Giáo*, số 364, truy cập tháng 7/2021, từ www. tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/8689
- [3] Trong đó, có 33 đại biểu thuộc Ban vận động thống nhất Phật giáo (Ban Chứng minh 4, Ban Thường trực 8, Ban Thư ký 3, các Ủy viên 8, các Tiểu ban 7), 33 đại biểu tiêu biểu Phật giáo Việt Nam được Ban vận động mời (phía Bắc 11 và phía Nam 22), 4 đại biểu dự thính (3 vị Bắc tông, 1 vị Nam tông) và 98 đại biểu các giáo hội, hệ phái, tổ chức Phật giáo.
- [4] Hội thống nhất Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP. Hồ Chí Minh, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Thiên Thai Giáo Quán, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Hội Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ, Hội Phật học Nam Việt.
- [5] Là đại diện tiêu biểu của 9 tổ chức, giáo hội, hệ phái có năng lực, sức khỏe để gánh vác, điều hành các mặt Phật sự của Giáo hội (có 9 Hòa thượng, 30 Thượng tọa, 3 Ni trưởng, 2 Ni sư, 5 cư sĩ gồm 4 nam, 1 nữ).
 [6] Thích Trí Quang (2009), *Tâm ảnh lục*, Nxb. Văn Hoá Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, tr.329.
- [7] Thiền sư Tâm Lai Trụ trì chùa Tiên Lữ

các giá trị truyền thống và hoằng truyền Phật giáo ở Việt Nam, bắt đầu từ đầu thế ki XX.

- [9] Xem thêm Dương Thanh Mừng (2015), "Các tổ chức Phật giáo trong phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam trước năm 1945", *Tạp chi Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 5 (143), tr.43-59.
- [10] Ngày 6/11/1934, Thống sứ Bắc Kỳ Auguste Tholance ký Nghị định số 4283 cho phép thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ: Hội quán đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.
- [11] Hội Phật học Đà Thành (Đà Nẵng) thành lập theo Nghị định số 1057 ngày 14/5/1935 của Khâm sứ Trung Kỳ Maurice Fernand Graffeuil.
- [12] Ngày 31/1/1935, Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ sơn môn được thành lập theo Nghị định số 649 của chính quyền thuộc địa. [13], [18], [19] Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2001), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế,* Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr.464.
- [14] Bồ Đề Tân Thanh, Nguyễn Đại Đổng (2012), *Sđd*, tr.290.
- [15] Thich Trí Quang (2009), Sđd, tr.328.
- [16] Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, tập 3, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.495.
- [17] Hà Văn Tấn (1991), "Phật giáo với cách mạng", *Tạp chi Nghiên cứu Phật học*, số 1, Phân viện Nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội, tr.23.
- [20] Trích từ diễn văn góp ý về cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam của Hòa thượng Thích Bửu Ý, đăng trong Ký yếu Hòa thượng Thích Bửu Ý lưu hành nội bộ năm 1998.
- [21] Thích Huệ Thông, "Kỷ 4: Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam", *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*, số 365, truy cập tháng 7/2021, từ https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/8979.
- [22] Hội đồng Trị sự (2008), Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.3.
- [23], [24] & [27], [29] Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2012), Kỳ yếu Hội thảo Kỳ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2011), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.80,82,90.[25], [28] Phòng Thông tin Tư liệu, Ban Tôn giáo Chính phủ (1995), Một số tôn giáo ở Việt Nam, Hà Nôi, tr.45.
- [26] Trích diễn văn khai mạc Đại hội Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam do

Việt Nam ngày càng lớn mạnh và khẳng định vai trò của mình (1 hai Nguyen). [8] Chấn hưng Phật giáo là phong trào vận động phục hưng Phật giáo nhằm tìm lại rioa thượng Thiên Tri Thu, Trường ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam đọc tại Hội nghị.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 55

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Chùa Quảng Công ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Đinh Văn Viễn*

hùa Quảng Công hiện ở thôn Quảng Công, xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tinh Ninh Bình. Trong sách Lịch sử Phật giáo Ninh Bình (Nxb Tôn giáo, xuất bản năm 2017) không hề nhắc đến ngôi chùa này. Qua các Văn bia, Tháp mộ, Khoa cúng Tổ hiện còn ở chùa Quảng Công cho thấy: đây là ngôi chùa lớn ở huyện Yên Mô giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Thiền phái Tào Động được truyền từ trung tâm Bích Động (Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình) đến chùa Quảng Công và từ chùa Quảng Công truyền đi nhiều ngôi chùa khác trong địa phương và các tính lân cận. Sự phát triển của chùa Phúc Long giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX cũng nói lên sự ảnh hưởng của phái Tào Động trong Phật giáo Yên Mô là khá mạnh.



CHÙA QUẨNG CÔNG - MỘT TRUNG TÂM CỦA PHÁI TÀO ĐỘNG Ở YỀN MÔ, NINH BÌNH CUỚI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Chùa Quảng Công có tên khác là Phúc Long tự, vì nằm ở thôn Quảng Công nên được gọi theo tên thôn. Trong sách *Lịch sử Phật giáo Ninh Bình* (Nxb Tôn giáo, xuất bản năm 2017) không hề nhắc đến ngôi chùa này. Trong đợt điền dã tháng 4/2021, chúng tôi phát hiện ra hàng loạt tư liệu cho thấy chùa Phúc Long là ngôi chùa lớn, là một trung tâm của phái Tào Động ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Vùng đất xã Yên Thái hiện nay hình thành từ sớm. "Theo Ngọc

vương" và "Áp lãng chân nhân" thì vùng đất này có dân cư sinh sống từ thời Hùng Vương thứ 17" [1]. Thời nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã cho xây thành ở thôn Quảng Công và cho quân lấy đá lấp sông để ngăn giặc tiến từ cửa Thần Phù vào, chuẩn bị chống giặc Minh. Trước năm 1832, Quảng Công là một xã thuộc tổng Yên Mô, huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, đạo Thanh Bình, trấn Thanh Hoa ngoại [2]. Đầu thời Minh Mạng đổi đạo Thanh Bình thành đạo Ninh Bình. Năm 1832, đôi đạo Ninh Bình thành tỉnh Ninh Bình. "Thời Pháp thuộc đến năm 1945, xã Yên Thái có 13 làng, thôn, gồm: Cổ Lâm, Từ Đường, Quảng Công, Tri Điền, Lộc Đông, Phù Sa, Yên Lâm, Nhân Phẩm, Hoa Tốt, Ngọc Lâm, Bình Sa, Yên phả "Ngọc Thỏ tiết chế đại Lâm, Thần Phù, Đồng Cao" [3].



Tiền đường chùa Quảng Công. (Ảnh Đinh Văn Viễn)

Năm 1957, xã Yên Thái tách thành 2 xã: Yên Lâm và Yên Thái. Hiện nay, chùa Phúc Long thuộc thôn Quảng Công 1, xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Đến nay, chưa tìm đủ căn cứ để xác định thời điểm ra đời chùa Quảng Công. Theo các Bô lão cao niên ở địa phương, chùa được xây dựng từ rất lâu. Ban đầu là chùa nhỏ, bằng tranh, nứa, lợp mái rạ. Đến thời Nguyễn, chùa Quảng Công phát triển, trở thành một trung tâm Phật giáo của Yên Mô.

Chùa nằm ở vị trí đắc địa, "phía Nam có núi bao quanh, phía Đông có dòng sông dài, có đồng bằng nối tiếp đến phía Tây bắc. Phong cảnh đẹp như bức vẽ". Theo quan niệm về phong thuỷ thì chùa nằm ở vị trí có bầy Rồng hội tụ, được thế "quần Long". Trong khuôn viên của chùa vẫn còn 9 giếng mà nhân dân địa phương gọi là 9 mắt Rồng. Nước giếng lúc nào cũng trong, không bao giờ cạn. Chính vì điểm này nên người dân khu vực còn gọi chùa với tên là chùa Chín Giếng (hiện nay đã lấp 3 giếng).

Theo Văn bia "Quảng Công xã Phúc Long tự bi chí" dựng năm Bảo Đại nguyên niên (1925) thì chùa được xây dựng từ sớm. Văn bia không nói rõ chùa được xây dựng từ bao giờ nhưng căn cứ theo nội dung bia, lời người soạn bia là người xã Quảng Công, tên là Nguyễn Huy Sán, đỗ Cử nhân năm Quý Mão, làm đến chức Hàn lâm Kiểm tịch đã

nói rõ về ấn tượng của mình về vị Trụ trì của chùa: "Lúc nhỏ đi theo các cụ già, gặp vị Sư đã 90 tuổi, đầu không có tóc, tiếng đọc Kinh vang như tiếng chuông". Như vậy thì trước thời điểm lập bia (1925) chừng mấy chục năm, chùa Phúc Long đã có Trụ trì và hoạt động Phật sự đã đều khắp nên mới để lại ấn tượng sâu sắc đối với cậu bé như vậy. Điều này phù hợp với thư tịch lịch sử.

Kết hợp Văn bia và Khoa cúng Tổ đang lưu tại chùa Quảng Công thì người đầu tiên về mở cảnh chùa Phúc Long là Hòa thượng Thích Hòa Bình. Ngài xuất thân từ gia tộc họ Trần ở Đại An, Nam Định, thụ giới Tỳ kheo tại chùa Bích Động (Ninh Thắng, Hoa Lư, Ninh Bình). Bia tháp của Ngài ghi rõ đạo hiệu

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Vườn tháp chùa Quảng Công. (Ảnh Đinh Văn Viễn)

là Minh Giác Thiền sư, đạo duệ Thích Hòa Bình.

Bích Động là trung tâm của phái Tào Động ở Ninh Bình giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Lịch sử Phật giáo Ninh Bình cho biết, vị Tổ xiến dương phái Tào Động ở Bích Động là Thiền sư Thanh Đàm, Trụ trì chùa Bích Đông từ năm 1810 (thế danh Nguyễn Đình Trị, sinh năm 1786, xuất gia năm 1804, thụ Tỳ kheo giới năm 1806. Ngài là một trong 9 đệ tử đắc pháp nơi Tổ thứ 6 phái Tào Đông là Thiền sư Khoan Dực Phổ Chiếu Đạo Nguyên Tăng thông tại Thiền viện Nguyệt Quang ở Hải Phòng). Như vậy, Thiền sư Minh Giác từ Bích Động về trùng tu chùa Quảng Công thời gian thế kỷ XIX, là người có công truyên bá Tào Động về chùa Quảng Công, Yên Mô.

Sau khi Thiền sư Thích Hoà Bình quy Tây thì đệ tử là Thích Thanh Quý kế đăng Trụ trì chùa Quảng Công. Kế đăng ngài Thanh Quý Trụ trì chùa Phúc Long là đệ tử cả: ngài Thanh Tháp. Giai đoạn Hoà thượng Thanh Tháp Trụ trì, chùa Quảng Công được trùng tu, xây mới nhiều hạng mục, Phật pháp được xiển dương mạnh mẽ.

Năm 1919, chùa được trùng tu. Dấu vết lần trùng tu này, trên thượng lương của gian Thượng điện của chùa hiện nay còn dòng chữ: "Hoàng triều Khải Định tứ niên tuế thứ Kỷ Mùi niên. bát nguyệt, sơ lục nhật lập trụ thương lương đại cát". Ngoài sửa chữa Thượng điện, Tiền đường, nhà Tổ, Trụ trì Thanh Tháp còn cho in kinh sách để người dân đến tụng niệm có sách dùng. Năm 1923, đệ tử của ngài Thanh Tháp là Thích Thanh Hỷ đã cúng dường tịnh tài trùng tu Phủ Mẫu. Phủ Mẫu được xây bằng tường gạch, cột đá rất đẹp.

Năm 1925, ngài Thanh Tháp lại trùng tu và sau đó cho lập bia ghi lại. Văn bia cũng cung cấp cho ta biết thông tin rằng: Chùa đã được rất nhiều người ở xã Quảng Công và nhân dân trong huyện Yên Mô, các chùa ở Yên Mô, Thanh Hóa, Nam Định tiến cúng. Đó là các chức sắc Chánh tổng,

Lý trưởng, cưu Chánh tổng, cưu Lý trưởng, Phó Lý trưởng... của xã Quảng Công. Đặc biệt, có các Tăng, Ni của nhiều chùa ở huyện Yên Mô, ở tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nam Đinh tiến cúng. Đó là: "Hòa thượng tự Thanh Nhu, ở chùa Hưng Phúc cúng 5 nguyên. Tỳ kheo tự Thanh Hi người bản thôn (Quảng Công), cúng 10 nguyên. Tỳ kheo tư Thanh Trà cùng các đệ tử: Tỳ kheo Tự Thanh Nhương, tư Thanh Huỳnh, tự Thanh Hòa, tự Thanh Hướng, tự Thanh Định, Sa di tự Thanh Dưỡng ở chùa Đông Nhiễm, xã Doãn Kế, tỉnh Bắc Giang cúng 100 nguyên. Tỳ kheo Ni tự Tâm Lương ở chùa Tịnh Xá tại Nam Định. Tỳ kheo Ni tự Đàm Tịnh hiệu Minh Nguyệt, Tỳ kheo Ni tự Đàm An ở chùa Long Cảm tại Thanh Hóa. Từ kheo Ni tư Phúc Lộc, Tỳ kheo Ni tự Đàm Liên, Sadi Ni tự Đàm Nhuận. Nguyễn Thị Lan ở chùa Nhân Vinh xã Nhân Phẩm, huyên Yên Mô. Từ kheo Ni tư Đàm Cảnh, chùa Khánh Vân ở Hải Lăng. Sư già Thanh Hóa ở Chùa Thiên Hưng".

Như vậy, chứng tỏ chùa Quảng

Công thời kì này là ngôi chùa lớn, thuộc phái Tào Động, Trụ trì Thanh Tháp là người có ảnh hưởng lớn đối với Phật giáo không chỉ ở huyện Yên Mô mà cả khu vực các tinh của miền Bắc và tinh Thanh Hóa. Hoặc cũng có thể những Tăng, Ni về cúng tiến cho chùa Phúc Long vốn là đệ tử của chùa, được cử đi Trụ trì ở các nơi, khi chùa có việc thì quay về tiến cúng. Dù ở trường hợp nào thì đều chứng tổ sự lớn mạnh, tầm ảnh hưởng của chùa Phúc Long đương thời.

Từ chùa Quảng Công, thiền phái Tào Đông được truyền đến nhiều ngôi chùa ở huyện Yên Mô như: Chùa Thần Phù (còn gọi là chùa Ngọc Lâm, ở thôn Thần Phù, xã Yên Lâm), chùa Nhân Vinh (còn gọi là chùa Nhâm Phẩm, ở thôn Nhân Phẩm, xã Yên Lâm), chùa Quảng Ha (tên chữ là Hào Khê tự, còn gọi là chùa Tè (vì nằm ở xóm Tè), ở làng Quảng Hạ, xã Yên Thắng),... Theo Tỳ kheo Ni Thích Đàm Thêm - Trụ trì đương thời thì chùa Quảng Công những năm đầu thế kỷ XX còn là trường hạ dành cho Ni bộ. Mỗi lần tổ chức ha, các Ni về học tập tại chùa rất đông đúc.

Đồng thời, chùa Quảng Công còn là nơi mà nhân dân Yên Mô gửi gắm niềm tin tâm linh của mình. Họ không chỉ đến chùa tụng kinh, niệm Phật, hướng về cái thiện, việc thiện mà chùa còn là nơi họ tin tưởng, gửi gắm việc cúng giỗ sau khi qua đời. Theo Văn bia năm Bảo Đại nguyên niên đã nêu, vào tháng 4 năm này, Trụ trì của chùa Quảng Công là ngài Thanh Tháp đã cho khắc bia, để ghi nhớ lại những người cúng ruộng, gửi giỗ tại chùa. Số lượng trên bia

có tới 13 người cúng ruộng, gửi giỗ. Số lượng ruộng cúng được khắc trên kia khá lớn, có người cúng tới 14 thước. Tất cả chứng tỏ chùa Quảng Công thời kì này khá lớn, là trung tâm Phật giáo khu vực, được nhân dân trong vùng tin tưởng, gửi gắm tâm linh của mình.

HÀNH TRẠNG MỘT SỐ TRỤ TRÌ CỦA CHÙA QUẨNG CÔNG QUA VĂN BIA

Kết hợp Văn bia, Tháp mộ và Khoa cúng Tổ ở chùa Quảng Công thì Lịch đại Tổ sư tại chùa đến nay như sau:

- Tổ đệ nhất: Hoà thượng Thích Hoà Bình Thiện Lợi, đạo hiệu là Minh Giác Thiền sư.
- Tổ đệ nhị: Hoà thượng Thích Thanh Quý.
- Tổ đệ tam: Hoà thượng Thích Thanh Tháp.
- Tổ đệ tứ: Tỳ kheo Ni Phúc Lộc.
- Tổ đệ ngũ: Tỳ kheo Ni Thích Đàm Nhâm.
- Tổ đệ lục: Tỳ kheo Ni Thích Đàm Thược.
- Tổ đệ thất: Tỳ kheo Ni Thích Đàm Chỉnh.
- Tổ đệ bát: Hoà thượng Thích Thanh Minh.
- Đương thời Trụ trì: Tỳ kheo Ni Thích Đàm Thêm.

Tiểu sử một số Trụ trì chùa Phúc Long như sau:

Hoà thượng Thích Hoà Bình

Sau khi về Trụ trì chùa Phúc Long đã hết lòng xiển dương Phật pháp, tu sửa chùa. Ngài mất ngày 12 tháng Giêng. Tháp mộ của Ngài hiện ở vườn chùa, được đệ tử là Thanh Tháp xây vào tháng 12 năm Khải Định thứ nhất (1919). Bia tháp ghi:

Phiên âm:

lao nghĩa trọng. Cẩu bất trí ý, hạt đắc vĩnh truyền? Tư giả, Thích tử mưu chư kì dịch trùng tu Bảo tháp dĩ biểu phương danh. Ouvên Thiền sư: Nghĩa Hưng thác tích. Ký thức? Đại An Trần gia tôc phố Đông Lĩnh bản thôn Danh tư hữu ý Chí mộ thiền môn Xuất gia đầu Phật Tào Động chính tông Quy y Bich Động Giới phẩm đăng đàn Tam căn cụ túc Luc đô chu hoàn Ninh Bình cương tinh An trụ Quảng Công Hằng tâm, hằng sản Tu lý Phúc Long Nhất tân chế đô Tương pháp hưng tông Trang nghiêm nội, ngoại Phi trấn thiền tông Giả danh bất hủ Truy tư vô cùng. Nam Mô Tịnh Nghiệp tháp; Thanh Quang Tỳ kheo tháp phố

Cái văn! Phật Tổ đạo cao, huân

Dich nghĩa:

Từng nghe! Đạo của Phật Tổ cao vời, rực rỡ huân lao nghĩa nặng. Nếu không hết lòng mộ há truyền được mãi sau. Nay nhân vì thế mà Thích tử [4] bàn bạc với các kỳ dịch của làng trùng tu Bảo tháp để nêu tiếng thơm của Tổ. Đoái nghĩ Thiền sư: Thác tích ở phủ Nghĩa Hưng Gửi thành huyện Đại An

đạo duệ hiệu Minh Giác Thiền

sư, Thích Hòa Bình Thiện Lợi

Khải Đinh nguyên niên, tuế Bính

Thìn, Lạp nguyệt, sơ Tứ nhật; tự

hóa thân Bồ tát - Thiền toa ha.

Chính nguyệt nhị thập nhật ky.

Thanh Tháp cần chí".

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Bia Bảo Đại nguyên niên chùa Quảng Công. (Anh Đinh Văn Viễn)

Dòng Trần phả thuộc Đông Lĩnh thôn nhà Tên, tự mang ý Chí mến cửa thiền Xuất gia tu Phật Chính dòng Tào Động Quy y Bích Động Giới phẩm đăng đàn Tam căn cu túc Lục độ đủ toàn Tại cõi Ninh Bình An trụ Quảng Công Dành tâm, dành của Tu sửa Phúc Long Nên quy mô mới Tượng pháp hưng dòng Trang nghiêm nôi, ngoại Thêm chấn thiền tông Danh đó còn mãi Tưởng nhớ vô cùng! Nam vô Tịnh Nghiệp tháp -Thanh Quang Tỳ kheo; Pháp phả đao duê hiệu Minh Giác Thiền sư - Thích Hòa Bình Thiện Lợi hóa thân [5] Bồ tát - Thiền tọa hạ. Giổ ngày 20 tháng Giêng. Ngày mồng 4 tháng Chạp năm Bính Thìn, niên hiệu Khải Định thứ nhất (1916). Đệ tử là Thanh Tháp kính ghi.

Thiền sư Thích Thanh Quý

Ngài là đệ tử của Thiền sư Thích Hoà Bình, xuất thân từ gia tộc họ Vũ, ở huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Khi còn nhỏ, Ngài đã chuyên cần việc học, hiểu cả Nho, Phật, Đạo. Đến tuổi thanh niên, Ngài xuất gia. Sau khi Sư phụ là Thích Hoà Bình Thiện Lợi qua đời, Ngài Trụ trì chùa Phúc Long, đã hết lòng lo việc Phât pháp, mở mang chùa cảnh. Ngài mất ngày 10/8. Tháp mộ Ngài hiện ở vườn chùa Phúc Long là do hai đệ tử là Thanh Tháp và Thanh Trà xây vào tháng 12 năm Khải Định thứ nhất (1919). Bia tháp ghi: Phiên âm:

"Cái văn! Phật Tổ đạo cao, Sư sinh tình trọng. Cẩu bất lưu ý

an năng vĩnh truyền? Nhưng Thích tử đẳng, hiệp đồng bản xã kiến lập Bảo tháp, dụng biểu phương danh. Minh viết! Kiến Xương thác tích Quận thuộc Vũ Tiên Lịch Bài thị ấp Vũ tộc sinh hiền Thiếu cần học vấn Trưởng mộ thanh liên Sơ đầu Thông Khiết Chính đại tông truyền Tái sam Từ Hòa Giới bẩm kiến thiên Nhất phan miễn giáo Tam tu chu viên Hoàng kim thúc hậu Minh giám hiệu nguyễn Mộc nghệ thị luật Tịnh nghiệp khắc cần Phật pháp đương cơ Vị tùng lâm lữ Thanh Hóa duyên hoằng Kỳ Đà phúc quả Tượng hoàn kim dung Bảo đài liên tọa Ninh Bình nhất phản Diên cảnh Phúc Long Thạch Cầu thời vãng Nghiệp Sư tôn sung Thứ tâm, thứ cảnh Du tễ du ninh Mã giang ẩn nguyệt Phượng lĩnh truyền thanh Tam thập như niên. Hốt nhiên ảo mộng Đức hậu di thâm Ân tình đặc trong Bách thể lưu phương Dữ sơn xuyên công. Bát nguyệt, sơ Thập nhật chính kị. Nam mô Khai Sơn tháp - Tịnh Nghiệp Sa môn; pháp hiệu Thanh Quý Tỳ kheo - Bồ tát thiền tọa hạ. Khải Định nguyên niên, tuế Bính Thìn Lạp nguyệt sơ Tứ nhật Pháp tử Thanh Tháp, Thanh Trà đẳng chí đẳng cần chí.

Dich nghĩa:

Từng nghe! Đạo của Phật Tổ cao vời, ơn Thầy tình nặng. Nếu không để lòng mộ thời sao truyền mãi. Vì thế, chúng Thích tử hiệp lưc cùng bản xã tạo lập Bảo tháp để nêu tiếng thơm của Tổ. [Vậy có] minh rằng! Thác tích ở phủ Kiến Xương thuộc Quận tên Vũ Tiên [6] Quê vôn ấp Lịch Bài Họ Vũ sinh con hiền Lúc nhỏ chăm học vấn Khi lớn mộ thanh liên [7] Đầu theo sư Thanh Khiết Chính dòng truyền đại tông Lai sam sư Từ Hóa Giới bẩm nghiêm minh Một phen gắng dạy Ba lần được chu viên Tiếng lành truyền lưu Minh giám được ước nguyền Từng bước theo luật Tịnh nghiệp ắt cần Phật pháp đương chuyển Làm bạn chốn tùng lâm Duyên hoằng nơi Thanh Hóa Kỳ Đà [8] phúc quả sánh Tượng Phật sáng kim dung Tòa sen cùng đài báu Ninh Bình một trở lại Làm dài mạch Phúc Long Lúc đến Thạch Cầu Nghiệp Sư đạo tông Tâm đó, cảnh này Thêm bền thêm ổn Trăng ân sông Mã Non phượng tiếng lưu Trong 30 năm Hốt nhiên ảo mộng Đức dày càng sâu Ân tình đặc trong Muôn đời lưu danh Sánh cùng sông núi Giỗ ngày 10 tháng Tám. Nam mô Khai Sơn tháp - Tịnh Nghiệp Sa môn; pháp hiệu Thanh Quý, Tỳ kheo Bồ tát - Thiền tọa hạ. Ngày mùng 4 tháng Chạp năm

Bính Thìn, niên hiệu Khải Định thứ nhất (1916). Chúng pháp tử là Thanh Tháp, Thanh Trà cùng kính chép.

Hoà thượng Thích Thanh Tháp

Ngài Thanh Tháp sinh ra trong gia tộc họ Nguyễn, ở xã Quần Phương Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Khi còn nhỏ, Ngài đã tôn sùng Phật và sớm xuất gia cầu đạo. Sau khi Sư phụ là Thích Thanh Quý qua đời, Ngài kế đăng Trụ trì chùa Phúc Long. Trong thời gian Trụ trì chùa Phúc Long, Hoà thượng Thích Thanh Tháp đã hết lòng xiến dương Phật pháp, mở mang chùa cảnh, trùng tu chùa vào các năm Bảo Đại nguyên niên (1925), trùng tu chánh điện, in kinh sách, làm mới nhà Tổ vào năm Khải Định thứ tư (1919), trùng tu Phủ Mẫu vào năm Khải Định thứ tám (1923). Ngài mất ngày 29/12. Tháp mộ Ngài hiện ở vườn tháp được xây vào tháng Giêng năm Canh Tý. Văn bia tháp của Ngài Thanh Tháp như sau:

Phiên âm:

Cái văn! Phật Tổ đạo cao, Sư sinh tình trọng. Nhược bất lưu ý an đắc truy tư Kim thích tử thỉnh thị bản thôn kiến lập Bảo tháp dụng biểu phương danh.

Minh viết:
Nam Định thác tích
Hải Hậu huyện đường
Chính xã Phương Trung
Bản sinh Nguyễn tộc.
Thiếu niên cần học
Trưởng mộ Thiền môn
Sơ bộ Lạc Quần
Phúc Linh thụ giới
Viên Đào sáng tác
Phúc Trụ trì công

Quả lược để phương

Danh lưu hậu học

Truyền đạo thọ lục thập tứ niên Niệm xả trần ai Hốt nhiên ảo mộng Công đức di thâm ân tình trọng Bách thế lưu phương Dữ sơn xuyên cộng Đệ niên thập nhị nguyệt, Nhị thập cửu nhật kị.

Nam mô Phương Quảng tháp - Tịnh Nghiệp Sa môn Tỳ kheo - tự Thanh Tháp toạ hạ. Tuế thứ Canh Tý niên, Chính nguyệt, Thập cửu nhât lập chí.

Dich nghĩa:

Từng nghe! Đạo của Phật Tổ cao vời, ơn Thầy tình nặng. Nếu không để lòng mộ thời sao nhớ truyền mãi. Nay Thích tử thỉnh thị với bản thôn tạo lập Bảo tháp để nêu tiếng thơm của Tổ. [Vậy có] minh rằng! Thác tích ở Nam Định Hải Hậu huyện nhà Chính xã Phương Trung Vốn dòng họ Nguyễn Lúc nhỏ chăm học Khi lớn mộ Thiền Lúc đầu Lạc Quần Thụ giới Phúc Linh Sáng tác Viên Đào Giữ công tạo Phúc Quả đạt lưu thơm Danh lưu người sau Truyền đạo tho 64 năm Nghĩ bỏ trần ai Hột nhiên mộng ảo Công đức càng sâu Ân tình thêm năng Trăm đời đê thơm Cùng với non nước Giỗ ngày 29 tháng 12 Nam mô Phương Quảng tháp -Tịnh Nghiệp Sa môn; Tỳ kheo tự Thanh Tháp tọa hạ.

Tỳ kheo Ni - tự Phúc Lộc

Tỳ kheo Ni - tự Phúc Lộc là đệ tử của Thiền sư Thích Thanh

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Tháp, xuất thân từ họ Nguyễn, xã Đông Thành, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Khi còn nhỏ Ni đã hâm mộ chốn thiền môn. Ni xuất gia cầu đạo tại chùa Lạc Quần (Nam Định), thụ giới Tỳ kheo Ni tại chùa Phúc Linh vào năm 27 tuổi. Sau khi sư phụ là Thanh Tháp quy Tây, Ni Trụ trì chùa Phúc Long. Sau 78 năm trụ thế, Ni quy Tây vào ngày 17/10. Văn bia, Tháp mộ Ni Phúc Lộc như sau:

Phiên âm:

Cái văn! Phật Tổ đạo cao, Sư sinh tình trọng. Nhược bất lưu ý an đắc truy tư Kim thích tử thỉnh thị bản thôn kiến lập Bảo tháp dụng biểu phương danh.

Minh viết:

Thái Bình thác tích Tiền Hải huyện đường Đông Thành xã [động?] Sơ sinh Nguyễn tộc. Nữ lưu cần học Trưởng mộ Thiền môn Sơ bộ Lạc Quần Phúc Linh thụ giới Nhị thập thất tuế Bồ tát thụ trì Sáng tạo nhân cơ Tiên linh thụ thứ Phúc Long lão trụ Thất thập bát linh Kiến tháp di truyền [...] vĩnh truyền một Hữu sinh hữu thác Công đức lưu phương Dữ sơn xuyên cộng

Thập nguyệt, Thập thất nhật chính ky

Nam mô Thành Quảng tháp -Tịnh Nghiệp Sa môn Tỳ kheo Ni - tự Phúc Lộc Bồ tát thiền tọa hạ. Tuế thứ Canh Tý niên, Chính nguyệt - Thập cửu nhật lập chí.

Dịch nghĩa:

Từng nghe! Đạo của Phật Tổ

cao vời, ơn Thầy tình nặng. Nếu không để lòng mộ thời sao nhớ truyền mãi. Nay Thích tử thinh thị với bản thôn tạo lập Bảo tháp để nêu tiếng thơm của Tổ.

[Vây có] Minh rằng! Thác tích Thái Bình Tiền Hải huyện nhà Chính xã Đông Thành Vốn dòng họ Nguyễn Nữ giới chăm học Khi lớn mộ Thiền Lúc đầu Lạc Quần Thụ giới Phúc Linh Khi hăm bảy tuổi Trì hạnh Bồ tát Sáng tao nên nhân Tiên linh nhận phúc Trụ tại Phúc long Đến 78 tuổi Dựng tháp di truyền Còn mãi .. Có sinh có thác Công đức lưu thơm Sáng cùng sông núi

Ngày 17 tháng Mười chính ky Nam mô Thành Quảng tháp -Tịnh Nghiệp Sa môn; Tỳ kheo Ni tự Phúc Lộc Bồ tát - Thiền tọa hạ. Ngày 19 tháng Giêng năm Canh Tý, kính ghi (1960)".

Như vậy, qua các Văn bia, Tháp mộ, Khoa cúng Tổ hiện còn ở chùa Quảng Công cho thấy, đây là ngôi chùa lớn ở huyên Yên Mô giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thể kỷ XX. Thiên phái Tào Động truyền từ trung tâm Bích Động (Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình) đến chùa Quảng Công và từ chùa Quảng Công truyền đi nhiều chùa khác trong địa phương, thậm chí các tỉnh lân cận. Sự phát triển của chùa Quảng Công giai đoạn thể kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cũng nói lên sự ảnh hưởng của phái Tào Đông trong Phât giáo Yên Mô là khá mạnh.

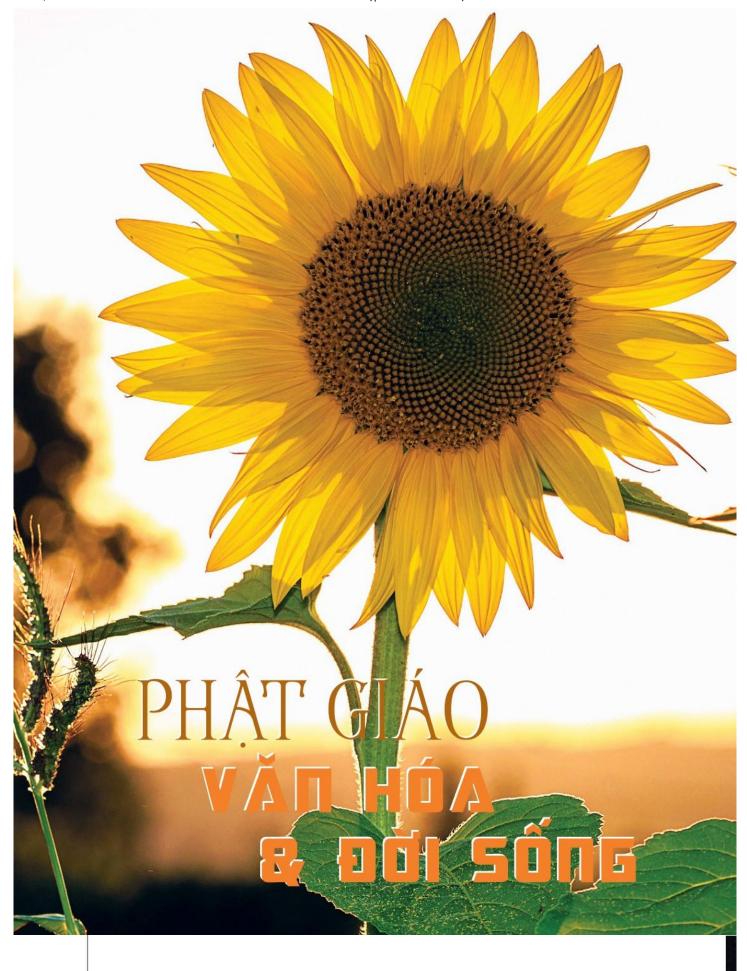
Chú thích:

- * Tiến sĩ Đinh Văn Viễn Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
- Đảng bộ xã Yên Thái (2012), Lịch sử Đảng bộ xã Yên Thái (1947-2010), tr.9.
- [2] Dương Thị The (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế ki XIX (các tinh từ Nghệ tĩnh trở ra)*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.119.
- [3] Đảng bộ xã Yên Thái (2012), *Sđd*, tr.7.
- [4] Thích tử: Con của phật, đây chỉ chung các đệ tử tín đồ Phật giáo.
- [5] Thiện lợi hóa thân: Lâu nay về chùa được nghe giải thích chữ "Thiện Lợi" là pháp danh của Thiền sư nhưng đây là thuật ngữ của Phật giáo nói chung ý chỉ việc người tu hành nhận ra thiện căn tính Phật của bản thân; bản thân là biến thân của Phật, Bồ tát giáo hóa, cứu tế chúng sinh.
- [6] Quận Vũ Tiên (郡武仙); Từ trước nước ta không đặt quận làm đơn vị hành chính, chỉ có huyện và Phủ. Vũ Tiên là huyện trực lệ của phủ Kiến Xương, sau này hợp với huyện Thư Trì thành huyện Vũ Thư.
- [7] Thanh Liên (清蓮): Loài sen sạch ở bùn mà không nhiễm bần, ý nói Đạo Phật. Cùng cõi Sa Bà không nhiễm khổ. [8] Kỳ Đà (奇佗) là vị Thái tử, con vua Ba-tư-nặc ở thành Xá Vệ. Ông có cảnh vườn rất đẹp ở thành Xá Vệ, kinh đô nước Câu Thát La. Trưởng giả Cấp cô Độc đã mua vườn ấy của Thái tử và đem cúng dường Phật và Tăng chúng để làm Tịnh xá (tức là chùa). Nhưng Thái tử chỉ bán đất không bán cây trong vườn, Thái tử cúng dường Phật và Tăng chúng. Vì vậy, mà trong Kinh Phật thường có câu "Kỳ thụ, Cấp Cô Độc viên" (vườn ông Cấp Cô Độc, cây của Thái tử Kỳ Đà). Ở đây, hiểu là công đức của Sư sánh với công đức của Kỳ Đà Thái tử khi cúng dường, tôn tạo cảnh Phật.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Khoa cúng Tổ chùa Quảng Công.
- Thượng tọa Thích Thọ Lạc, Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Phú Lợi (2017), Lịch sử Phật giáo Ninh Bình, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- 3. Văn bia, Tháp mộ tại chùa Quảng Công (5 bia tháp).
- Văn bia Bảo Đại nguyên niên (tại chùa Quảng Công).
- 5. Văn bia Quảng Công xã Phúc Long tự bi chí (niên đại 1925) (tại chùa Phúc Long).

62 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021



DUÂT CIÁO

VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

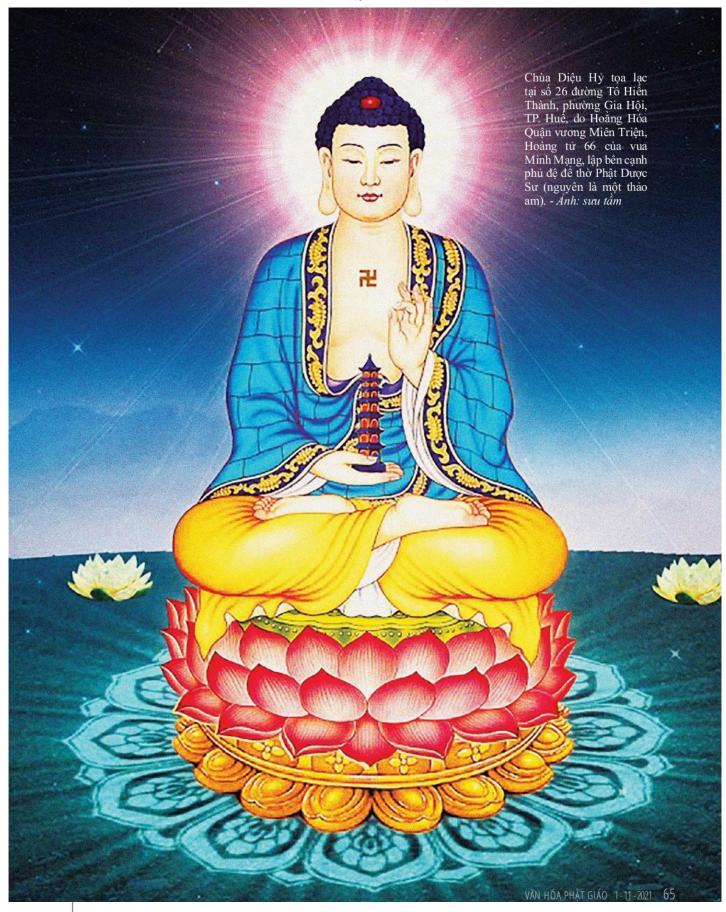
Vài nét về CHUA CHUA DÎÇÎN

và Hoằng Hóa Quận vương Miên Triện: Một ông Hoàng mến mộ Phật pháp



Nguyễn Văn Cương*

64 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021



PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



Huế ngoài là thủ phủ Đàng Trong các đời chúa Nguyễn, đô thành trọng yếu của triều đại Tây Sơn và kinh đô vương triều Nguyễn thì còn là xứ sở Phật giáo. (Ánh: redsvn.net)

rong các đề tài về Di sản Hán Nôm văn bia chùa Huế hiện đã có công trình "Tuyến dịch văn bia chùa Huế" của nhà nghiên cứu Lê Nguyễn Lưu được Tạp chí Nghiên cứu & Phát triển Thừa Thiên Huế ấn hành (NC&PT, số 49,50, 2005), gồm 45 bài văn bia thuộc 22 ngôi cổ tự xứ Thuận Hóa. Một công trình khác là "Văn bia và văn chuông Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế" của nhà nghiên cứu Trần Đại Vinh giới thiêu thêm 8 bài văn bia chùa làng. Phải nói rằng, đây là những công trình mang tính chất giới thiệu, dịch thuật văn bản học, giúp cho độc giả hiểu thêm về các giá tri di sản văn hóa và lịch sử hình thành các ngôi chùa cổ tại Huế thể hiện trên hệ thống văn bia chữ Hán-Nôm, như: chùa Từ Hiếu, Thiên Mu, Ba

La Mật, Linh Quang, Diệu Đế, Tường Vân, Thuyền Tôn, Trúc Lâm, Thánh Duyên... và một số chùa làng như chùa Trường Xuân, Tuệ Vũ, Sơn Tùng, Thanh Lương... Tuy nhiên, về bài "Diệu Hỷ bia ký" mà chúng tôi sẽ giới thiệu dưới đây thì cả hai công trình trên đều chưa thấy đề cập. Vì vậy, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được giới thiệu nội dung toàn văn bài ký bia chùa Diệu Hỷ, một ngôi chùa khá đặc biệt do chính chủ nhân vốn là một Thân vương hoàng tộc lập ngay trong phủ đệ của mình. Đó là Hoằng Hóa Quận vương Nguyễn Phúc Miên Triện.

VÀI NÉT VỀ CHÙA DIỆU HỶ

Chùa Diệu Hỷ tọa lạc tại số 26 đường Tô Hiến Thành, phường Gia Hội, TP. Huế, do Hoằng Hóa Quận vương Miên Triện, Hoàng tử 66 của vua Minh Mạng, lập bên canh phủ để để thờ Phât Dược Sư (nguyên là một thảo am), chùa không rõ thời gian xây dựng nhưng khoảng giữa thế kỷ XIX. Ngày 19/7/1883, vua Tư Đức băng hà, triều đình trải qua cuộc biến thời "tứ nguyệt tam vương", trong bốn tháng lần lượt các vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc liên tiếp bị phế lập do sư thao túng của hai quyền thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Biến cố này đã gây chấn động lớn đối với giới hoàng tộc, thậm chí cả Tuy Lý Vương Miên Trinh cùng một số hoàng thân khác phải đem gia quyển chạy đến chỗ phái viên Pháp đóng ở Thuận An ẩn náu. "Hoằng Hóa công Miên Triện, Hải Ninh Quận

66 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021



Diệu Hỷ bia ký

công Miên Tằng cũng sợ hãi đi mất" [1]. Chùa bi bỏ hoang, pháp tượng, pháp khí đem gửi ở chùa Ba La Mật. Năm 1927, người cháu thừa tự [2] của ngài Hoằng Hóa là Tham tri Ưng Bàng, pháp danh Thanh Cát cùng phu nhân là Nguyễn Khoa Diệu Xuyến, pháp danh Trừng Tú trùng tu lai chùa, thình pháp tượng, pháp khí về và nhờ sư Viên Thành viết bài Diệu Hỷ tư ký ghi lai quá trình nguyên ủy thành lập, ý nghĩa tên gọi, trùng tu và công lao tiền nhân, thể hiện sự thành kính, lòng mộ đạo của vợ chồng cư sĩ Phật giáo Ưng Bàng cùng phu nhân Diệu Xuyến; ngoài ra còn có một nữ đạo hữu họ Nguyễn, pháp danh Thanh An đã chung sức đúc tượng và pháp khí, tôn trí tượng thờ, góp phần khôi phục lại chùa. Đê tử của Viên Thành là Trí Giải, Trí Thủ nối tiếp trụ trì, đến năm 1947 giao cho Ni bộ, Sư bà Chơn Hiền nhân nhiệm vụ quản lý cho đến nay. Chùa Diệu Hỷ còn có bức tranh chân dung Hoằng Hóa Quận vương do một họa sĩ Pháp vẽ năm 1891 khi Vương đi sứ sang Pháp [3] và bộ Trí Thủ văn

tập, do các đệ tử của Hòa thượng Thích Trí Thủ sưu tập lại thành bộ hai cuốn dày, khổ giấy lớn. Trí Thủ Văn Tập hiện được tàng bản tại chùa Diệu Hỷ; cũng không thấy san hành để phổ biến.[4]

Khuôn viên chùa rộng khoảng 2.500m². Công vào hình vòng cung, mở một cửa, biển ngạch đề chữ Quốc ngữ "Chùa Diệu Hỷ". Lối đi ở giữa, hai bên vườn có non bộ, hoa cảnh, cây cối. Chính điện một gian hai chái, rầm thượng kiểu cổ, trông rất giản dị. Mái lợp ngói liệt. Hành lang chạy dài bao quanh, diện tích chừng 50 m2. Đằng sau là một nhà làm thư viện dài 7 mét, rộng 5 mét; bên trái có một dãy nhà Tăng và một phòng khách. Nội thất bài trí thờ tư đơn sơ, lấy Phât Thích Ca làm chính. Bức hoành thời Bảo Đại đề "Diệu Hỷ Tự".

NỘI DUNG BÀI VĂN BIA CHÙA DIỆU HỶ [5]

妙喜碑記

妙喜寺者,兵部參知兼攝尊人府 左尊卿蒙峰膺大人,法名清吉 並貴夫人阮科氏,法名澄繡同一

發心重興此寺,以光先德之所建 也.昔先王弘化郡王約亭大尊伯 以陳思之文章,兼東平之樂善, 雅慕玄風,仰崇佛化闢梁苑中地 -凈菴為曰妙喜按華嚴經有 妙喜世界蓋其所取義也.鑄造藥 師琉璃光如來寶像虔奉于其中, 香油鼎燭焚修瞻拜者歷有年所 既.念茫茫塵海,華屋山邱,萬物 有情歸於等盡.於是舉諸佛像法 器而托于波羅密寺之先大師覺 靈,謂獲其所無復顧慮,何其縹 渺冥漠之頃華其繼者有人焉,起 而營理之修整之使衹園似藍紺 宇重新,旛影珠光儼然一梵王寶 剎也.肹悶宮之伊邇,魚山梵唄依 稀,回粉署以逶遲,鹿苑天華燦 爛.(衲)辰或下山留謁睹此,軒簷 嚴麗,棟宇嵯峨,欄楣週圍,竹樹 茂密、公每與談斯寺之、緣起而囑 (衲)為記之.(衲)忝預尊親道契 相識,素深敢不隨善應教.夫!惟: 仙源積慶,無慚燕翼貽謀,梵宇重 營,豈減布金買地.此則建寺之功 德,奉佛之精虔,(衲)於公無間然 也.戶部屏南阮相公所謂公能繼 志述事.於戲!前王不忘信不誣 矣.公宿植德.本主帝王家現宰官 身,為眾生說法而夫人亦錦屏之 人,夙根通慧,貞靜幽嫻,有樛木 關雎之德.惟日香爐經卷以凈土 為皈心.當此,榮貴芬華而克持素 志,非但修因慕果而瓜豆之理.必 然,積善之慶,永世子孫,必獲善 感尚有持也.公每興作佛事,夫人 同一意喜,婉娩相助,為理于以成 此大觀.當梵宇初成,願欲得阿 彌陀佛寶像一尊坐,蓮華臺金漆, 相好以安于斯寺,俾瞻仰者得福 而尚未克遂適.有夫人道伴阮氏 法名清安,詣寺瞻拜,發誠懇心, 願依式雕造奉供,乃自乂安省亦 古寺購求名木,選諸北城造像巧 手,閱半載而始完,恭迎尊置三日 禮懺道場.酬其夙願皆夢劫勝緣 也.今而後登斯寺者一瞻一禮如 入華藏之玄門,悟毘盧之性海,其 功德豈可思量者哉.伏願金瓶永 奠,天家衍慶於無窮,寶座長明,

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 67

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG 天地群歸于有象,是為記. 皇朝保大三年戊辰浴佛誕日 密山楂菴主圓成謹撰

Dịch nghĩa: Bài ký bia chùa Diệu Hỷ

Chùa Diệu Hỷ, do Binh bộ Tham tri kiệm nhiếp Tôn Nhân phủ tả tôn khanh Mông Phong Ưng đại nhân, pháp danh Thanh Cát cùng quý phu nhân họ Nguyễn Khoa, pháp danh Trừng Tú cùng đồng tâm trùng tu chùa này, để làm sáng tỏ cái đức dựng xây đời trước. Xưa bác là tiên vương Hoằng Hóa Ước Đình vốn có tài văn chương như Tào Thực [6]. mến điều thiện tựa Đông Bình [7] hâm mô Thiền môn, tôn sùng Phật pháp, cho nên mới chọn chỗ đất tốt cao ráo trong vườn, xây một tịnh am, gọi là "Diệu Hỷ". dựa vào câu "thế giới Diệu Hỷ" [8] trong Kinh Hoa Nghiêm [9] để lấy nghĩa mà đặt làm tên vậy! Đúc tạo tượng Phật Như Lai Duoc Str Ltru Ly Quang [10] thành kính đặt thờ phụng bên trong, khói hương, dầu, lư, đèn, nhang cho việc tu tập lễ bái cũng nhiều năm lắm rồi. Vốn ngẫm; trời biển mênh mang, núi gò thành bãi, vạn vật hữu tình, hư vô hết thảy; thế nên mới đem các đồ pháp khí, tượng Phật gửi cho tiên Đại sư Giác Linh [11] chùa Ba La Mật, không lo xa như thế, sau này cuộc đời nổi trôi mờ mit ai biết ra sao. Khi có người kế tục được, bắt đầu dựng xây chỉnh lý lai khiến cho chốn Kỳ Viên khôi phục lại cảnh ven nguyên tựa già lam cổ kính, ngọc ánh tinh kỳ, hệt y một tòa phạm vương bảo sát [12] vây. Thấp thỏm u cung [13] đã gần kể, ngọn Ngư sơn [14] còn phảng phất lời kệ kinh, quay về chốn quan [15] nên châm rãi, bởi vườn Nai [16] rực rỡ bóng trời

hoa. Tôi [17] mỗi khi xuống núi có đến bái phỏng nơi này (chùa Diệu Hỷ), thấy hiện thêm nghiêm (trang) tráng (lệ), rường mái nguy nga, cột xà đầy đặn, trúc thu um tùm, ông thường cùng tôi nói chuyên về ngôi chùa, nhân đó có ý muốn tôi viết đôi lời; kẻ hèn này với bậc tôn thân (hoàng tộc) nhờ đồng đạo mà được biết nhau, nên từ trong sâu thẳm không dám vui vẻ nhận lời. Ôi! Dòng Tiên chứa phúc, chẳng then mưu tính chắp thêm lông, cánh vì cháu con, trùng tu chùa miếu, đâu dám bớt vàng để trải đẩy sân [18], vậy nên cái công đức trùng tu chùa và lòng thành khẩn kính Phật giữa tôi và ông chẳng có gì khác nhau. Ngài Hộ bộ Bình Nam Nguyễn Tướng công [19] bảo rằng ông có thể kế thừa sự nghiệp. Ô hô! Tiên vương vốn dĩ không quên điều tín, chẳng dám dối lừa vậy, (đến đời) ông cũng gieo đức nghiệp, thân làm quan lớn thuộc dòng vương giả triều vua ta, vì chúng sanh truyền Phật pháp mà phu nhân cũng là bậc lang trung khuê nữ [20], vốn dĩ thông minh, tuệ mẫn, kín đáo, nhã nhặn, có cái đức của Cù Mộc - Quan Thư [21]. Duy chỉ ngày đêm đốt lò hương đọc kinh kệ, một lòng hướng về cõi Tịnh Độ. Đương thời (phu nhân) thân phân vinh hoa quyền quý nhưng vẫn giữ gìn phẩm hạnh trắng trong, không những gieo nhân trồng quả mà còn hiểu lẽ gieo gặt đậu dưa [22]. Tất nhiên, chứa tích phúc lành, truyền mãi cháu con, không những thu hái được những điều tốt đẹp mà còn được phù hộ độ trì nữa vậy. Ông mỗi khi làm Phật sự, phu nhân đều vui vẻ đồng lòng, giúp đỡ chu đáo, nhờ đó mà chốn ấy trở nên bề thế. Khi vừa hoàn thành xong việc dựng chùa, mong làm một tòa tượng Phật A Di Đà ngồi trên một đài Liên Hoa sơn son thếp vàng đẹp để để đặt vào ngôi chùa (Diệu Hỷ) này. Khiến cho người đến chiêm bái nương được cõi phúc, nhưng vẫn chưa được toai nguyên. Vừa hay một vi đạo hữu của phu nhân, họ Nguyễn, pháp danh Thanh An đến chùa chiêm bái, phát tâm thành khẩn, theo đúng cách thức để tạc (tượng Phật) phụng cúng, bèn từ một ngôi chùa cổ ở Nghệ An tìm mua gỗ tốt, tuyển thợ chạm tay nghề khéo ở Bắc thành làm. Trải qua nửa năm mới làm xong, mở lễ sám đạo tràng ba ngày ba đêm để cúng rước, nhằm đền đáp công lao phò trợ đêm ngày, sao cho mọi ước mong cầu nguyện đều thành duyên lành đươm mãi. Chúng sinh từ hôm nay và mai sau đến chùa này để lễ bái sẽ được vào chốn "huyền môn" của Hoa Tạng [23] ngộ được "tính hải" của Tỳ Lur [24]. Cái công đức (xây chùa, tạo tượng) ấy há có thể đo đếm được sao. Kính mong! Bình vàng dâng lễ, thiên đình trải phúc mãi vô cùng; tòa báu sáng lòa, trời đất xoay vần trong vạn tượng, cho nên làm bài ký vây!

Ngày Phật Đản (mùng 8 tháng 4), năm Mậu Thìn, Niên hiệu Hoàng triều Bảo Đại năm thứ 3 (1928). Viên Thành - Trụ trì chùa Mật Sơn (Tra Am cũ) cẩn soạn.

ĐÔI NÉT VỀ HOẬNG HÓA QUẬN VƯƠNG - MIỆN TRIỆN

Hoằng Hóa Quận vương - Nguyễn Phúc Miên Triện (1833-1905), ông là con trai thứ 66 của vua Minh Mạng và bà Tài nhân Trần Thị Thanh. Ông sinh ngày 03/6 năm Quý Tỵ (19/7/1833), thưở nhỏ thông minh ham học, được phong Triệu Phong Quân công và



lập phủ riêng năm 1850, đổi phong Quỳnh Quốc công năm 1878, rồi Hoằng Hóa công năm 1883, cuối năm ấy do mắc lỗi [25], bị giáng Hoằng Hóa Hương công, đến cuối năm sau mới được khôi phục tước Quận công. Năm 1889, vua Thành Thái cử ông sung Sứ đoàn sang Pháp, khi về phong dần đến Hoằng Hóa Quận vương. Ngoài tài năng trong việc giải quyết các vấn đề nội chính, Miên Triện còn được biết đến tài thơ văn, ông tự Quân Công, hiệu là Ước Đình. Ông tham gia Mạc Vân thi xã do anh ông là Tùng Thiện Vương Miên Thẩm thành lập (1819-1870). Tác phẩm của Vương nay còn "Ước Đình thi sao" gồm 240 bài thơ gồm thơ đề vinh, hoa, tăng và tả cảnh trên đường đi sứ sang Pháp trước và sau năm 1889.

Ông mất ngày 04 tháng 4 năm Ất Ty. (7/5/1905); tẩm ở làng Dương Xuân Thượng, huyện Hương Thủy (nay phường Thủy Xuân, TP. Huế).

Thay lời kết

Huế ngoài là thủ phủ Đàng Trong các đời chúa Nguyễn, đô thành trong yếu của triều đại Tây Sơn và kinh đô vương triều Nguyễn thì còn là xứ sở Phật giáo. Phật giáo Huế không những phát triển theo chiều sâu, nơi hội tụ của các truyền thống Phât giáo Việt Nam như Trúc Lâm Yên Tử, Thiền Tào Đông, Thiền Lâm Tế... mà còn "phát triển theo bề mặt, tức là việc trùng kiến, trùng hưng và xây dựng chùa tháp, đúc chuông, tô tượng. Hệ luận của công việc này là trong Phật giáo xứ Huế đã hình thành cả một hệ thống chùa chiền rộng lớn" [26]. Trong công trình "Lịch sử Phật giáo xứ Huế" của hai tác giả Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm có chia "hệ thống chùa Huế từ thời 1802 - 1885 này có thể làm ba loại: Quốc tự gọi nôm na là chùa Vua; Tổ đình hay chùa Tổ, do một vị Thiền sư khai sơn và lập nên; sau cùng là chùa dân"

[27]. Tuy vậy, chùa Diệu Hỷ được thành lập trong trường hợp khá đặc biệt là tọa lạc ngay trong khuôn viên phủ Hoằng Hóa do chính chủ nhân là ông Hoàng Miên Triện lập, xuất phát điểm từ một thảo am, sau đó được thế hệ sau trùng tu lai thành chùa, đó là một điểm đặc biệt. Chúng tôi từng tham khảo thêm ý kiến của Tiến sĩ Trần Văn Dũng, một người từng có nhiều năm nghiên cứu về hệ thống phủ đệ Huế, thì theo đó còn có một loại hình chùa mới, đó là "chùa phủ đệ". Đây là một vấn đề thú vị; ngõ hầu làm sáng tỏ thêm tinh thần Phật pháp xứ Huế đã thấm nhuần ngay cả chốn hoàng gia, điển hình là Hoằng Hóa Quân vương Miên Triện, một Thân vương hoàng tộc mến mộ Đạo Phật và cho lập bàn thờ Phật ngay trong chính gian giữa phủ đệ của mình, đồng thời xây một thảo am thờ Phật Dược Sư trong khuôn viên phủ đã minh chứng điều đó.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 69



- * Nguyên Văn Cương, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao TP. Huế.
- [1] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lực, tập 8, NXB Giáo Dục, 2007, tr.610.
 [2] Hoằng Hóa Quận vương Miên Triện không có con trai nên lấy cháu là Hồng Du (con của Thọ Xuân vương Miên Định) làm thừa tự, đổi tên Hồng Hậu. Ông có hai người con gái, một là Công nữ Ủy Đào, hai là Công nữ Đồng Canh, tự Quý Lương, hiệu Đạm Phương Sử Nữ, lấy Nguyễn Khoa Tùng, sinh ra Nguyễn Khoa Văn (nhà văn cách mang Hải Triều).
- [3] Nguyễn Đắc Xuân (2011), Nghiên cứu Triều Nguyễn & Huế xưa, tập 1, NXB Thuận Hóa, tr.661.
- [4] Thích Hải Ấn Hà Xuân Liêm (2006), Lịch sử Phật giáo xứ Huế, NXB Văn hóa Sài Gòn, tr.768.
- [5] Chúng tôi xin chân thành cảm ơn TS. Trần Văn Dũng, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian TT Huế đã cung cấp, hỗ trợ tư liệu và ảnh "*bài ký chùa Diệu Hý*". Chân thành cảm tạ nhà nghiên cứu Lê Minh Khiêm đã góp ý, giúp đỡ chúng tôi hoàn thiện bản dịch bài văn bia trên.
- [6] Nguyên văn là Trần Tư: Tào Thực (曹植, 192 232), tự Tử Kiến (子建), con trai Tào Tháo, giỏi thơ phú và là nhà thơ lớn đời Ngụy, khi mất, ông được ban thụy là Tư (思), vì vậy đời sau gọi ông là Trần Tư Vương (陳思王).
- [7] Đông Bình: Tức Đông Bình Vương, con thứ tám của vua Quang Vũ đời Đông Hán. Vốn nổi tiếng là người hiểu thiện. Vua cha thường ngày hỏi ông trị gia thế nào là hạnh phúc nhất. Ông đáp: "Thiện tối lạc".
- [8] Thế giới Diệu Hỷ: là cõi nước của sự vui vẻ kỳ diệu.
- [9] Kinh Hoa Nghiêm: là một bộ Kinh Đại thừa, lập giáo lý căn bản của Hoa Nghiêm tông. Kinh nhấn mạnh đến tính "vô ngại" của mọi hiện tượng và chủ trương rằng tâm con người chính là vũ trụ và đồng thể với tâm Phật. Nội dung siêu việt tuyệt luân hùng vĩ, tráng lệ nguy nga, thể hiện pháp thân, tư tưởng và tâm nguyện của Phật.
- [10] Phật Dược Sư (藥師佛), còn gọi là Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật (藥師琉璃光佛), là vị Phật đại diện cho sự trọn vẹn của Phật quả ngự cõi phía Đông (là cõi Tịnh Lưu ly). Tranh tượng của vị Phật này hay được vẽ với tay trái cầm thuốc chữa bệnh và tay phải giữ Ấn thí nguyện.
- [11] Tức sư Viên Giác: Nguyễn Khoa Luận (1834 - 1900), hiệu Đàm Trai, pháp danh Thanh Chân, pháp hiệu Viên

Hóa, triều đình Huê thất bại, phải chịu đê Pháp đô hộ. Khi nghe tin vua Hàm Nghi ra chiến khu Hà Tĩnh và ban chiếu (hay hịch) Cần Vương, ông hưởng ứng, chuẩn bị thành trì, súng đạn, nhưng việc thất bại, ông xin treo ấn từ quan. Pháp nghi ngờ theo dõi, ông bực mình đi đường núi vào dần đến Quảng Ngãi, lại ra Huế, ẩn tích trong các chùa, rồi cắt tóc quy y với hòa thượng Hải Thiệu chùa Từ Hiếu. Phu nhân là Thanh Trất Từ Thiện thấy ông lênh đênh nay chùa này mai chùa nọ, bèn bỏ tiền riêng và quyên góp bà con, dựng ngôi chùa Ba La Mật để Sư tu hành.

- [12] Phạm vương bảo sát: chỉ chùa chiền, danh lam cổ tự.
- [13] Nguyên văn muộn cung (悶宮): theo thiển ý của chúng tôi ám chỉ chốn cung cấm u uất.
- [14] Ngư sơn: Tên một ngọn núi ở huyện Đông A, Trung Quốc. Tương truyền nhân hình thế núi như vảy cá nên đặt là Ngư sơn, trên đinh núi có lập một miếu gọi là "Ngư cô miếu" và một ngôi chùa là chùa Ngư Sơn. Thời Đường, Thi Phật Vương Duy từng đến đây sáng tác bải Ngư sơn thần nữ ca từ (魚山神女歌祠).
- [15] Nguyên văn phấn thự, tức nhà quan. Bài "Thu nhật Quỳ phủ vịnh hoài phụng ký Trịnh giám, Lý tân khách nhất bách vận" của Đỗ Phủ có câu: Vụ vũ ngân chương sáp霧雨銀章澀/Hinh hương phấn thự nghiên響香粉署妍. Nghĩa: Mưa mù làm mờ đại bạc/Hương thơm làm đẹp nhà quan.
- [16] Lộc Uyển: Vườn Lộc Giả Samath còn gọi là vườn nai nơi Đức Phật giảng pháp lần đầu tiên cho anh em Kiểu Trần Như. và cũng là nơi Tăng Giả Phật Giáo ra đời xuyên qua sự giác ngộ của Kondanna (Kiểu Trần Như) vị đệ tử cao niên nhất trong năm vị, thấu triệt Giáo Pháp và đắc Quả Tu Đà Hoàn, tầng đầu tiên trong bốn tầng Thánh. Sarnath tọa lạc 13km về phía đông bắc của thành Varanasi. Sarnath được Đức Phật đề cập là một trong bốn thánh tích hành hương. [17] Tức sư Viên Thành: Sư nguyên là công tôn Hoài Trấp (1879-1928), kế thế trú trì chùa Ba La Mật, em con chú của bà Thanh Trất, thuộc phòng Định Viễn Quận vương. Là một nhà thơ, Viên Thành đã biến chùa Ba La Mật thành một chùa thơ từ ngoài đến trong. Đến năm 1923, sư Viên Thành lên lập riêng chùa Tra Am, giao chùa Ba La Mật lại cho dòng họ Nguyễn Khoa quản lý.
- [18] Nguyên văn: bố kim mãi địa, tích khi Đức Phật ở Ma Kiệt Đà, Cấp Cô Độc - một

Phật thuyết pháp, ông thâu hiểu và vui lòng quy y, bèn mời Phật đến thành Xá Vệ cứu độ chúng sinh. Ông muốn mua khu vườn đẹp nhất của Thái tử Kỳ Đà, con vua Ba Tư Nặc nước Câu Tát Na ở thành Xá Vệ, thường gọi là Kỳ Đà Viên hay Kỳ Viên, để cúng cho Phật làm Tịnh Xá; Thái tử Kỳ Đà ra điều kiện phải trải vàng trên mặt đất, trải đủ đến đâu bán đến đó. Ông trải vàng khắp vườn, trừ các gốc cây. Thái tử bằng lòng, bèn bán vườn, còn cây thì vẫn thuộc về mình, nhưng cũng cúng cho Phật luôn, kể cả những rẻo đất còn lại, nên người ta gọi là Kỳ Đà Thụ Cấp Cô Độc Viên (gọi tắc là Kỳ Viên).

[19] Tức Nguyễn Khoa Tân (1870-1938): Con trai Đại sư Viên Giác, đỗ Cử nhân năm 1894, làm quan đến Thượng thư Bộ Hộ, Hiệp tá Đại học sĩ sung Cơ Mật Viện đại thần, góp nhiều công lao vào việc sáng lập Hội Phật học Trung Kỳ.

[20] Ý chỉ thân phận nữ nhi nhưng đảm đương được trọng trách lớn lao, bậc nữ trung hào kiệt.

[21] Cù Mộc, Quan Thư: hai thiên trong Kinh Thi. Cù Mộc là thiên Nam hữu cù mộc trong thơ Chu Nam phần Quốc phong, khen bà Hậu phi như cây gỗ lớn, các bà thiếp nương nhờ như dây sắn, dây bìm leo quanh; Quan Thư cũng thuộc vào thơ Chu Nam, phần Quốc phong, khen người con gái hiền thực là đối tượng cầu mong của người quân tử.

[22] Lẽ gieo gặt đậu dưa, nguyên văn là "qua đậu chi lí", đây là câu ngạn ngữ cổ, ý nghĩa "trồng đậu thì được đậu, trồng dưa thì hái dưa", tựa như luật nhân quả, gieo nhân nào thì gặt quả đó.

[23] Huyền môn của Hoa tạng: Hoa Tạng giới tức Liên Hoa tạng giới, cỗi có sự báo ứng kỳ diệu, cỗi tịnh độ của báo thân chư Phật, toàn do hoa sen báu tạo thành, cũng như Cực Lạc giới.

[24] Tính hải của Tỳ Lư: pháp thân của đức Phật Đại Nhật Như Lai tức Tỳ Lư Già Na sâu rộng như biển. Tên vị này được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm, có trí tuệ bao trùm cả các Phật, kể cả Như Lai.

[25] Lỗi này chính là thời tứ Nguyệt tam vương, triều đình bị thao túng bởi hai quyền thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường, mà Miên Triện sợ bị lụy phải ẩn náu một thời gian. Khi trở lại triều, ông bị giáng chức và lưu đày.

[26] Thích Hải Ấn - Hà Xuân Liêm (2006), *S.đ.d*, tr.326.

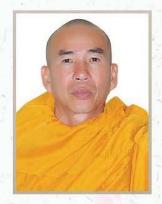
[27] Thích Hải Ấn - Hà Xuân Liêm (2006), S.đ.d, tr.327.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tính Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đồng.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiếm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của

mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.





Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn

Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.



Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: TT. Thích Giác Tấn.
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn





DANH TƯỚNG TRẦN NHÂN TRỬ

và Di tích văn hóa - lịch sử Đình - Chùa Đô Quan

Đỗ Minh Nghĩa*



HÀNH TRANG VÀ SỰ NGHIỆP DANH TƯỚNG TRÂN NHẬN TRỬ

Cụm di tích đình - chùa Đô Quan tọa lạc ở thôn Am Bình, xã Yên Khang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Vốn thời Lý - Trần, nơi đây thuộc phường Quán Đổ, huyện Kim Xuyên; thời Hậu Lê thuộc huyện Vọng Doanh, phủ Nghĩa Hưng [1]; thời Nguyễn thuộc xã Đô Quan, tổng Thượng Đồng, huyện Phong Doanh, phân phủ Nghĩa Hưng.

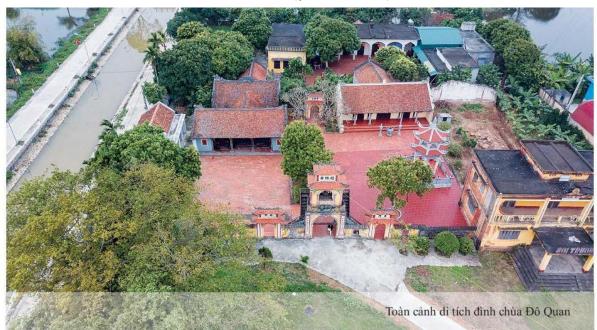
Ngọc phả [2] hiện còn lưu giữ tại di tích cho biết vào cuối thời Lý, có ông Trần Vạn Niên là người từ phương Bắc về đây dựng nghiệp. Con trai trưởng ông Niên là Nhân Trứ, sinh ngày mùng 10 tháng 2 năm Tân Tỵ (1220). Trần Nhân Trứ là người am hiểu binh pháp, giởi võ nghệ và có sức khoẻ hơn người nên khi triều đình tuyển chọn nhân tài, ông được vua Trần Thái Tông ban chức Thượng đô túc vệ. Niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 10 (1241), vua Trần tin dùng phong cho chức Thân Vệ Đại Tướng quân. Năm sau, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 11 (1242), Ông được cử đi trấn thủ vùng biên giới phía Bắc. Qua hàng chục năm giữ yên biên cương cho Tổ quốc, Ông lại có lệnh về triều. Năm Bảo Phù thứ 5 (1277), Ông phò tá vua Trần Thánh Tông đánh dẹp giặc ở động Nẫm Bà La (nay thuộc Quảng Bình) [3].

Trong kháng chiến chống Nguyên - Mông, Trần Nhân Trứ đã góp phần cùng các tướng lĩnh bố phòng, tổ chức kháng chiến tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Ông đã cùng Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn đánh địch ở cửa Đại Bàng (nay thuộc Thái Bình), góp sức làm nên chiến thắng lừng lẫy nơi đây. Trải qua nhiều năm làm quan dưới triều Trần, Trần Nhân Trứ đã có công lớn giữ gìn biên cương, thống lĩnh đội quân túc vệ giữ yên kinh thành, đánh giặc ngoại xâm và trừ nội loạn.

Năm Hưng Long thứ 7 (1299), Thượng hoàng Trần Nhân Tông lên Yên Tử tu hành, Trần Nhân Trứ xin cáo quan về phường Quán Đổ, đồng thời mở mang điền địa, làm cầu đá [4], xây dựng phủ đệ. Thời gian ở quê hương, Trần Nhân Trứ còn cho xây dựng chùa để gia đình và nhân dân có nơi lễ bái. Tượng pháp

72 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021







VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 73

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

và đồ thờ của ngôi chùa cũ do thân phụ Ông xây dựng còn đơn sơ hoặc bị hư hỏng, Ông đã bỏ tiền thuê thợ về sơn thếp lại, đồng thời cho làm thêm tượng Phật.

thừa chính sứ Nguyễn Từ Loa và Thiền sư Quách Nhẫn về làm chay, cầu cho ông được siêu thoát. Vua Trần còn phong cho ông làm Phúc thần và ban cho

được tiễu trừ giặc giã). Khi thắng trận trở về, Lê Thánh Tông sai quan về phong sắc "Nhập nội chiều thảo thượng đẳng tôn linh Đại vương" và cho đổi tên Quán

Đổ thành Đô Quan.

gian giữa Tiền tế:

ở trời Nam).

Hiện nay, bài vị thờ Trần Nhân

Trứ được đặt trong khám thờ tòa

Hậu cung. Tại đình vẫn còn nhiều

câu đối đại tự được sơn son thếp

vàng rưc rỡ với nôi dung ca ngơi

công lao giúp nước giúp dân của

ông, trong đó có đôi câu đối ở

"Đại tướng phù Trần, trung nghĩa

Trung thần cứu quốc, anh hùng

(Đại tướng giúp nhà Trần, một

lòng với vua đánh giặc Nguyên. Là bậc trung thần giúp nước,

nghìn năm nêu gương anh hùng

nhất tâm bình Nguyên khấu.

vạn cổ chấn Nam thiên".

Tuy công trình, tượng pháp của ngôi chùa thời Trần không còn, nhưng hiện vẫn còn bảo lưu một bệ đá hoa sen đặt tại tòa Thượng điện chùa Đô Quan.

Sách "Tân biên Nam Đinh tỉnh địa dư chí lược" có ghi chép như sau: "Xã Đô Quan tổng Thượng Đồng, có đền thờ thân vệ tướng quân Trần Nhân Trứ thời Trần. Xã này trước có tên là phường Quán Đổ, đền thờ nguyên sơ bằng đá, có đồ thờ bằng đá, tượng đá. Tương truyền thời Minh sang xâm lấn nước ta, chúng chất củi và thuốc súng phá đền, nay chỉ còn có bê đá hoa sen và đôi cây đèn đá. Xã này khi xưa có nghề đực đá song đều do thợ đá An Hoạch dạy cả, hiện nay có họ Hoàng là gốc ở An Hoạch ở lại" [5].

Trần Nhân Trứ mất năm 93 tuổi, vua Trần Minh Tông biết tin sai xã Dương Đường 36 mẫu ruộng để làm đền và tạc bia. Theo sự tích lập làng Đô Quan, tấm bia thời Trần này đã bị mài hết chữ và hoa văn để làm phi tang việc cấp ruộng hương hoả ở đây [6]; hiện bia đang đặt ở vườn cây phía trước di tích. Căn cứ trên thư tịch và di vật, có thể thấy đình và chùa Đô Quan vốn nằm trên đất của đền thờ Trần Nhân Trứ, có niên đai từ thế kỷ XIV.

DI TÍCH VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐÌNH-CHÙA ĐÔ QUAN

Niên hiệu Hồng Đức thứ nhất (1470), vua Lê Thánh Tông cùng đoàn quân dừng chân gần khu vực đền thờ. Đêm đó, nhà vua mơ thấy một vị tướng dâng thanh kiếm giúp vua đi trừ giặc. Lúc tinh giấc, vua sai quan Bồi tụng Nguyễn Phục Tựu vào đền tạ lễ, lại phong cho là "Nhập nội chiêu thảo" (Vị quan được gần vua và

Bên cạnh tài năng quân sự, Trần Nhân Trứ còn có biệt tài đánh đàn và chơi cờ nên người đời tôn ông là "đàn tiên, cờ trạng". Tương truyền, Trần Nhân Trứ từng đánh cờ với Trần Ích Tắc, Ích Tắc thua nên gán đất đồng Mía, đồng Cà, đồng Cồn cho Nhân Trứ. Dân gian trong vùng bởi vậy có câu: "Lẫm vàng chùa Cóc, lẫm thóc Đô Quan". Nhân dân Đô Quan rất tự hào về Ông và để ghi nhận tài gảy đàn của ông, nên từ dòng sông, cánh đồng, chiếc cầu qua sông ở đây đều được đặt là Cầm (đàn) như sông Cầm, cầu Cầm, cánh mả Cầm để kỷ niệm một thời Trần Nhân Trứ đối với quê hương.

Truyền thuyết địa phương không chỉ ghi nhận công lao làm bệ đá thờ Phật từ thời Trần của Ông, mà còn tôn Ông là người khởi



Trang trí Kim Sí Điều ở góc thân bệ đá.

74 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021





Sắc phong niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 44 (1783)

xướng nghề đục đá cho dân Đô Quan có nghề cổ truyền. Nghề đục và chạm khắc đá đã đưa đời sống nhân dân ngày càng cải thiện. Chính vì vậy, tại đình và chùa Đô Quan còn một số đồ thờ như hương án, bát hương cũng được làm bằng đá, với sự gia công nghệ thuật điêu khắc công phu, tài nghệ. Tiếc rằng, nghề đá ở đây đã thất truyền từ vài chục năm trước.

Theo lời kể của các cụ cao niên trong làng thì di tích được các triều đại ban cấp nhiều sắc phong, nhưng do những biến thiên lịch sử mà phần lớn đã bị thất lạc, hư hỏng; đến nay chỉ còn ba đạo sắc: một đạo sắc niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 28 (1767), một đạo sắc niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783) và một đạo sắc niên hiệu Chiêu Thống thứ nhất (1787).

Trước đây đình Đô Quan và chùa Đô Quan nằm trên khoảng đất rộng, xung quanh là vườn

ổi. Nay diện tích đình, chùa nằm cạnh Ủy ban nhân dân xã, chiếc ao nhỏ trước cửa đình xưa có thuỷ đình để diễn múa rối nước, nay trở thành một vườn cây râm rap. Khuôn viên đình trước kia được bao bọc bởi tường bao, với cổng có hai cột đồng trụ đều bằng đá chạm khắc hoa văn rồng phượng. Năm 1965, những thành phần kiến trúc này chuyển dời để phục vụ cho việc xây dựng nghĩa trang liệt sĩ. Tại nghĩa trang liệt sĩ vẫn còn thấy đôi rồng đá được người dân cho biết là thành bậc của ngôi đình xưa.

Cho tới nay, chưa có bằng chứng về khảo cổ học nào cho chúng ta biết về mặt bằng kiến trúc ngôi đền cũ cũng như quá trình chuyển đổi công năng thành đình diễn ra vào khoảng thời gian nào. Dựa vào phong cách nghệ thuật của chân tảng hoa sen và những chạm khắc còn lại ở Hậu cung đình Đô Quan mới chỉ cho phép chúng ta khẳng định ngôi đình

này được xây dựng muộn nhất vào khoảng thế kỷ XVII. Trong khi đó, chùa Đô Quan ngày nay chỉ là công trình xây mới hoàn toàn vào đầu thế kỷ XXI.

Lối chính đi vào đình ngày nay thực tế là Tam quan gác chuông của chùa, qua cửa phía Tây là một khoảng sân nhỏ, hoàn thành vào năm 2002, lát gach đỏ kích thước 0,3m x 0,3m theo mạch chữ Công. Kiến trúc đình chia làm ba cấp nền, cao dần từ ngoài vào trong. Trên ba cấp nền này, là bốn công trình kiến trúc gồm: Tiền tế và Ông muống ở cấp nền thứ nhất, Đại bái ở cấp nền thứ hai và Hậu cung ở cấp nền thứ ba, được dựng vào những niên đại khác nhau. Mặt bằng tổng thể hiện nay theo kiểu "tiền công hậu nhất".

Dựa trên những mảng chạm khắc ở đình Đô Quan cho thấy di tích đã qua nhiều lần tu sửa. Tòa Tiền tế này có niên đại khá muộn, trên thượng lương gian giữa có ghi:

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 75

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



Chạm khắc ở vì mái Hậu cung mang phong cách vào nghệ thuật thế kỷ 17



"Long Phi Ất Hợi mạnh Đông nguyệt cát nhật, lương thìn thụ trụ thượng lương đồng hợp tu tạo cung tiến", nghĩa là: rồng bay, ngày tốt tháng đầu mùa Đông (tháng 10 Âm lịch) năm Ất Hợi, dựng thượng lương. Dựa theo phong cách chạm khắc, niên đại Long Phi Ất Hợi này có thể là năm 1925.

Thượng lương tòa ống muống có niên đại rõ ràng hơn, đó là "Duy Tân lục niên Nhâm Tý mạnh đông nguyêt cát nhất trùng tu chính ngư đệ nhị toà" (ngày tốt tháng đầu mùa đông năm Nhâm Tý, niên hiệu Duy Tân thứ 6 (1912) sửa lại tòa đệ nhị). Ở tòa Đại bái, niên đại được ghi trên da câu đầu hai bên của gian giữa. Trên câu đầu bên phải ghi: "Tự Đức lục niên Quý Sửu thập nhị nguyệt nhật đồng xã tu tạo" và trên câu đầu bên trái ghi: "Tự Đức lục niên Quý Sửu thập nhị nguyệt cát nhật lương thời thụ trụ thượng lương". Thông tin này cho biết công trình được trùng tu vào năm 1853.

Cuối cùng là tòa Hậu cung, mặc dù không có niên đại chính xác, nhưng còn bảo lưu được cả những mảng chạm mang phong cách nghệ thuật vào thế kỷ XVII, ở vì nóc trước và cột cái cũng như giữa thế thế kỷ XIX ở hai vì nóc sau. Điều này cho thấy theo thời gian đình được trùng tu và mở rộng thêm về phía trước.

Như vậy, dựa vào những giá trị quý giá về lịch sử, văn hóa, cụm di tích đình - chùa Đô Quan cần tiếp tục nhân được sư quan tâm hơn nữa của các cấp, các ngành và người dân địa phương. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, quá trình tu bổ nên có sư tham gia góp ý của các nhà khoa học, các cơ quan chuyên môn để tránh xảy ra việc sơn công nghiệp PU lên các mảng chạm như đã xảy ra ở Hâu cung và hương án cách đây vài năm. Trước mắt, ban quản lý di tích và chính quyển địa phương cần chú ý những hư hỏng ở phần khung gỗ và lên phương án tu bổ, để tránh hư hỏng nặng và đảm bảo công trình được an toàn.

Chú thích:

*Đỗ Minh Nghĩa, Viện Bảo tồn Di tích -Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

[1] Phủ Nghĩa Hưng gồm bốn huyện: Đại An, Vọng Doanh, Thiên Bản, và Ý Yên. Tham khảo Phan Huy Chú - Viện Sử học (dịch) (1960), Lịch triều hiến chương loại chi, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, tr.81-83).

[2] Ngọc phả hiện còn lưu giữ tại đình được viết bởi Giám sát Ngự Sử Ngô Duy Tú năm Vĩnh Tộ thứ 2 (1620), dịch và chép lại bởi cụ Cao Vạn Lý.

[3] Tham khảo "Đình, chùa Đô Quan", Báo Nam Định, truy cập 10/2021, từ http://baonamdinh.com. vn/channel/5093/201405/nam-dinh-manh-dat-con-nguoi-dinh-chua-do-quan-2328613/.

[4] Dựng cầu đá kiểu "thượng gia hạ kiểu" ở xã Thứ Mễ, đến thời Cảnh Hưng, Vũ Huy Trác cho phá đi.

[5] Khiếu Năng Tĩnh (Dương Văn Vượng dịch), *Tân biên Nam Định tinh địa dư chi lược*, Phòng Địa chí - Thư mục thư viện tinh Nam Định chinh lý, chế bản, tr. 144.
[6] Truyền thuyết địa phương cho việc mài bia là do dân Dương Đường đã làm để chiếm 36 mẫu ruộng. Về sau dân xã này bị mắc bệnh hủi. Dương Đường bị xóa tên nay chỉ còn lại địa danh là cánh đồng Dương Đường mà thôi.

Tài liệu tham khảo:

 Vũ Thị Hằng (2010), Nghệ thuật chạm khắc gỗ đình Đô Quan (Ý Yên - Nam Định), Khóa luận tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật Việt Nam.

 Khiếu Năng Tĩnh (Dương Văn Vượng dịch), Tân biên Nam Định tinh địa dư chi lược, Phòng Địa chí - Thư mục thư viện tinh Nam Định chinh lý, chế bản.

3. Lý lịch di tích lịch sử - văn hóa đình và chùa Đô Quan (lưu trữ tại di tích).

4. Tinh ủy - HĐND - UBND tinh Nam Định (2003), *Địa chi Nam Định*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

76 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021





PHẬT GIÁO KHOA HỌC & TRIẾT LÝ









qua sông

ĐĐ. Thích Tịnh Nghiêm*

ọc pháp là công việc quan trong của người con Phât nếu muốn đạt được mục đích tối hâu của sư giải thoát. Chúng ta có thể chọn lựa việc học pháp thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Gia giáo - thầy truyền cho trò, tham gia các cơ sở giáo dục đào tạo, hoặc qua thực tiễn đời sống... Tất cả đều phụ thuộc vào sự cân nhắc, tính toán của mỗi người. Tuy nhiên, quan trọng nhất của việc học pháp là phải có thái độ chân chính, biết ứng dụng pháp học ấy có hiệu quả vào đời sống tu tập để đạt được an lạc, giải thoát ngay trong hiện tại.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: "Ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp" [1].

Tạm dịch: "Pháp ta nói ra dụ như chiếc bè, pháp còn nên xả huống gì là phi pháp".

Nghĩa là, những pháp do Phật nói ra cần được hiểu như một phương tiện, giống như chiếc bè có thể đưa người qua sông. Chúng ta có thể nương vào pháp mà nắm lấy những lợi ích của nó để vượt qua những con sóng phiền não, vượt qua khổ đau và đến được bờ giải thoát.

Từ pháp có nhiều nghĩa, nhưng trong lời dạy trên, pháp có thể hiểu là giáo lý, những gì Phật đã dạy. Ngược lại, phi pháp là những gì không phải do Phật nói hay trái với giáo lý Phật đã nói, đưa đến dục vọng, si mê, sân hận, tà kiến. Đối với người học Phật, chúng ta cần phải hiểu rõ ba khía cạnh liên quan đến pháp học mà Đức Phật đã truyền dạy.

CHÚC NĂNG CỦA PHÁP

Pháp là phương tiện, ta nương vào đó tu tập để đạt đến sự giải thoát. Pháp không phải là cứu

PHẬT GIÁO KHOA HỌC & TRIẾT LÝ

Trong Kinh Kim Cang, Đức

Phật dạy: "Ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng

ưng xả hà huống phi pháp";

tạm dịch: "Pháp ta nói ra dụ

huống gì là phi pháp".

như chiếc bè, pháp còn nên xả







Trong mối quan hệ giao tiếp, đôi lúc ta cần im lặng để lắng nghe, để hiểu được người nói, tuỳ cơ ứng đáp cho thích hợp.



Quan trọng nhất của việc học pháp là phải có thái độ chân chính, biết ứng dụng pháp học ấy có hiệu quả vào đời sống tu tập để đạt được an lạc, giải thoát ngay trong hiện tại.

cánh; pháp giống như chiếc bè đưa ta qua sông, khi qua được sông ta không nên dính vào đó mà trở thành chấp pháp, chấp văn tự. Không nên khư khư giữ pháp như đội chiếc bè trên đầu hay vác nó trên vai, mà phải biết đặt nó xuống đất hoặc thả trôi sông, rồi đi đến nơi ta cần đến. Vì pháp hay các khái niệm, các suy tưởng thuộc kiến, văn, giác, tri đều là vọng thức, nếu bám chấp vào đó thì ta không thể giải thoát.

Đức Phật ví pháp như chiếc bè nhằm nhấn mạnh đến mục đích của sự tu tập là giải thoát, giác tỉnh đi vào trí tuệ chứ không phải là cung cấp kiến thức về con đường giải thoát để luận bàn. Lại nữa, pháp cũng giống như "ngón tay chỉ trăng", theo hướng ngón tay để thấy ánh trăng, chứ không phải nhìn vào ngón tay mà có được ánh sáng của mặt trăng đó.

Trong quá trình tu tập, tùy theo từng giai đoạn, từng vấn để đang vướng mắc, ta có thể nương vào pháp để vượt qua mà không bám lấy pháp như là một sở đắc. Khi đã vượt qua những vướng mắc đó, ta có thể buông bỏ, chuyển sang thực hành pháp khác một cách phù hợp.

CÁCH THỨC SỬ DỤNG PHÁP

Trong Kinh Xà Dụ (Trung Bộ Kinh số 22), Đức Phật có nói đến người biết cách sử dụng pháp, giống như người biết cách bắt rắn; phải biết quán sát bằng trí tuê [2].

Mỗi pháp tu có một tác dụng riêng, cần phải được sử dụng và buông bỏ đúng lúc. Sử dụng pháp không đúng cách, không đúng lúc, giống như cầm đuôi rắn. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể và người đó có thể do nhân việc ấy mà chết hay đau khổ gần như chết. Sử dụng pháp không đúng cách, chấp thủ các pháp cũng làm ta khổ đau; pháp nếu biết sử dụng đúng cách, như bắt rắn mà nắm đầu rắn, ta có thể dùng nó

giải quyết những khổ đau của bản thân mà không bị tác dụng phụ.

MUC ĐÍCH CỦA HỌC PHÁP

Ta học pháp là để ra khỏi khổ đau, để đoạn trừ tham ái, chấp thủ, vô minh, chứ không phải nắm giữ để tranh luân, chỉ trích, hí luân hay để dùng vào các mục tiêu lơi dưỡng, cũng không phải để phô diễn hay làm đẹp tự thân. Những điều này đã được Đức Phật bác bỏ trong Kinh Ba-lê (Kinh Trường Bô, số 24) khi Sunakkhatta cho rằng Đức Phật nói pháp nhằm chứng được các pháp thượng nhân, thần thông, hay giải thích về khởi nguyên của thế giới... Đức Phật khẳng định: "Mục đích mà Ta thuyết giáng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau" [3].

Do vậy, pháp là hướng đến tu tập giải thoát, đạt được tỉnh giác, đi vào trí tuệ, chứ không phải cung cấp kiến thức về con đường giải thoát. Cũng thế, trong *Kinh Tiễn Dụ* (Trung A-Hàm số 221), Đức Phật đã khẳng định Ngài không







Ta học pháp là để ra khỏi khổ đau, để đoạn trừ tham ái, chấp thủ, vô minh, chứ không phải nắm giữ để tranh luận, chỉ trích, hí luận hay để dùng vào các mục tiêu lợi dưỡng, cũng không phải để phô diễn hay làm đẹp tự thân.

quan tâm và không trả lời các vấn đề thuộc hí luận, không liên hệ đến mục đích của đời sống phạm hạnh [4].

Vì suy cho cùng, dù quan điểm có như thế nào, vấn đề sanh, lão, bệnh, tử vẫn chưa được giải quyết. Do đó, Đức Như Lai xác đinh: "Chư Tỳ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ" [5]. Trong Kinh Kim Cang, muc đích học pháp cũng được nhắc đến, chính là buông bỏ chấp thủ, kể cả pháp mà chúng ta từng học. Cho nên, trong kinh nói rằng: "Tu-bồđề! Ông chớ cho Như Lai có nghĩ rằng: Ta có nói pháp. Ông chớ nghĩ như vậy. Bởi vì sao? Vì nếu người nào nói rằng: Như Lai có nói pháp, tức là chê ta, không hiểu được lời nói của Ta nói. Tu-bồ-đề! Nói pháp là không có pháp gì nói được, ấy gọi là nói pháp" [6].

Điều đó, không có nghĩa Đức Phật không nói gì. Qua đây, ta thấy Đức Phật nói pháp nhằm giúp ta tinh giác rời khỏi các ngôn ngữ khái niệm của lời dạy (giáo lý) để đi vào đoạn trừ ái, thủ. Vấn đề chính yếu, do đó là giải thoát, là *chứng ngộ thực tại*.

IM LẠNG LÀ PHÁP HỌC CẦN THIẾT

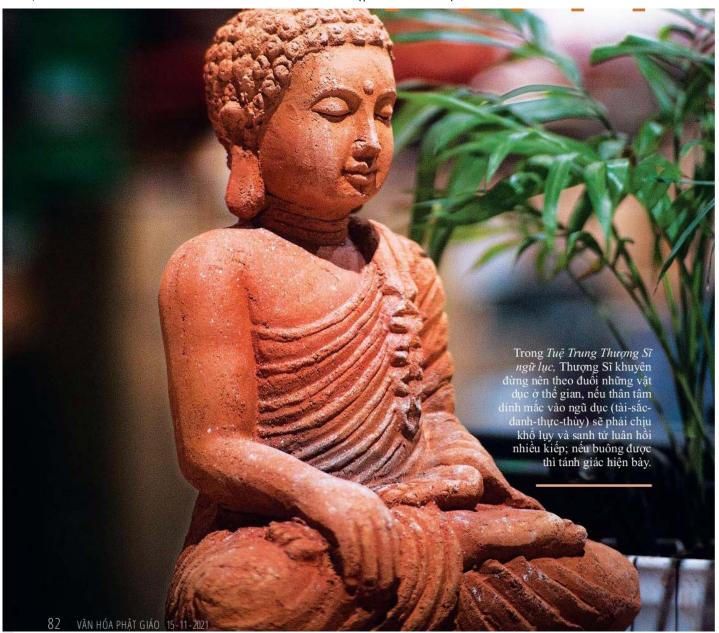
Trong mối quan hệ giao tiếp, đôi lúc ta cần im lặng để lắng nghe, để hiểu được người nói, tuỳ cơ ứng đáp cho thích hợp. Hoặc biết rằng, ta có nói ra nhưng không đem lai ích gì cho cả đôi bên thì sự cần im lặng cũng rất có giá trị. Nên tránh việc "thể hiện", "phô diễn" kiến thức. Đức Phật ngày xưa chỉ nói cái người nghe cần, để giác ngô, giải thoát, chứ không hí luận. Thế nên, khi có ai hỏi, Ngài đều tùy căn cơ mà khai thị. Đôi lúc có người hỏi nhưng Ngài chỉ giữ im lặng, vì biết rằng nói ra chỉ tạo hiểu lầm vô ích. Đó là bài hoc cho chúng ta noi theo.

Người mới học pháp với nhiều sở tri, sở kiến còn nặng sách vở, thiết nghĩ ta nên dành nhiều thời gian dụng công để suy tư, trải nghiệm về những gì đã học. Chúng ta hãy nỗ lực thực hành để có thể mang lại lọi ích cho tự thân hơn là làm vật trang trí, bám chấp vào đó nhằm chứng tỏ rằng ta là người có hiểu biết. Thực hành pháp đúng cách, đúng lúc, nói năng đúng thời chính là những gì mà Đức Phật đã nhiều lần căn dặn!

Chú thích:

- * Tỷ kheo Thích Tịnh Nghiêm Cử nhân Triết học Phật giáo, chùa Huệ Nghiêm (TP. Hồ Chí Minh).
- [1] Thích Huệ Hưng (dịch), Kinh Kim Cang Giảng Lục, NXB. Hồng Đức, Hà Nôi, 2020, tr.66.
- [2] Thích Minh Châu (dịch), Kinh Trung Bộ 1, 22. Kinh Ví Dụ Con Rắn, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.177.
- [3] Thích Minh Châu (dịch), Kinh Trường Bộ 2, 24. Kinh Ba Lê, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr.272.
- [4] HT. Thích Tuệ Sỹ (dịch), Kinh Trung A-Hàm Tập 2, 221. Kinh Tiễn Dụ, NXB. Tôn Giáo, Hà Nôi, 2008, tr.638,
- [5] Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung* Bộ 1, 22. Kinh Ví Dụ Con Rắn, NXB.Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.185.
- [6] Thích Huệ Hưng (dịch), Kinh Kim Cang Giảng Lục, NXB. Hồng Đức, Hà Nôi, 2020, tr.174.

PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ





một số đặc sắc tinh thần Thiền học của Tuệ Trung Thượng Sĩ qua Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục

SC. Thích Nữ Viên Giác*

Tóm tắt

Tư tưởng thiền học của Tuệ Trung Thượng Sĩ thời Trần gắn liền với quan điểm bất nhị, kiến tánh, phá chấp. Tuệ Trung thông rõ, trong bản thể các pháp trần chỉ là huyễn, nên không bị kẹt dính vào bất cứ thứ gì trên thế gian; thấy rõ trong chân như không có sư khác biệt giữa phảm thánh, Phật và chúng sanh, sanh tử và Niết bàn, phiền não và Bồ đề. Cho nên Tuệ Trung tự tại giữa sống chết thịnh suy, tùy duyên thuận pháp nhập thế hành Bồ tát đạo trên hình tướng cư sĩ. Tư tưởng thiền học của Tuệ Trung không câu nệ ở giáo điều sách vở, là tinh thần thiền tông phá chấp, cũng là tinh thần Đại thừa hư không diệu hữu. Vì thế, trong tu tập, hành thiền và phụng sự quốc gia dân tộc, Thượng Sĩ không bám

víu vào những thuật ngữ, khái niệm, tướng hữu vi thế gian định sẵn mà sống với thái độ hòa quang đồng trần, cư trần lạc đạo, tự tại, dung hợp uyển chuyển, đề cao sự giác ngộ của tâm thức.

Dẫn nhập

Tuệ Trung Thượng Sĩ là một nhà thiền học, nhà Phật học, nhà triết học, nhà chính trị, nhà lãnh đạo; đồng thời là Thiền sư có bản lĩnh, vững chãi, tự tại, siêu xuất dưới thời Trần. Tư tưởng thiền học của Tuệ Trung gắn với quan điểm bất nhị, kiến tánh, phá chấp. Cuộc đời và hành trạng của Tuệ Trung Thượng Sĩ cho thấy, ngài là một trong số những bậc long tượng của Phật giáo thời Trần cũng như Phật giáo Việt Nam, đại diện tiêu biểu cho hình ảnh người cư sĩ có tín

tâm kiên cố, hoằng truyền chánh pháp, hộ trì Tam bảo. Tuệ Trung đã góp phần làm cho Phật giáo Việt Nam có sắc thái riêng so với Phật giáo Trung Quốc, có sự sáng tạo, đóng góp lớn vào lịch sử phát triển tư tưởng và văn hoá dân tộc.

1. VÀI NÉT VỀ TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ VÀ TÁC PHẨM TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ NGỮ LỤC

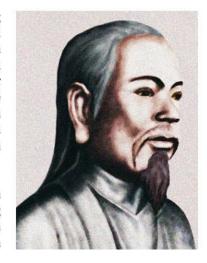
Tiểu sử Tuệ Trung Thượng Sĩ được vua Trần Nhân Tông viết khá rõ trong *Thượng Sĩ hành trạng*, tờ 35a5-40a2. Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291), tên khác là Trần Tung, con trai thứ nhất của An Sinh vương Trần Liễu, anh cả của Hoàng Thái hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. Tuệ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 83

PHẬT GIÁO KHOA HỌC & TRIẾT LÝ

Trung giữ vị trí quan trọng trong dòng tộc họ Trần, có nhiều mối quan hệ với các vua Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông. Vua Thánh Tông tôn Tuệ Trung là sư huynh và gửi con mình cho Tuệ Trung Thượng Sĩ dạy bảo. Sau này, Trần Nhân Tông đã thừa hưởng rất nhiều những công hạnh quý báu từ thầy Tuệ Trung.

Trong các cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên, Tuệ Trung là một vị tướng tài. Khi thời bình đến, ông còn tỏ rõ kiến thức uyên



được lưu giữ. Bài *Phật tâm ca* rất nổi tiếng, nói lên quan điểm "Phật tại tâm", kế thừa tư tưởng thiền học trước đó và đặt nền móng cho các tư tưởng thiền học của Thiền phái Trúc Lâm sau này. *Thể ca* thường xuất hiện trong thơ của các thiền gia. Hiện chỉ còn hai bản là *Phật tâm ca* của Tuệ Trung viết bằng chữ Hán và *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca* của vua Trần Nhân Tông viết bằng chữ Nôm. *Phật tâm ca* của Tuệ Trung gồm 12 khổ, 55 câu. Mỗi khổ là một bài thơ tứ tuyệt thất ngôn xen

thâm trên nhiều lĩnh vực với phong thái xuất trần của một vị Thiền sư đắc pháp. Tuệ Trung được vua phong chức Tiết độ sứ tại Thái Bình, phong ấp ở Tịnh Bang, dựng Dưỡng Chân Trang. Thời gian từ chốn quan trường về ở ẩn, Thượng Sĩ tiếp tục nghiên cứu Phật học, thiền tông, thể nhập thiền lý; tiếp tục cố vấn hiến kế cho triều đình ổn định và phát triển đất nước.

Các sáng tác, trước thuật của Tuệ Trung Thương Sĩ cơ bản được tập họp trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục, nằm trong Trần triều dật tồn Phật điển lục - bộ Phật điển của nhà Trần ghi lại nhiều vấn đề quan trọng liên hệ đến Tuệ Trung Thương Sĩ ngữ luc và Tam Tổ thực lục. Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục có vị trí quan trọng, mở đường cho Thiền phái Trúc Lâm. Theo Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang, Tuê Trung Thương Sĩ ngữ lục do Pháp Loa biên tập, Trần Nhân Tông khảo đính và Đỗ Khắc Chung là người đề bạt. Sách gồm bốn phần: Đối cơ, Cử Công án, Thi tung, Thượng Sĩ hành trạng (do Trần Nhân Tông viết và một số bài kệ tụng của các vị đệ tử).



Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291), tên khác là Trần Tung, con trai thứ nhất của An Sinh vương Trần Liễu, anh cả của Hoàng Thái hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. (Ánh: thuvienhoasen.org)

Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi lại nhiều cuộc tham vấn thiền giữa các hành giả với nhiều chủ đề khác nhau, thầy trò tự ngầm hiểu mà đắc pháp; phô bày tư tưởng thiền học qua các bài kệ tụng, điển cố, công án; nhiều bài thơ nghệ thuật đặc sắc chuyển tải thiền lý, tràn ngập ẩn dụ, hình tượng và tính thẩm mĩ; góp phân làm phong phú văn học Phật giáo thời Trần; vì "văn học Phật giáo góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc" [7, tr.222]. Nhắc đến văn học Lý-Trần không thể bỏ qua vị trí của thơ thiền trong thơ văn của Thiền phái Trúc Lâm. Trong đó, thi ca cũng là những bài thơ thể hiện sự chứng đắc về thiền tông của Tuệ Trung Thượng Sĩ; 49 bài thơ kệ của Tuệ Trung vẫn còn lục ngôn, hình thức nghệ thuật tự do phóng khoáng, đã truyền cảm hứng giải thoát cho người đọc, giúp khai mở tâm thức để bừng sáng tuệ giác, tiêu biểu cho văn học thiền tông Việt Nam. Có thể nói, *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục* là một tác phẩm trác tuyệt, triết lý uyên thâm, văn chương thanh thoát" [11, tr.6] như Thích Thanh Từ nhận xét; có ý nghĩa lớn cả về thiền học, văn học và sử học.

2. TINH THẦN DUNG HỢP, HÒA QUANG ĐỒNG TRẦN

Tinh thần dung hợp thể hiện ở sư thống nhất Tam giáo đồng nguyên (dung hợp Nho-Lão-Phật), lấy Phật học làm đầu, vượt qua nhị kiến đối đãi, bình đẳng trong tự tánh. "Sanh tử nhàn nhi dĩ" (sống chết là lẽ thường mà thôi) của Tuệ Trung mang hơi hướng Nho-Phật-Lão. Điều này cũng dễ hiểu khi đặt trong thời đại. Phật giáo nói: "Tức tâm tức Phật" (Phật tại tâm), Nho giáo lại nói: "Thiên Mệnh chi vị tính" (Tính ấy chính là Thiên Mệnh), Đạo giáo cho rằng: "Thiên địa dữ ngã tinh sinh, van vật dữ ngã vi nhất" (Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu). Có thể hiểu, thiền vừa là phương

4 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021

tiện tôn giáo, vừa là thái độ sống. Tuệ Trung "trên cơ sở bình đẳng vô sai biệt đối với vạn pháp của nhà Phật dễ dàng cởi bỏ những vướng mắc câu chấp, nhị nguyên và sống trọn vẹn với chân lý" [9, tr.8-9]. Nhờ dung hợp mà phát huy cao tinh thần nhập thế, hòa quang đồng trần. Vì tinh thần nhập thế chính là tinh thần Bồ tát hạnh, chủ trương dấn thân hòa mình vào cộng đồng; có được là do thể nhập vô ngã, hiểu rõ bản chất các pháp thể gian vốn vô phân biệt trong tự tánh. Tuệ Trung đã đắc pháp thiền nên có thể ung dung giữa đạo và

nhưng thơ trở nên diệu dụng như một pháp thiền trọn vẹn.

饑則飡兮和羅飯 困則眠兮何有鄉 興時吹兮無孔笛 靜處焚兮解脫香...

Đói thì ăn chừ, cơm bố thí Mệt thì ăn chừ, chốn không làng Lúc hứng thổi chừ, sáo không lỗ Nơi thanh tịnh đốt chừ, giải thoát hương...

(Phóng cuồng ngâm) [3, tr.304]

Nhờ dung hợp Tam giáo và các tín

nên, Thượng Sĩ đã khéo léo đem tư tưởng thiền học hòa vào Đạo giáo và Nho giáo; nhờ vậy mà tinh thần vô ngã, thể nhập được phát huy cao độ; tạo nên hình thức thiền phóng khoáng, tiêu dao, tự tại mà nội dung không thay đổi. Thượng Sĩ "trên cơ sở bình đẳng vô sai biệt đối với vạn pháp của nhà Phật dễ dàng cởi bỏ những vướng mắc câu chập, nhị nguyên và sống trọn vẹn với chân lý" [9, tr.8-9]. Do không câu nệ hình thức mà Phật giáo được ứng dụng siêu xuất vào cuộc đời, tùy duyên Hòa quang đồng trần đời, hài hòa thể nhập, vừa chuyên tu thiển vừa phụng sự nhân sinh, tự tại giữa thuận nghịch.

Thương Sĩ với tinh thần thiền tông phá chấp, không chấp vào khái niệm danh từ, đã phát huy tinh thần tùy tục mà nên từ thời Lý thành tư tưởng hòa quang đồng trần, tùy duyên bất biến. Đây cũng là tinh thần chung của thiền học thời Trần đã "kế thừa thiền tông thời Lý, dung hòa cả Thiền và Tịnh độ, cả đốn ngộ và tiệm ngộ; truyền đạo vừa bằng công án hiệm hóc vừa bằng sư diễn giảng tỏ rõ và chí thiết, phần nào đi ra ngoài truyền thống "vô ngôn" của Thiền. Tinh thần này mở đầu với Trần Thái Tông và được kể tiếp bởi Tuệ Trung" [13, tr.4]. Đây cũng là tư tưởng chính xuyên suốt toàn bộ tác phẩm văn học thiền của Tuệ Trung. Vì văn học là bức tranh phản ánh toàn bô cuộc sống hiện thực, tái hiện cảm xúc, tình cảm, tư tưởng của tác giả; thơ lại càng cô đong và hàm nghĩa hơn, hầu hết các Thiền sư đều có ít nhất một vài bài kê; nghê thuật ngôn từ của thơ là phương tiện để chuyển đạo; Thiền sư không cố tình làm thơ

ngưỡng bản địa, tiếp nhận "ảnh hưởng của Lão Trang và những tư tưởng đặc biệt, sáng suốt của dân tộc Việt Nam trong điều kiến sống riêng của mình" [13, tr.4], thiền học của Thượng Sĩ mang tinh thần nhập thế, hài hòa, tích cực, không gây đối kháng, tạo lục hòa giữa đại chúng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, nhờ vây mà tao nên sức manh tổng hợp trên mọi lĩnh vực. Thượng Sĩ "trở thành một nhà thiền học (...) biết "hòa quang đồng trần" đem lại ích lợi cho đời cho đạo" [10, tr.312]. Tinh thần Hòa quang đồng trần đã được Tuệ Trung đề cập nhiều trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ luc, ví dụ bài Phóng cuồng ngâm: "饑則飡兮 和羅飯 (Đói thì ăn chừ, cơm bố thi)/ 困則眠兮何有鄉 (Mệt thì ăn chù, chốn không làng)/ 興時 吹兮無孔笛 (Lúc hứng thổi chừ, sáo không lỗ)/ 靜處焚兮解脫 香 (Nơi thanh tịnh đốt chừ, giải thoát hương) [3, tr.304].

Tuệ Trung với đôi mắt thiền học, ngài tuệ quán được tầm quan trọng của sự dung hợp Nho-Phật-Đạo, bởi vì thể-tướng-dụng đều tron ven trong một bản thể. Cho giữa cõi đời sắc-không:

天地眺望兮何茫茫 杖策優遊兮方外方 或高高兮雲之山 或深深兮水之洋.

Trời đất liếc trông chừ sao mênh mang

Chống gậy rong chơi chừ ngoài cõi xa

Hoặc cao cao chừ mây đinh núi Hoặc sâu sâu chừ, nước trùng dương.

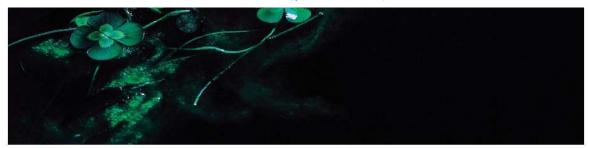
(Phóng cuồng ngâm) [3, tr.304]

Dung hợp không phải là cào bằng, đó chính là tinh thần thể nhập, bình đẳng tự tánh, vô phân biệt của thiền tông. "Điểm đáng chú ý là quan điểm nhận thức mang màu sắc chủ nghĩa tương đối đó đã không dẫn Tuệ Trung đến sự phủ định hư vô chủ nghĩa. Mà ngược lại, dường như nhờ nó, ông bỏ mọi ràng buộc trong nếp nghĩ cũng như trong nếp sống" [2, tr.240]; nhờ dung hợp mà giúp đạo giúp đời nhiều hơn, khiến tinh thần Phật học bất hai phổ quát trong quần chúng, tùy căn cơ mỗi người mà tiếp nhận. Cho nên, trong tinh thần

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 85

PHẬT GIÁO KHOA HOC & TRIẾT LÝ





dung hợp, Hòa quang đồng trần, Tuệ Trung phá chấp tướng; chỉ cho người học thấy nếu cứ ngồi tụng kinh, gõ mõ, niệm Phật mà không thể nhập Phật tánh thì không bao giờ giác ngộ được; nếu chấp vào hình thức sẽ tự trói buộc mình: "Ví gặp Cổ Đàm quen cóng lanh/ Tránh sao khỏi ngang hông một đạp" [2, tr.279]. Phật pháp tại thế gian không lìa thế gian mà giác ngộ và chính tư tưởng Hòa quang đồng trần đã ảnh hưởng đến thuyết Cư trần lạc đạo của Trần Nhân Tông. Tư tưởng "Hòa quang đồng trần" của Tuệ Trung phá chấp, "khác lạ", hấp dẫn, mang tính hài hòa, tự tại, phụng sự tích cực. Do đó, ở góc đô nhân thức luân, Tuê Trung vượt cả Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông.

2. TINH THẦN VÔ NGÃ, PHÁT TAI TÂM

Tư tưởng thiền học của Tuệ Trung là tinh thần thiền tông đốn ngô, kiến tánh, phá chấp, giúp con người nhanh chóng đạt đạo, phá bỏ nhị nguyên, khái niệm; không phụ thuộc vào kiến giải; giớiđịnh-tuệ tự tròn đầy trong bản thể chân như, tục để-chân để như hoa sen trong bùn, như sóng không lìa nước. Tuệ Trung thường dùng pháp Thoại đầu, Công án để khai thị, nhằm đánh thức trực giác người nghe, chỉ thẳng chân tâm. Như một hôm có vị tăng đến hỏi Tuệ Trung: "Thế nào là thanh tịnh pháp thân, Tuệ Trung trả lời: "Ra vào trong nước đái trâu/ Chui rúc giữa đồng phân ngưa" [2, tr.225]. Câu hỏi và trả lời chẳng ăn khớp của thiền là muốn người hỏi không nên dính mắc vào vọng tưởng và tư duy thông thường, chỉ bình yên nhìn các pháp vận động trong chân không diệu hữu "như nó đang là"; vì còn tìm cầu, còn hỏi là còn chưa thấy đạo, trong khi các pháp thế gian chỉ là tương đối.

Tuệ Trung không dính mắc thức tưởng hý luận, vì không giải quyết được con đường sanh tử; chỉ khi đắc pháp mới tự tại trong sanh tử. Cho nên, Tuệ Trung "không câu nệ ở giáo điều sách vở, biết đập vỡ thái độ khư khư bám víu vào những khái niệm có sẵn" [4, tr.54], quay về tìm lại tánh giác trong tự tâm. Thượng Sĩ không giải thích nhiều về Phật pháp, vì một niệm khởi lên cả chân như dậy sóng, trong khi bản

VĂN HÓA PHÂT GIÁO 15-11-2021

thể luôn hoàn hảo, chân như luôn thường còn, các pháp xưa nay chưa hề sinh diệt. Tuệ Trung nhờ sống trong tinh thần vô ngã, vô tru, kiến tánh nên tự tại tùy duyên bất biến trong công việc và các mối quan hệ, nhưng tất cả đều từ bi vô ngã. Với tinh thần vô ngã, Phật tại tâm, Thượng Sĩ khuyên day đệ tử không nên hướng ngoại tìm Phật, cần quay về nôi tâm làm sáng tánh giác ngay trên thân tứ đại này, "nếu muốn biết Phật của chính mình thì phải ngộ, ngộ là cần phải nhân ra ngay, không cần hỏi" [11, tr.189].

Bài thơ Dưỡng chân, Xuất trần,

dùng phương tiện quyền biến. Lúc đầu đến nước ta, thế không nương tựa, cầm cần câu không lưỡi mà bước vào Kinh đô, ăn xong phá bát thần cơ của Phật pháp. Ngài có ý tìm người tiếp tục Phật pháp mà vạch lối Thiền tông, giãi bày tám chữ "sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc" nghĩa là (sinh diệt diệt xong, Niết bàn là lac thú)" [12, tr.225]. Ouan điểm kiến tánh, Phật tại tâm, vô ngã chấp, Tuệ Trung đã kế thừa từ các vị tổ thiền tông: giác ngộ Phật tánh từ nơi thân ngũ uẩn (sắc-tho-tưởng-hành-thức). Phât pháp ở tại thế gian, lìa thế gian mà cầu đạo, chẳng khác nào tìm

tinh thần *Phật tại tâm*, vô ngã, vô chấp, Thượng Sĩ giúp mỗi người "hồi quang phản chiếu", quay lại tự hoàn thiện chính mình, biện tâm, sống trách nhiệm cho cuộc đời chung.

3. TINH THẦN VƯỢT NHỊ BIÊN, TỰ TẠI BÌNH YÊN

Tinh thần vượt qua nhị biên kiến chấp chính là tinh thần bất nhị, chỉ thẳng chân tâm kiến tánh thành Phật, nên có thể bình yên tự tại giữa bát phong cõi đời. Tuệ Trung Thượng Sĩ đắc pháp thiền nhất tông, một là tất cả, tất cả đều là một, một quy về không, chính là chân không diệu hữu, từ trong

Tuệ Trung khuyên không nên để cho trần cảnh làm mờ chân tâm, cần vượt qua chấp trước phân biệt, sống thể nhập hài hòa, không đối kháng, để tâm bình yên cho Phật tánh hiển lộ. Trong bài *Xuất Trần*, Thượng Sĩ viết:

曾微物慾役勞軀 擺濼塵囂世外遊 撒手那邊超佛祖 一回抖擻一回休.

Từng do vật dục khiến lao than Gạt bỏ trần duyên khiến nhẹ lâng Buông lỏng tay ra siêu Phật, Tổ Mỗi lần phần chấn lại lần khân.

(Xuất trần) [3, tr.437]

Tuệ Trung Thượng đã gửi đến thông điệp của thiền tông "Bất lập văn tự, trực chỉ chân tâm, kiến tính thành Phật"; vượt ngoài ngôn từ, nhấn mạnh tuệ giác vô phân biệt. Tư tưởng của Tuệ Trung vượt lên trên "nhị kiến".

Trong cuốn Lịch sử triết học phương Đông, tập 4 ghi rằng: "Đại đức Tiêu Dao thượng tổ, chỉ bảo cho biết sự thực, không sừng thỏ, lông rùa.

Tuệ Trung Thượng Sĩ khuyên: "nếu muốn biết Phật của chính mình thì phải ngô, ngô là cần phải nhận ra ngay, không cần hỏi" [11, tr. 189]. Đây là tinh thân kiến tánh, khi thấy Phật trong tâm sẽ tư có vô ngã. Tâm Phât và tâm chúng sinh không khác, do con người vọng tưởng điên đảo, khởi niêm phân biệt mà thành ra có sai khác; tất cả khổ đau của con người trong thế gian là do ngã chấp và pháp chấp. Cho nên, trong tinh thần thiền tông: "Thanh Văn ngồi thiền, ta không ngồi/ Bồ tát thuyết pháp, ta nói thực" [2, tr.275]. Tư tưởng Phật tại tâm, vô ngã, vô tru, bi-trí-dũng viên mãn, đã đáp ứng được vêu cầu và hoàn cảnh đất nước Đại Việt; nhấn mạnh tinh thần thiền tông chú trọng ở sư tư giác ngô của mỗi con người, vì ai cũng có Phật tánh. Như vậy, tinh thần thiền học của Tuệ Trung vẫn bám sát các nôi dung kinh điển mà Đức Phật tuyên thuyết: con người giả là thân ngũ uẩn, con người thất là bản thể chân như chưa bao giờ sinh diệt. Từ bản thể chân như các pháp thế gian ứng dụng hiện tướng siêu xuất. Vì vậy, trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục, Thượng Sĩ khuyên đừng nên theo đuổi những vật dục ở thế gian, nếu thân tâm dính mắc vào ngũ dục (tài-sắc-danh-thực-thùy) sẽ phải chiu khổ luy và sanh tử luân hồi nhiều kiếp; nếu buông được thì tánh giác hiện bày. "Buông" ở đây là tinh thần không tru chấp, bất nhị, vô phân biệt, là sự xả ngã. Đó là tinh thần buông trong tự tánh, nên các pháp hữu vi có mà như không, tùy duyên hiện tướng ứng đối cho hài hòa:

心之生兮生死生 心之 滅兮生死滅 生死元來自性空 此幻化身亦當滅.

Tâm mà sanh chừ sanh tử sanh Tâm mà diệt chừ sanh tử diệt. Sanh tử xưa nay tự tánh không Thân huyễn hóa này rồi sẽ diệt.

愚人顚倒怖生死 智者蓬觀閑而已.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 87

PHẬT GIÁO KHOA HỌC & TRIẾT LÝ

Kẻ ngu điên đảo sợ sống chết Người trí thấy suốt nhàn thôi vậy. (Sanh tử nhàn nhi dĩ) [3, tr.313]

Trong tinh thần *Bất nhị*, Thượng Sĩ bày tỏ quan điểm sống chết không thật có trong bản thể chân như; sinh tử Niết bàn là một, Thánh phàm đồng cư, phiền não là Bồ đề: "涅槃生死漫羅籠 (Niết bàn sanh tử chẳng buộc ràng)/煩惱菩提閑對敵 (Phiền não Bồ đề không đối nghịch) - *Phật tâm ca*" [3, tr.291-295]. Theo Tuệ Trung, các pháp hữu vi, địa ngục, thiên đường, phiền não, Bồ đề... đều từ tâm mà hiện khởi; vốn lưu xuất trong tự tánh Như Lai tạng, trong tánh Viên Giác mà châu biến. Bởi

涅槃生死漫羅籠 煩惱菩提閑對敵.

Niết bàn sanh tử chẳng buộc ràng Phiền não Bồ đề không đối nghịch.

(Phật tâm ca) [3, tr.291-295]

Tư tưởng bất nhị của Tuệ Trung gắn liền với tinh thần "có", "không", lia ngôn thuyết. Chứng tỏ Tuệ Trung không chỉ bị ảnh hưởng bởi Kinh Bát Nhã, Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Già mà còn tiếp nhận tư tưởng Kinh Duy Ma Cật và nhiều bộ kinh khác nữa. Theo Tuệ Trung, vượt qua nhị nguyên, thể nhập bất nhị sẽ chạm đến được chân không diệu hữu:

nhập thế của Tuệ Trung chẳng qua chỉ là cái quan niệm cho rằng, người tu hành có thể sống một cuộc đời trần tục, một cách tư do không hề bị ước thúc bởi một quy định nào của giới luật nhà chùa kể cả việc ăn chay, niệm Phật, trì giới nhẫn nhục và toạ thiền, vì họ thực hiện sự kiến tính thành Phật ngay trong cuộc sống trần tục" [2, tr.231]. Trong phảm thánh bất di, chủ trương phá chấp thể hiện rất rõ khi ranh giới nhi nguyên không còn, tất cả điều là huyễn, là không, như Trần Thái Tông cũng phát biểu: "Dụ quần mê chi phương tiện, minh sinh tử chi tiệp kính giả, ngã Phật chi đại giáo dã; nhậm thùy thế chi quyền

vậy, Thượng Sĩ sống an nhàn, tiêu diêu trước khối lượng công việc đồ sộ và trọng trách nặng nề trước vận mệnh đất nước.

Giới luật, theo Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng không nên quá khô cứng trong hình thức, ràng buộc trong ý thức chỉ làm mất đi sự tự tại của thiền, quan trong phải thấy ra thực tánh, phải có chánh kiến để quán chiếu các pháp đều là khô, vô thường, biến hoại, không có thực thể, tất cả đều do duyên giả tạo mà tạm có tạm không; cho nên Tuệ Trung Thượng Sĩ bình yên giữa được mất hơn thua, tư tại giữa các thăng trầm của đời sống thế tục nhị nguyên; vì hiểu được các pháp hữu vi không thật có, vốn nằm ngay trong bản thể chân như; Tuệ Trung khuyên nên cứ bình yên tùy duyên hiện tướng ứng hợp trong ngoài sựlý viên dung, đừng có chấp trước vào bất cứ tướng hữu vi vô thường duyên hợp nào; nhờ vây Thương Sĩ đã đưa thiền học nhập thế với cuộc đời, khiến Phật giáo ăn sâu bám rễ và phát triển trong đời sống thế tục, đáp ứng nhiều căn cơ.

"Một phen phất áo bước thong dong/Tháp chủ trừng trừng, giận chẳng xong/ Phật, Tổ rốt cùng đều chẳng lễ/ Ngọc ngân khe sớm, ánh thu trong" [2, tr.341]. Với tinh thần vượt nhị biên, bình yên, thiền học Tuê Trung cũng mang đậm triết lý Tánh Không của thiền tông, "Phật dữ chúng sinh đô nhất diện" (Phật với chúng sinh không khác) ("Thượng Sĩ ngữ lục" - Tuệ Trung Thương Sĩ) [14, tr.285]. Tuế Trung Thượng Sĩ phát biểu mê thì không thể nhận ra tánh giác, Phật tánh, trong khi Phât và chúng sanh không khác nhau. Tánh Không bắt nguồn từ duyên khởi, các duyên hòa hợp mà sanh khởi các pháp, các pháp vốn là Không. Trong bản thể, tất cả những gì lưu xuất bên ngoài cũng đều từ bản thể chân như mà ra, thực tướng vượt ngoài duyên sinh.

Tinh thần thiền của Tuệ Trung quan trọng hướng nội, xiển dương Phật ở trong tâm, giác ngộ đạt được ngay trong cuộc sống trần tục; chỉ cần sống một cách bình thường. "Cái gọi là tư tưởng

hoành, tác tương lai chi quỹ phạm giả, tiên thánh chỉ trọng trách dã" (Phương tiện dẫn dụ đám người mê muội, con đường tắt sáng tỏ lẽ tử sinh ấy là đại giáo của Đức Phật. Đặt mực thước cho hậu thể; làm khuôn mẫu cho tương lai, ấy là trách nhiệm của tiên thánh) [14, tr.26]. Vì vậy, tư tưởng chính yếu trong thiền phái Trúc Lâm không gì ngoài "Phật tâm": "Xưa nay không bần, sạch/ Pháp thân không vướng mắc/ Nào "trọc" với nào "thanh!" [2, tr.318]. Theo Tuệ Trung, "bẩn, sạch" là do con người quan niệm; đạo thì bắn - sạch là một; do mê chấp mà đối đãi phân biệt. Suy cho cùng, "sắc" và "không" chỉ là những ảo giác, do tâm vong và nhi kiến mà ra:

"Sắc tức là không, không tức sắc, Ba đời chư Phật quyền biến đặt. Không vốn không sắc, sắc không không" [2, tr.249].

Tuệ Trung chủ trương Phật tại tâm trong bài *Phật tâm ca* ở *Thượng Sĩ ngữ lục*, vì mê không biết ta là Phật, hay Phật và chúng

HT. THÍCH THANH TỪ

TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ NGỮ LỤC

Giảng giải

Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi lại nhiều cuộc tham vấn thiền giữa các hành giả với nhiều chủ đề khác nhau, thầy trò tự ngầm hiểu mà đắc pháp; phô bày tư tưởng thiền học qua các bài kệ tụng, điển cố, công án; nhiều bài thơ nghệ thuật đặc sắc chuyển tải



the figure that the say emayon an thiền lý, tràn ngập ẩn dụ, hình tượng và tính thẩm mĩ.

sinh không khác nhau. Đó là giá trị nhân sinh rất cao, cung cấp cho con người lý tưởng sống cao đẹp.

4. TINH THẦN NHẬP THẾ TÍCH CƯC

Thiền phái Trúc Lâm ra đời mang tinh thần nhập thế tích cực có công lao to lớn của những người như Tuệ Trung Thượng Sĩ. "Đây là một thiền phái rất có tính cách dân tộc Việt Nam, vừa biểu lộ được sinh hoạt tâm linh siêu việt của Phật giáo vừa biểu lộ được đời sống thực tế và đơn giản của quần chúng nghèo khổ" [6, tr.111]. Tuệ Trung là một trong những người có công đầu, đặt nền móng cho thiền phái Trúc Lâm thời Trần ra đời, thống nhất trên mọi mặt, đồng hành cùng dân tộc.

Tinh thần thiền của Tuệ Trung khẳng định nếu còn chấp là không giải thoát, như tinh thần phá chấp của Luc Tổ Huê Năng là chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, đạt vô ngã tự tại, không chấp ngã và chấp pháp; vượt lên mọi sự ràng buộc của thế giới nhi nguyên. "Chấp trước" là bảo thủ, mê lầm, cái sai cho là đúng, thiên kiến. "Phá chấp" là phá bỏ định kiến thường thức, vượt lên trên ngôn ngữ, luận lý, giáo lý; đổi mới nhân thức, hành đông. Tư tưởng phá chấp được Đức Phật xác quyết: "pháp ta nói như chiếc bè qua sông, pháp còn phải bỏ hà huống là phi pháp (Kinh Kim Cang)" [7, tr.173]. Kinh Viên Giác cũng chỉ ra rằng kinh điển chỉ là ngón tay chỉ trăng. Tư tưởng của Tuệ Trung Thượng Sĩ

góp phần xây dựng thời Trần "là thời đại phục hưng thống nhất đất nước, thống nhất cộng đồng, thời đại phục hưng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc để phát triển đất nước và là thời đại khoan giải, an lạc, nhân thứ, rộng mở và dân chủ" [5, tr.9].

Thiền học Tuệ Trung gửi gắm thông điệp về ý nghĩa duyên sinh, vô ngã, vô trụ, thể nhập. Bởi theo ông, tất cả sự vật hiện hữu đều nằm trong sư tương duyên của vạn pháp, cái này có cái kia có, cái này không cái kia không. Với tinh thần thiền học tương dung đạo đời bất nhi đó, Tuệ Trung Thượng Sĩ đã tự tại: "Vào xứ mình trần bỏ áo đi; Phải đâu ư quyên lễ chỉ tùy nghi" [15, tr.285]; khiến đời sống thiền hòa

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 89

PHÂT GIÁO KHOA HOC & TRIẾT LÝ

nhập, siêu xuất trong mọi hoàn cảnh, phù hợp với từng căn cơ đối tượng; nhờ vậy mà Phật giáo Trúc Lâm giữ vi trí quan trong đối với Đại Việt, sinh hoạt Phật giáo song hành đời sống dân tộc, đem lại lợi ích chung khi các đối đãi được đặt xuống.

Với tinh thần hòa quang đồng trần, cư trần lạc đạo, thiền học của Tuệ Trung không còn giới han trong khuôn viên nhà chùa mà tư tai mọi nơi. Cho nên thời Trần, chùa chiền được xây dựng và tu bố nhiều, kinh tế nhà chùa được triều đình bảo hộ, số người xuất gia đông, các Thiền sư xuất sắc giữ vị trí cố vấn cho triều đình. Phật giáo đã tác động rất lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội,

hạnh phúc, tham thiền, sống đạo nhập thể tích cực.

Kết luân

Với tinh thần thiền học kiến tánh, Phật tại tâm, vô chấp, vượt qua nhị kiến, Tuệ Trung Thượng Sĩ nhấn mạnh đến tinh thần giác ngộ ngay chính từ cuộc đời, tinh thần tư lực, không phân biệt đối đãi. Vì sinh tử, tội hay phước, phiền não hay Bồ đề đều nằm trong bản thể chân như. Tư tưởng thiền học của ông là tinh thần thiền tông phá chấp tướng, cũng là tinh thần Đại thừa hư không diệu hữu. Nhờ vậy trong tu tập và hành thiền, Tuệ Trung Thượng Sĩ đã không quá bám víu vào những thuật ngữ. những khái niệm thế gian định sẵn mà sống thiền với thái đô hòa triển tiến bộ của lịch sử tư tưởng và văn hóa dân tộc, hình thành tính cách dân tộc, chống đồng hoá; mà vẫn căn bản giữ được cốt tủy Phật giáo. Tuệ Trung Thượng Sĩ là mẫu người cư sĩ trí thức xuất sắc của thiền học Đại Việt, thiền học Trúc Lâm cũng như Phật giáo Viêt Nam.

* SC. Thích Nữ Viên Giác (thế danh Đặng Thị Đông), Nghiên cứu sinh khóa II tại Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Bùi Huy Bích (1972), Hoàng Việt văn tuyển, tập 1,2,3, Phủ quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, Sài Gòn.
- 2. Lý Việt Dũng (dịch giải), (2003), Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục, Nxb. Mũi Cà
- 3. Thích Phước Đạt (2013), Giá trị văn

văn hóa, giáo dục của cả nước; và ngược lại, nhờ quốc gia hưng thịnh mà Phật giáo phát triển và thực thi cuộc sống đạo.

Tuệ Trung đã thể nhập và bước vào thể giới thực chứng. Ông cho rằng, trong chân như không có sự khác biệt giữa phàm thánh; Phật và chúng sanh; hư không và pháp giới không khác tướng; Phật và chúng sanh không khác tướng; sanh tử và Niết bàn không khác tướng; phiền não và Bồ đề không khác tướng, lìa hết thảy các tướng tức là Phật. Chúng sanh vô minh do chấp thủ tướng sinh diệt, muốn trở về nguồn tâm cần xa lìa ngã tướng. Tuệ Trung vốn dòng đối quan quyền, vị thế như cánh tay phải của nhà vua, nên trong những công việc trọng đại của triều đình, ông đều tham vấn và đích thân hành động. Những tư tưởng thiền học tích cực của Tuê Trung đã góp phần tích cực bảo vệ đời sống dân chúng Đại Việt được ấm no, quang đồng trần, cư trần lạc đạo, vô nhiễm, vượt qua phân biệt đối đãi, dung hợp uyển chuyển, đề cao sự giác ngộ của tâm tinh thức.

Cuộc đời và hành trạng của Thượng Sĩ cho thấy, ông chính là một trong số những bậc long tượng của Phật giáo thời Trần cũng như Phật giáo Việt Nam. Tên tuổi Tuệ Trung Thượng Sĩ gắn liền với Đại Việt hùng cường; đại diện tiêu biểu cho hình ảnh cư sĩ có tín tâm kiên cố, hoằng truyền chánh pháp, hộ trì Tam bảo, hộ quốc an dân. Tuệ Trung góp phần làm cho Phât giáo Việt Nam có sắc thái riêng so với Phật giáo Trung Quốc. Có thể nói, tinh thần thiền học của Tuệ Trung tiếp thu và ảnh hưởng từ thiền tông Đại thừa và thiền học trước đó nhưng đã có sự sáng tạo: dung hợp Tam giáo đồng nguyên, Thiền-Tinh-Mật song tu, dung hợp với các tín ngưỡng bản đia, ứng dung hài hòa trong bối cảnh đất nước. Qua đó, góp phần thúc đẩy sự phát

học trong tác phẩm của Thiền phái Trúc Lâm, Nxb. Hồng Đức.

- 4. Thích Thông Phương (2004), Kinh Kim Cương giảng lục, Nxb. Tôn giáo, Hà Nôi.
- 5. Nguyễn Lang (2012), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Phương Đông,
- Thích Phước Sơn (dịch & chú), (1995),
 Tam Tổ thực lục, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- Thích Thiện Siêu (2003), Lược giảng Kinh Pháp Hoa, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
 Quảng Thảo (2007), Chân dung con người trong thơ Thiền Lý-Trần, Nxb. Tôn giáo.
- 9. Thích Minh Tuệ (PL.2536-1993), *Lược sử Phật giáo Việt Nam,* Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh.
- 10. Thích Thanh Từ (2008), *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục giảng giải*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- 11. Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học phương Đông, Tập 4*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
- 12. Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý Trần*, Nxb. KHXH Hà Nội.
- Viện Văn học (1982), Thơ văn Lý -Trần, tập 2, Quyển thượng, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- 14. Viện Văn học (1989), "Tuệ Trung Thượng Sĩ - Vật Bất Năng Dung", Thơ văn Lý - Trần, Tập 2, Quyển Thượng, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

VĂN HÓA PHÂT GIÁO 15-11-2021

Cô giáo vùng cao Đào Thị Tròn

Bạn tôi - Cô giáo vùng cao, Bạn lên cắm bản người Dao, người Tày Ở đây gió lạnh, sương dày, Thương đàn trẻ nhỏ, thân gầy bơ vơ. Nặng lòng kính trọng Thầy Cô, Siêng năng học chữ, ước mơ đổi đời.

Bạn tôi thao thức đêm dài, Bên chồng giáo án, soạn bài chỉn chu. Lại còn lo bão, lo mưa, Lũ càn, lũ quét trò thưa đến trường.

Niềm vui đứng bục giảng đường,



Người gieo hạt

Nguyễn Thánh Ngã

Như người gieo hạt trên đồng, Thầy gieo câu chữ vào lòng tôi xưa. Lần đầu chạm nắng va mưa, Hạt là chữ nghĩa đội mùa lên xanh.



Bảng đen, phân trắng lẽ thường bạn tôi. Sông đời khi đục, khi vơi, Bến nông, bến cạn, bên bồi, bên sâu.

Trò đi Bốn biển, Năm châu, Bạn tôi tóc bạc, nhuộm màu truân chuyên. Con đò cập bến bình yên, Ban tôi ngồi lại, nặng duyên trồng người. Tạp Chí Văn Hoá Phật Giáo 378

Thầy vun gốc, thầy tỉa cành, Giữ gìn những lúc đành hanh gió về. Lại khi sâu bệnh ủ ê, Lời thầy sực tinh cơn mê giữa đời...

Trăm năm một cuộc trồng người, Thầy như tia nắng mặt trời phương Đông. Cây tôi mọc giữa mênh mông, Vẫn nhìn về phía rực hồng cao lên.

Mẹ cha công nặng đáp đền, Tháng ngày trường lớp sao quên nghĩa dày. Trong tôi hạt chữ mỗi ngày, Đầy như quả ngọt xưa thầy đã gieo...



Cao Minh Tèo



âu lắm rồi, tôi mới về lại trường xưa. Ngôi trường cũ nằm trong lòng thị trấn nhỏ, khoác màu áo mới! Mái ngói rêu phong, sáng bừng màu son đỏ. Bức tường giả nua năm nào li ti vết nứt thời gian, giờ đã trắng màu sơn mới. Duy chỉ có ký ức học trò vẫn còn lưu lại dưới những gốc phượng tàn cây. Tôi lững thững dạo bước, nghe hồn mình rất lạ!

Những ngày này, Cà Mau mưa nhiều, mưa chiều trút xuống thị trấn Đầm Dơi, cho nỗi nhớ chợt ùa về quay quắt. Tôi nép dưới hiện nhà ai, gió từ đầu thổi, áo trắng của em tan trường phon phót mưa bay! Tôi cũng như em, ngày xưa trong màu áo trắng, học ở ngôi trường này, quá đỗi thân thương! Nhìn theo áo trắng em xa dần trên phố, tôi thênh thang nỗi nhớ tuổi học trò.

Ngày nhận bằng Thạc sĩ, tôi được bạn khen giỏi quá, ước chi mình được một phần như cậu, tôi nghe thẹn quá chừng! Bạn đâu biết, ngày xưa mình học dỡ lấm, dở đến nỗi phải thi lại mấy môn. Bạn đâu biết, có những đêm mình thức thật khuya để học bài, những cái biết thì thôi, những cái không biết phải thuộc lòng đến từng dấu chấm. Bạn nghe mình nói, chợt giật mình, hỏi thật không? Không có gì khó cả, chỉ không có sự cố gắng mà thôi! Nhưng bạn đâu biết, mọi thứ hôm nay tôi có được, đắng đót từ tình

yêu thương và cả những hạt mầm tri thức của thầy cô ở mái Trường THPT Đầm Dơi hun đúc nên.

Nhớ đôi mắt rơm rớm đỏ, đong đầy cái tâm, cái tài sư phạm của cô Xuân Thu, khi lớp tôi làm nhiều điều trái khoáy. Nhớ dăm lần, tôi vi phạm Nội quy nề nếp, cô chỉ khẽ khảng dồn ánh mắt tình thương, hơn dùng chiếc roi nhỏ xíu, để cả đời tôi, nhớ những sai lầm. Nhớ lắm...! Nhớ cô từng dạy, phải giữ cho mình một thiện tâm trong sáng, đừng ngã tay chèo trước sóng cả cuộc đời, hãy biết sống khiệm tốn, kết quả cuối cùng là lời nói đúng nhất của mình, em nhé! Và tôi đã cùng cô, "Kinh qua nhiều mặt trận" chống ngoại xâm hào hùng của cha ông trong những trang sách sử, qua từng tấm bản đồ trận địa, qua lời giảng bài lôi cuốn mê say, dung chứa tâm hồn yêu nghề sâu thắm, để chúng tôi ấp ủ những ước mơ! Qua từng tiết giảng Lịch sử của cô, tôi bỗng thấy mình trưởng thành hơn trong nếp nghĩ; thêm yêu quê hương, đất nước mình; yêu những đảo chìm, đảo nổi, yêu màu lá bàng vuông xanh nơi Trường Sa, có người lính biên phòng ngày đêm giữ đảo! Và tôi thêm yêu nghề giáo thanh cao!

Nhớ mái tóc thầy Hiệu trưởng, không phải đen huyền hay bạc trắng, mà rất tây, đẹp lắm, tôi tin



(Anh: sưu tầm)

chẳng ai có tóc giống thầy. Tôi nhớ nét phần, vẽ đồ bàn tay khéo léo của các em học trò, thương quá đỗi

thị hàm số mềm như họa sĩ của thầy Thái Hà; tôi nhớ thầy Thanh Hùng với bài giảng Bên kia sông Đuống, lấp lánh Mảnh trăng cuối rừng, khóc cùng Tố Như, thương cụ Đồ Chiểu, nàng Nguyệt Nga thọ ơn ai một chút chẳng sờn! Nhớ lắm...! Nhớ ánh mắt của thầy cô..., kín sâu bao điều ta chưa thấu tỏ!

Thời gian, những bước đi triền miên, tôi về lại trường xưa, chọt cay xè khóc mắt, để chiều ngang qua, tôi nhớ lắm thầy cô. Nơi miền xanh mây trắng, tôi bỗng thấy dáng cô Hằng, giờ thể dục với nụ cười thầy Viễn! Dạ, thưa thầy cô, những đứa học trò ngỗ nghịch năm xưa ham chơi, lười học, giờ thành đạt, con cái đuề huề hạnh phúc, nhưng đối với thầy cô, chúng em xin được làm những đứa học trò bé nhỏ, nép mình trong ấm áp tình thương ở mái trường huyện thân yêu!

Hàng phượng giả xanh màu lá, thế là một mùa hoa đi qua, nơi chúng tôi ngày xưa sau giờ học hay tụm bảy, tụm ba giành nhau viên kẹo nhỏ, miếng xoài chua, vang tiếng cười tuổi ô mai, giờ nhìn những gương mặt mới quây quần, tôi gợi nhớ! Hàng dâm bụt, chúng tôi trồng, nay thay bằng những loài hoa khác, đẹp và sặc sỡ hơn, được tia cành, bón gốc bởi những

thương. Khoảng sân rộng xưa, nay thêm nhiều cây xanh được trồng thẳng tắp mới đẹp làm sao. Màu xanh của lá quyện màu ngói mới, trong nắng chiều hây hây gió, đưa tôi về thời áo trắng cùng em!

Có biết bao nhiêu lớp học trò trưởng thành từ mái trường huyện này, cũng như có bao nhiêu người mong ước trở về thăm trường xưa, thầy cũ, nhưng ngặt nỗi mỗi người mỗi cảnh, cũng đành thôi. Cũng như tôi, lâu lắm rồi mới về lại trường xưa, nghe ký ức học trò tràn qua nỗi nhớ! Thầy cô, ngày đêm bên phấn trắng, bảng đen, cắm vào lòng đất mẹ Đầm Dơi từng mầm tri thức, tưới bằng nước yêu thương cho những mùa chữ nghĩa oằn bông, đến kiệt cùng tóc xanh, để rồi như Bồ công anh, chúng tôi bay đi trong gió, thầy cô chẳng buồn vang lên lời gian lao quá vãng!

Thị trấn nhỏ về đêm, rực sáng đèn. Đường Dương Thị Cẩm Vân, tôi dạo bước, ngang qua trường xưa, chọt nghe ký ức cựa mầm trong nỗi nhớ bâng khuâng! Trường xưa ơi, xa nhớ, về thương!

(Kính tặng thầy cô Trường THPT Đầm Dơi - Cà Mau)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 9

Gió thu nhè nhẹ rung rinh, Bên khung cửa số lung linh nắng hồng. Lật trang vở mới thơm nồng, Con ngồi nắn nót đôi dòng vần thơ.

Tấm lòng gửi đến thầy cô, Người nâng đôi cánh ước mơ... vào đời. Tri ân công sức cao vời, Cho con kiến thức rạng ngời tương lai.

Bên trang giáo án miệt mài, Thầy cô tâm huyết đêm ngày tháng qua. Tận tình lời dạy thiết tha, Cho thế hệ trẻ tiến xa thành người.

Con đò thầm lặng êm trôi, Chở bao khát vọng rạng ngời hôm nay. Vào đời cuộc sống vui say, Hành trang kiến thức cô thầy nào quên.

Bó hoa hương ngát dịu êm, Vần thơ trìu mến đây niềm biết ơn.



TRI ÂN THẦY CÔ

NHẬT QUANG



Tình cô thây mãi sắt son, Ngàn đời ghi khắc lòng con nhớ hoài.

DÁNG THÂY



NGUYỄN MINH THUẬN

Bâng khuâng tôi nhớ dáng thầy! Tháng ngày tận tụy với bầy trò thơ. Ngâm nga những chữ i tờ... Thầy đưa tôi đến bến bờ tương lai.

Đêm về thầy vẫn miệt mài! Bên trang giáo án soạn bài hôm sau. Đâu hay đêm vội qua mau, Bóng thầy lặng lẽ chìm vào thinh không.

Bây giờ tóc bạc, lưng còng Nhưng thầy tôi vẫn một lòng tận tâm. Như con đò mãi lặng thầm, Chống chèo qua những tháng năm cuộc đời

Chiều nay riêng một góc trời! Mình tôi thơ thần nhớ thời học sinh, Nhớ thầy với những ân tình! Cho tôi vững bước hành trình hôm nay.



NGHĨA TÌNH XÓM TÔI

Nguyễn Lê Ái Ngọc

Xóm tôi ngõ nhỏ phố xanh, Chung vui cuộc sống yên lành bấy nay. Bỗng dưng Covid đến đây, Một ngày con hẻm nơi này cách ly.

Sài Gòn đầy đủ tiện nghi, Bây giờ hiếm cả gói mì, củ khoai. Phòng trọ lo lắng nay mai, Không còn hạt gạo, đuối hai tháng rồi!

Vì con Covid đó thôi! Người người thất nghiệp, đứng ngồi không yên. Khó khăn kết nối thiện duyên, Bao dung, hào sảng nối liền vòng tay. Bếp ăn tình nghĩa thật hay, Hộp cơm chia sẻ được bày trước sân. Chị, cô đừng có băn khoăn, Kính mời chú, bác cứ ăn no lòng.

Này em, này cháu phòng trong, Ra đây nhận chút tấm lòng xóm ta. Bạn bè thiện nguyện gần xa, Góp hàng cứu trợ cùng là thương yêu.

Gạo, mì, rau, sữa... thật nhiều! Người dân lao động bớt điều lo âu. Không ai bị bỏ rơi đâu, Nghĩa nhân "sứ giả nhịp cầu con tim".

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-11-2021 95







VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 32.000 đồng

